



**PHỤNG SỰ
TỪ TÂM**

**KHÁT VỌNG
DẪN ĐẦU**

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI & TRIẾT LÝ THƯƠNG HIỆU

1. THÔNG TIN CHUNG



26

1.1. Thông tin khái quát	26
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	27
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	30
1.4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	31
1.5. Định hướng phát triển	37
1.6. Các rủi ro	39

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020



44

2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	44
2.2. Tổ chức và nhân sự	45
2.3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	47
2.4. Tình hình tài chính	50
2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	51

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



52

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	52
3.2. Tình hình tài chính	53
3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	56
3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (2020-2025)	57
3.5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội	59

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG



62

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ngân hàng	62
4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	62
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	63

MỤC LỤC

5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1 Hội đồng quản trị	64
5.2 Ban Kiểm soát	70
5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	71

6. CÁC SỰ KIỆN HOẠT ĐỘNG BỨT PHÁ NĂM 2020

74

7. THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI

76

8. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

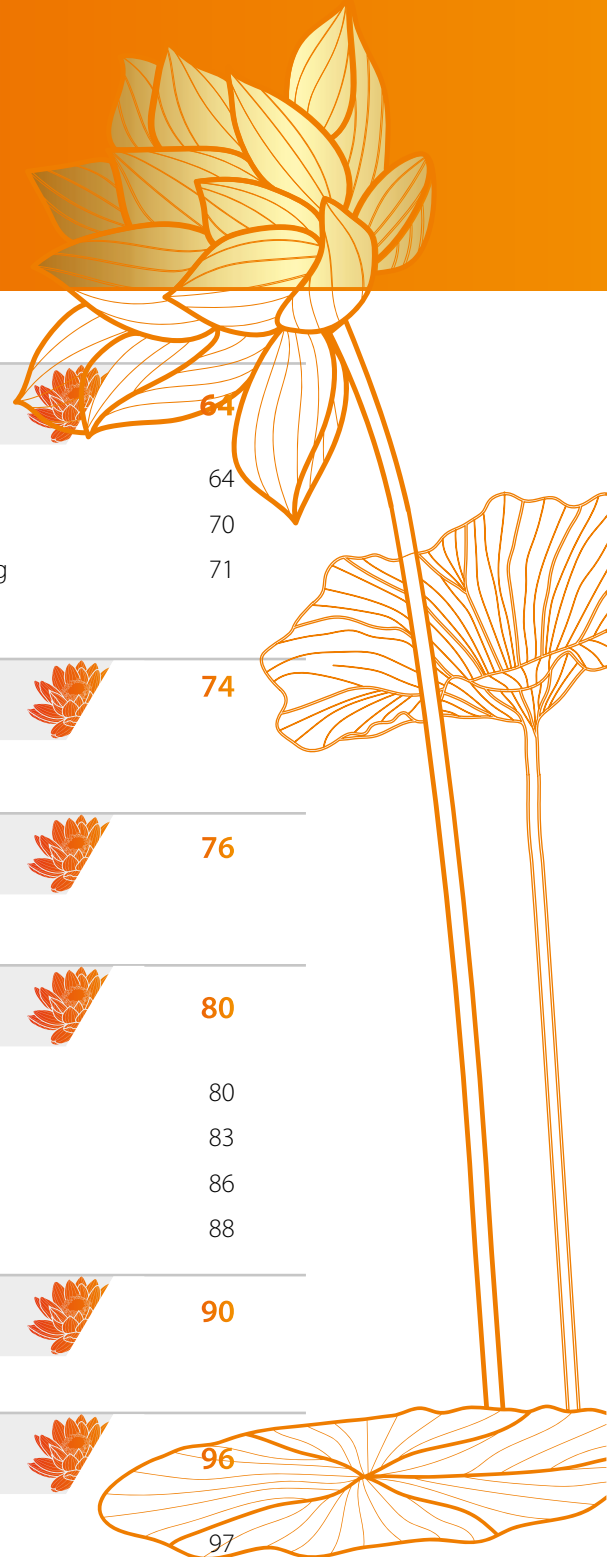
8.1 Chính sách liên quan đến người lao động	80
8.2 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	83
8.3 Trách nhiệm đối với môi trường	86
8.4 Hoạt động thị trường vốn xanh	88

9. MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

90

10. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10.1 Thông tin chung	96
10.2 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	97
10.3 Báo cáo kiểm toán độc lập	99
10.4 Bảng cân đối kế toán hợp nhất	100
10.5 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	102
10.6 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	105
10.7 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	107



Thông điệp Chủ tịch HĐQT

“Tiến vào năm 2021, SHB tiếp tục mang trong mình tâm thế và sứ mệnh của một trong những NHTM Top đầu thế hiện KHÁT VỌNG DẪN ĐẦU, với tôn chỉ PHỤNG SỰ TỪ TÂM. Mục tiêu tới năm 2025, cùng với quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ, SHB sẽ trở thành ngân hàng số 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam”

“Tầm nhìn tới năm 2030, SHB trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại trong Top đầu của khu vực; là ngân hàng đầu tư cung ứng nguồn vốn hiệu quả nhất cho những lĩnh vực trọng điểm của kinh tế Việt Nam. Thực hiện thành công mục tiêu này, SHB đã và đang cùng các nhà tư vấn hàng đầu thế giới đẩy mạnh triển khai các chiến lược cạnh tranh khác biệt, nhằm tăng tốc hiệu quả và phù hợp trong từng giai đoạn”.

Thay mặt HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể CBNV Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và khách hàng lời chào trân trọng, lời cảm ơn chân thành và lời chúc tốt đẹp nhất!

Kính thưa Quý vị!

Năm 2020 là năm khó khăn chung với nền kinh tế do tác động lớn từ đại dịch Covid-19. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu tuy dần có dấu hiệu phục hồi từ quý III và IV song vẫn còn rất nhiều thử thách. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh có nhiều diễn biến khó lường và các hạn chế về hoạt động gia tăng ở nhiều nền kinh tế phát triển. Bất chấp sự sụt giảm trong tăng trưởng kinh tế toàn cầu, Việt Nam là một trong những điểm sáng cả trên lĩnh vực y tế và kinh tế. Điều này góp phần nâng cao vị thế, lợi thế của Việt Nam hơn bao giờ hết. Dưới sự điều hành, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Chính phủ và NHNN; Việt Nam đã ổn định kinh tế vĩ mô, biến những thách thức thành thời cơ, đưa nền kinh tế nước nhà vào danh sách số ít quốc gia có tốc độ tăng trưởng dương và thuộc nhóm cao nhất thế giới - mức 2,91% năm 2020.

Là một trong những NHTM lớn nhất Việt Nam, SHB đã vững vàng tăng trưởng trong năm 2020, đồng thời góp phần trở thành động lực của nền kinh tế nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng, đồng hành thiết thực cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua thời kỳ khó khăn.

Tính đến cuối năm 2020, tổng tài sản của SHB đạt 412.680 tỷ đồng, tăng 13% so với cuối năm 2019. Vốn tự có theo chuẩn Basel II đạt 37.180 tỷ đồng. Vốn điều lệ đạt 17.510 tỷ đồng. Huy động vốn khách hàng đạt 338.129 tỷ đồng, tăng 17,2%; dư nợ cấp tín dụng đạt 316.670 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế của SHB năm 2020 đạt 3.268 tỷ đồng, tăng 8% so với năm trước, hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Bên cạnh đó, SHB kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, đưa tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập thuần (CIR) xuống 35,2%, thấp nhất trong 5 năm qua. Đặc biệt, với các giải pháp xử lý nợ quyết liệt, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống còn 1,83%, thấp nhất trong giai đoạn 5 năm gần đây, tỷ lệ nợ xấu gồm trái phiếu VAMC giảm xuống dưới 3%, hoàn thành mục tiêu NHNN giao. Việc tăng cường chi phí dự phòng của SHB cũng giúp cho tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại 31/12/2020 của SHB ở mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Nhờ đó, đến tháng 10/2020, SHB đã cơ bản hoàn thành trước hạn các tổn động trong Đề án nhận sáp nhập Habubank.

Có được kết quả này là do SHB đạt tăng trưởng ở hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại, kiểm soát & quản trị rủi ro nhằm mang đến cho khách hàng sự toàn diện cả về lợi ích và giá trị vượt trội. Đặc biệt, SHB hoàn tất ba trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, đáp ứng toàn thủ toàn diện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, nhận được đánh giá tích cực của các tổ chức quốc tế, góp phần nâng cao uy tín của SHB nói riêng và toàn ngành Ngân hàng Việt Nam nói chung. Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất theo Basel II đạt 10,1% (quy định của NHNN là >8%).

Bên cạnh đó, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội luôn là yếu tố gắn kết chặt chẽ song hành với hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Đó là lý do SHB không ngừng nỗ lực mang lại những giá trị tốt đẹp nhất cho cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của kinh tế, an sinh xã hội đất nước với nhiều hoạt động ý nghĩa trong các lĩnh vực giáo dục, thể thao, y tế, thiện nguyện... Đầu năm 2020, ngay khi dịch bệnh tác động tới kinh tế và xã hội; SHB đã nhanh chóng triển khai 2 gói hỗ trợ quy mô 27,5 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp, cá nhân trên cả nước. Cùng với đó là những dự án thúc đẩy thương hiệu hàng Việt Nam vươn ra thế giới thông qua hợp tác với Amazon và T&T Group, dự án hỗ trợ đưa nguồn vốn giá rẻ tới các Doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua quỹ Phát triển doanh nghiệp Bộ KHĐT... và hàng chục tỷ đồng ủng hộ người dân cả nước chống dịch, vượt qua thiên tai, bão lũ.



Thưa Quý vị,

Khép lại năm 2020 đầy biến động của thị trường, SHB đồng thời khép lại quá trình nhận sáp nhập Habubank, xử lý cơ bản các tổn động theo Đề án, mở ra một giai đoạn với sự đổi mới toàn diện cả chiều rộng lẫn chiều sâu – một thập kỷ mới đầy triển vọng lạc quan, bứt phá và tăng trưởng mạnh mẽ.

Vừa qua, SHB đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên mức 17.510 tỷ đồng, và dự kiến đến tháng 6/2021 sẽ tăng tiếp lên mức gần 21.300 tỷ đồng từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho hai năm 2019 và 2020, lần lượt với tỉ lệ 10% và 10,5%. Lộ trình thoái vốn của Ngân hàng tại Công ty Tài chính MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB FC) cho nhà đầu tư chiến lược lớn nước ngoài cũng đang được SHB thực hiện lựa chọn nhà đầu tư. Ngoài ra, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đã chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu SHB trên sàn HOSE; theo đó SHB sẽ chuyển sàn niêm yết từ HNX sang HOSE tại thời điểm phù hợp (khi hạ tầng HOSE được cải thiện). Những động thái mang tính chiến lược này sẽ giúp SHB đẩy mạnh hình ảnh và thu hút các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, mở rộng các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng ra thị trường quốc tế, nâng cao vị thế và giá trị SHB trong và ngoài nước.

Tiến vào năm 2021, SHB tiếp tục mang trong mình tâm thế và sứ mệnh của một trong những NHTM Top đầu thể hiện KHÁT VỌNG DẪN ĐẦU, với tôn chỉ PHỤNG SỰ TỪ TÂM. Mục tiêu tới năm 2025, cùng với quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ, SHB sẽ trở thành ngân hàng số 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Tầm nhìn tới năm 2030, SHB trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại trong Top đầu của khu vực; là ngân hàng đầu tư cung ứng nguồn vốn hiệu quả nhất cho những lĩnh vực trọng điểm của kinh tế Việt Nam. Thực hiện thành công mục tiêu này, SHB đã và đang cùng các nhà tư vấn hàng đầu thế giới đẩy mạnh triển khai các chiến lược cạnh tranh khác biệt, nhằm tăng tốc hiệu quả và phù hợp trong từng giai đoạn.

Trong đó, SHB đặc biệt chú trọng chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng kinh tế số; hình thành một văn hóa số, một ngân hàng số cung cấp trải nghiệm tuyệt vời, tối ưu hóa chi phí và sự hài lòng cho khách hàng; nhằm thúc đẩy doanh thu và hiệu quả kinh doanh. Với việc thành lập Khối ngân hàng số, SHB sẽ xây dựng và liên tục ra mắt các sản phẩm dịch vụ, sáng kiến số hóa quy trình vận hành mới, số hóa hành trình khách hàng, từ đó tăng khả năng tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô và tăng trưởng bền vững. Khát vọng SHB hướng tới nền tảng tài chính ngân hàng toàn diện cho các hệ sinh thái số của Việt Nam, các nước Đông Dương cũng như khu vực.

HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBNV SHB thống nhất và quyết tâm cao độ; sẽ nỗ lực hết mình, hiện thực hóa những khát vọng của người SHB, luôn hướng tới thị trường, sự thịnh vượng của nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng và quốc gia. Trên hành trình đó, SHB tiếp tục mong nhận được sự đồng hành và hỗ trợ quý báu của Quý vị!

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Quang Hiến

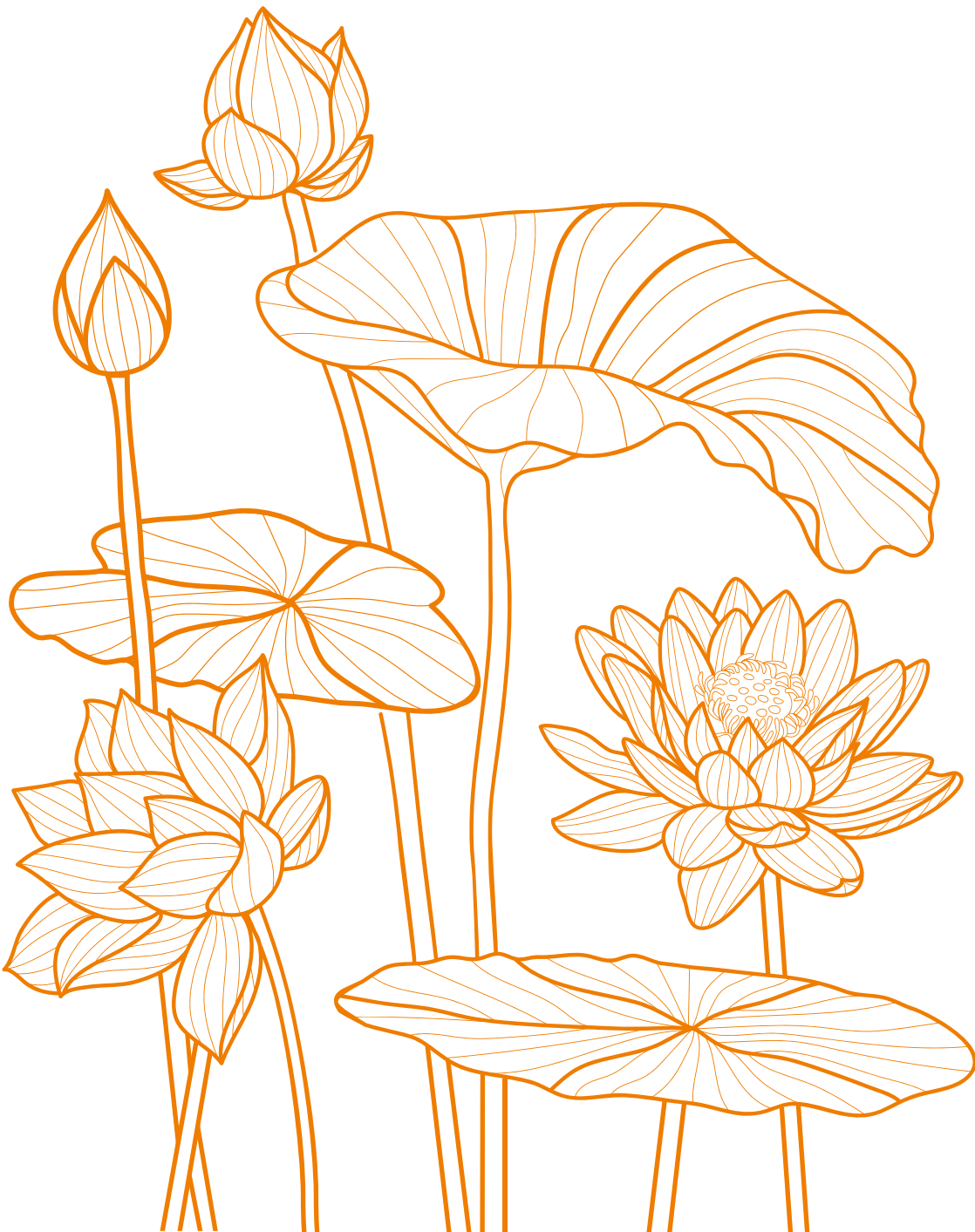






PHỤNG SỰ
TỪ TÂM

“Tiềm lực tài chính vững mạnh, mạng lưới rộng khắp, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm cùng với tâm thế luôn “Phụng sự từ Tâm” là tiền đề để SHB nỗ lực hành động, đổi mới và ngày càng tiến xa trên hành trình phát triển. ”





Tầm nhìn, sứ mệnh Triết lý thương hiệu

Mục tiêu & Tầm nhìn

Mục tiêu tới năm 2025, cùng với quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ, SHB sẽ trở thành ngân hàng số 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Tầm nhìn tới năm 2030, SHB trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại trong Top đầu của khu vực; là ngân hàng đầu tư cung ứng nguồn vốn hiệu quả nhất cho những lĩnh vực trọng điểm của kinh tế Việt Nam.

SHB đã và đang cùng các nhà tư vấn hàng đầu thế giới đẩy mạnh triển khai các chiến lược cạnh tranh khác biệt và phù hợp trong từng giai đoạn, giúp tăng tốc hiệu quả để thực hiện thành công các định hướng này.

Sứ mệnh

Trở thành điểm đến về giải pháp tài chính đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ sự thân thiện, thấu hiểu và chia sẻ trên từng chặng đường của khách hàng thông qua hệ thống giải pháp sản phẩm dịch vụ toàn diện và đặc thù đem lại giá trị cho từng nhu cầu nhỏ nhất của khách hàng.

Tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng mà ở đó mỗi Cán bộ nhân viên là một tế bào của doanh nghiệp, được tôn trọng, học hỏi và phát huy hết khả năng cho sự phát triển của Ngân hàng và sự thành đạt của bản thân.

Bảo vệ quyền lợi, đem lại nhiều giá trị dài hạn cho cổ đông thông qua việc triển khai chiến lược kinh doanh khác biệt hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả.

Triết lý thương hiệu

Trong quá trình phát triển, SHB luôn mang trong mình tâm thế và sứ mệnh của một trong những NHTM Top đầu thể hiện “Khát vọng dẫn đầu”, với tôn chỉ “Phụng sự từ tâm”.

Phụng sự từ tâm: SHB lấy chữ Tâm làm cốt lõi, là tôn chỉ của mọi hoạt động, tạo nên giá trị khác biệt trên thị trường. Luôn tâm niệm phụng sự Quốc gia, Cộng đồng, Khách hàng, SHB vững tin vào triết lý Trao đi trước - Nhận lại sau.

Khát vọng dẫn đầu: Chữ Tâm kết hợp với chữ Tuệ góp phần hiện thực hóa "Khát vọng dẫn đầu" của SHB, đưa ngân hàng vươn xa và dẫn đầu các lĩnh vực hoạt động, hướng tới vị trí một định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, vươn tầm khu vực.



Ông Đỗ Quang Hiến

Chủ tịch HĐQT SHB

- Ông Đỗ Quang Hiến sinh năm 1962; Ông tốt nghiệp Kỹ sư vật lý vô tuyến tại Đại học Tổng hợp Hà Nội

- Ông công tác tại SHB và được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT SHB từ năm 2005 đến nay.

- Ông hiện đang đảm nhiệm các chức vụ:

+ Chủ tịch HĐQT SHB

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn T&T

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bệnh viện Giao thông vận tải

+ Chủ tịch hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hà Nội

+ Ủy viên UB TWMTTQ VN

- Ông được Đảng, nhà nước và các tổ chức ghi nhận nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc như: Huân chương lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng; “Doanh nhân châu Á 2017” do tạp chí Enterprise Asia vinh danh. “Công dân thủ đô ưu tú 2018” do UBND Thành phố Hà Nội trao tặng.

- Ông từng làm việc tại Đài phát thanh Hà Nội, Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel), Viện nghiên cứu công nghệ quốc gia... và có 37 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01



Ông Võ Đức Tiến

Phó Chủ tịch HĐQT SHB

- Ông Võ Đức Tiến sinh năm 1962; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, Học viện Ngân hàng
- Ông công tác tại SHB từ năm 2016 và được bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT SHB từ năm 2017 đến nay
- Ông từng giữ các chức vụ: Ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát Ngân hàng hàng chính sách xã hội Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Agribank chi nhánh Chợ Hôm, chi nhánh Hai Bà Trưng, chi nhánh Long Biên,... và có 37 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

02



Ông Nguyễn Văn Lê

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc SHB

- Ông Nguyễn Văn Lê sinh năm 1973, Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế, Học viện ngân hàng;
- Ông công tác tại SHB từ năm 1999 và được bổ nhiệm Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc SHB từ năm 2000 đến nay;
- Ông được Đảng, nhà nước và các tổ chức ghi nhận nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc như: Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lãnh đạo giỏi;
- Ông có 26 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

03



Ông Trịnh Thanh Hải

Thành viên HĐQT độc lập

- Ông Trịnh Thanh Hải sinh năm năm 1964; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học George Washington - Mỹ;
- Ông công tác tại SHB và được bổ nhiệm Thành viên HĐQT độc lập từ năm 2018 đến nay;
- Ông từng giữ các chức vụ: Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng An Bình; Trợ lý Phó chủ tịch Tập đoàn New York Life (Mỹ); Giám đốc Phát triển KD và dịch vụ tư vấn Tài chính, Tập đoàn QLĐT Indochina Capital tại Hà Nội; Giám đốc Tư vấn, Công ty TransPacific Pathway Link LLC (TPP Link) (Mỹ);... và có 34 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04



Ông Phạm Công Đoàn

Thành viên HĐQT

- Ông Phạm Công Đoàn sinh năm 1960; Ông tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, ĐH Kinh tế quốc dân;
- Ông công tác tại SHB và được bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ năm 2017 đến nay.
- Ông hiện đang đảm nhiệm các chức vụ như: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Núi Vàng Hoàng Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải Hàng Không T&T; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp Năng Lượng Ninh Thuận;...
- Ông đã từng giữ chức vụ: Ủy viên thường trực Hội đồng Thành viên Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin; Phó giám đốc Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác quốc tế - TKV; Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Trưởng Ban kiểm soát nội bộ Mỏ than Đèo Nai, Hà Lâm, Cao Sơn;... và có 38 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

05



Ông Thái Quốc Minh

Thành viên HĐQT SHB

- Ông Thái Quốc Minh sinh năm 1960; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Edith Cowan Australia;
- Ông công tác tại SHB và được bổ nhiệm Thành viên HĐQT SHB từ năm 2017 đến nay;
- Ông từng giữ các chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ và Phát triển Hạ tầng Viễn thông Unitel; Phó chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel; Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam;... và có 37 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

06



Bà Nguyễn Thị Hoat

Thành viên HĐQT

- Bà Nguyễn Thị Hoat sinh năm 1986; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế, Học viện Tài chính;
- Bà công tác tại SHB từ năm 2015 và được bổ nhiệm Thành viên HĐQT SHB từ năm 2020 đến nay;
- Bà từng giữ chức vụ Phó trưởng Ban Kiểm soát SHB và có 12 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

BAN KIỂM SOÁT

01



Ông Phạm Hòa Bình

Trưởng Ban Kiểm soát

- Ông Phạm Hòa Bình sinh năm 1961; Ông tốt nghiệp Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng, Học viện Ngân hàng;

- Ông công tác tại SHB từ năm 2006 và được bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát SHB từ năm 2012 đến nay;

- Ông từng giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SHB, Thành viên Ban Kiểm soát SHB kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ, Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cần Thơ, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương chi nhánh Cần Thơ,... và có 31 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

02



Bà Lê Thanh Cẩm

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

- Bà Lê Thanh Cẩm sinh năm 1967; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ QTKD - Pacific Western University US; Cử nhân Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế quốc dân;

- Bà công tác tại SHB từ năm 2013 và được bổ nhiệm Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát SHB từ năm 2020 đến nay;

- Bà đã từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ SHB, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ ngoại hối ABBANK, Phó Giám đốc Khối QLRR Maritimebank, Giám đốc Kiểm toán nội bộ Maritimebank, ... và có 31 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

03



Bà Phạm Thị Bích Hồng

Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát

- Bà Phạm Thị Bích Hồng sinh năm 1968; Bà tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, Trường ĐH Thương Mại Hà Nội;

- Bà công tác tại SHB và được bổ nhiệm Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát SHB từ năm 2017 đến nay;

- Bà từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và có 31 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



01

Ông Nguyễn Văn Lê

Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Văn Lê sinh năm 1973, Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế, Học viện ngân hàng;
- Ông công tác tại SHB từ năm 1999 và được bổ nhiệm Tổng Giám đốc SHB từ năm 2000 đến nay;
- Ông có 26 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó hơn 20 năm gắn bó với SHB và đạt được nhiều thành tựu.
- Ông được Đảng, nhà nước và các tổ chức ghi nhận nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc như: Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lãnh đạo giỏi;



02

Bà Ngô Thu Hà

Phó Tổng Giám đốc

- Bà Ngô Thu Hà sinh năm 1973; Bà tốt nghiệp Tiến sĩ kinh tế, ĐH Kinh tế quốc dân;
- Bà công tác tại SHB từ năm 2008, được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc SHB từ 15/03/2011 đến nay, kiêm Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Kế toán;
- Bà từng giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SHB, Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch SHB, ...và có 26 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



03

Bà Hoàng Thị Mai Thảo

Phó Tổng Giám đốc

- Bà Hoàng Thị Mai Thảo sinh năm 1973; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế, Học viện Ngân hàng;
- Bà công tác tại SHB từ năm 2010 và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT SHB Finance từ ngày 8/01/2021 đến nay; kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ;
- Bà từng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên SHB Finance, Giám đốc Khối Hỗ trợ; Giám đốc Khối Nguồn vốn SHB; Giám đốc Chi nhánh VPBank, ... và có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



04

Ông Lê Đăng Khoa

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Lê Đăng Khoa sinh năm 1974; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế quốc dân;
- Ông công tác tại SHB và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc SHB từ tháng 3/2009 đến nay, kiêm Giám đốc Khối kinh doanh vốn và thị trường tài chính;
- Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh nguồn vốn & Ngoại hối, NHTMCP Quốc tế (VIB) và có 26 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

05



Bà Ninh Thị Lan Phương

Phó Tổng Giám đốc

- Bà Ninh Thị Lan Phương sinh năm 1974; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng;

- Bà công tác tại SHB từ năm 2007 và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc SHB từ tháng 6/2012 kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác tài sản SHB (SHAMC) từ tháng 2/2016 đến nay, kiêm Giám đốc Khối vận hành SHB;

- Bà từng giữ chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng Ngân quỹ, Phó phòng Kế toán SHB,..và có 25 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.

06



Ông Nguyễn Huy Tài

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Huy Tài sinh năm 1974; Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng Học viện Ngân hàng; Cử nhân Luật, ĐH Luật Hà Nội;

- Ông công tác tại SHB từ năm 2007 và được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc SHB kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội từ 02/2013 đến nay;

- Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh tại NHTMCP Bắc Á và có 25 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

07



Ông Đỗ Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Đỗ Đức Hải sinh năm 1982; Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng, ĐH Kinh tế quốc dân;

- Ông công tác tại SHB từ năm 2012 và được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Vạn Phúc từ ngày 28/01/2021 đến nay;

- Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp, Giám đốc chi nhánh tại Habubank (đã sáp nhập vào SHB)..và có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

08



Bà Ngô Thị Vân

Kế toán trưởng

- Bà Ngô Thị Vân sinh năm 1980; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân;

- Bà công tác tại SHB từ năm 2008 và được bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán SHB từ 2014 đến nay;

- Bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Tài chính Kế toán SHB, Kiểm soát viên Ngân hàng Quốc tế,.. và có 18 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Kế toán, tài chính ngân hàng.

PHỤ TRÁCH CÁC KHỐI NGHIỆP VỤ KHÁC

02



Ông Nguyễn Đình Dương

Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ

- Ông Nguyễn Đình Dương sinh năm 1977; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật;
- Ông công tác tại SHB từ năm 2007 và được bổ nhiệm Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ từ năm 2016 đến nay, Thành viên HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán SHB Lào từ 2015;
- Ông từng giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ, Trưởng Ban Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề SHB, Trưởng ban Kiểm soát công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội (SHBS),... và có 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

03



Ông Phạm Viết Dẫn

Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

- Ông Phạm Viết Dẫn sinh năm 1974; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ QTKD ngành Tài Chính Ngân Hàng, Đại Học ULB (University Libre de Brussels);
- Ông gia nhập SHB và được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro từ tháng 9/2016.
- Ông từng giữ chức vụ Trưởng bộ phận Quản trị Rủi ro thuộc khối KHDN tại HSBC Việt Nam, Phó phòng Quan hệ Quốc tế Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu,... và có 20 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng.

04



Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản trị và phát triển nguồn nhân lực

- Bà Nguyễn Thị Thanh Loan sinh năm 1980; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế quốc dân;
- Bà gia nhập SHB và được bổ nhiệm Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản trị và phát triển nguồn nhân lực từ 01/6/2020 đến nay
- Bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự tại Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Quản lý nhân sự tại Công ty VKX - Liên doanh giữa Tập đoàn VNPT và Tập đoàn Ericsson - LG,.. và có 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý nhân sự.

05



Ông Vũ Mai Tùng

Phó Giám đốc phụ trách Khối Công nghệ thông tin

- Ông Vũ Mai Tùng sinh năm 1969; Ông tốt nghiệp cử nhân Tin học, Đại học Bách Khoa Hà Nội;
- Ông gia nhập SHB và được bổ nhiệm Phó Giám đốc phụ trách Khối Công nghệ thông tin từ 01/10/2020 đến nay;
- Ông từng giữ chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin tại ngân hàng Phương Đông, ngân hàng Quốc Dân, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt,...và có 28 năm kinh nghiệm, trong đó 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT ngân hàng.

06



Bà Đoàn Thanh Huyền

Phó Giám đốc phụ trách Khối Hỗ trợ kiêm Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ tín dụng

- Bà Đoàn Thanh Huyền sinh năm 1980; Bà tốt nghiệp Thạc sỹ MBA - Trung tâm đào tạo về quản lý CFVG – ĐH Kinh tế quốc dân;
- Bà công tác tại SHB từ năm 2009 và được bổ nhiệm Phó Giám đốc Phụ trách Khối Hỗ trợ từ 01/9/2016 đến nay;
- Bà từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ tín dụng SHB và có 19 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

07



Ông Trần Tuấn Việt

Giám đốc Khối Marketing & Phát triển thương hiệu

- Ông Trần Tuấn Việt sinh năm 1975; Ông tốt nghiệp Đại học Ngoại thương Hà Nội ngành Kinh tế đối ngoại;
- Ông gia nhập SHB và được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Marketing & Phát triển thương hiệu từ tháng 10/2020 đến nay;
- Với hơn 20 năm kinh nghiệm về quản trị, Marketing, truyền thông, thương hiệu, ông đã giữ vị trí quản lý cấp cao tại các tập đoàn như: FPT Corporation, Ocean Group, ... Trước khi làm việc tại SHB ông có 7 năm đảm nhiệm vị trí Giám đốc truyền thông - tiếp thị tại VPBank.

SỨC SỐNG
MẠNH LIỆT





“ Minh chứng cho sức sống mãnh liệt và nội lực vững vàng, trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng tới nền kinh tế thế giới và Việt Nam, SHB vẫn đạt tăng trưởng ấn tượng. Bên cạnh đó, SHB còn tích cực đồng hành, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn, góp phần thúc đẩy kinh tế Việt Nam trở thành điểm sáng trên bản đồ tăng trưởng thế giới năm qua.” ”

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

	- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
Tên giao dịch:	- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank
	- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SHB
	1800278630 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	- Đăng ký lần đầu: Ngày 13/11/1993
	- Đăng kí thay đổi lần thứ 27: Ngày 27/05/2019
Vốn điều lệ:	17.510.090.940.000 đồng.
Vốn chủ sở hữu:	24.036.220.000.000 đồng
Địa chỉ:	77 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Điện thoại:	(024) 3942 3388
Fax:	(024) 3941 0944
Website:	www.shb.com.vn
Mã cổ phiếu:	SHB

1.2. Quá trình hình thành và phát triển - Hành trình đổi mới

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông thôn Nhon Ái, được thành lập năm 1993 tại Cần Thơ. Năm 2006, Ngân hàng chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), chuyển trụ sở từ Cần Thơ ra Hà Nội và niêm yết trên sàn Chứng khoán Hà Nội vào năm 2009. 13 năm sau chuyển đổi, mạng lưới của ngân hàng phát triển tại gần 50 tỉnh thành với 530 điểm giao dịch trong nước và nước ngoài. Tổng tài sản Ngân hàng đạt 413 nghìn tỷ tại thời điểm 31/12/2020, đứng trong nhóm 5 NHTMCP tư nhân có quy mô lớn nhất.

1.2.1. Ngày thành lập:

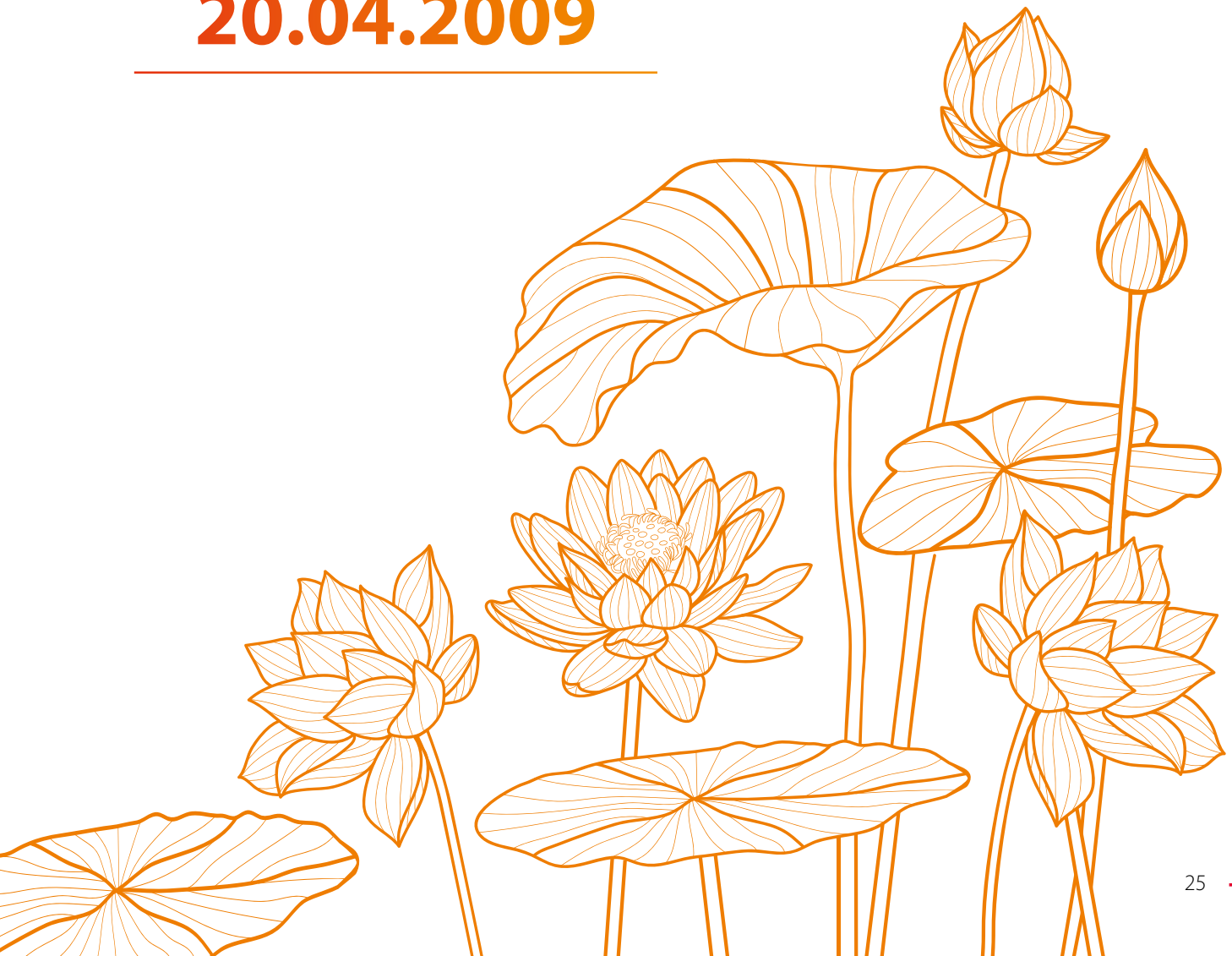
SHB được thành lập ngày 13/11/1993 theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP của Ngân hàng nhà nước Việt Nam với tên gọi ban đầu là Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Nhon Ái. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 8/3/2017.

13.11.1993

1.2.2. Thời điểm niêm yết:

SHB niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 399/QĐ-SGDHN, ngày bắt đầu giao dịch 20/04/2009.

20.04.2009



1.2.3. Các giai đoạn phát triển

2007 - 2011

Giai đoạn Chuyển mình

Năm 2008: Chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra Hà Nội, khẳng định bước ngoặt lớn trong quy mô, vị thế và tiềm lực của ngân hàng với vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng.

Năm 2009: Là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Năm 2011: Tăng cường quy mô hoạt động với việc tăng vốn điều lệ lên gần 5.000 tỷ đồng, được NHNN chấp thuận mở CN tại Campuchia và Lào, khởi đầu cho việc đầu tư ra nước ngoài của SHB. Cùng trong năm này, nhân dịp kỷ niệm 18 năm thành lập, SHB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng, ghi nhận những nỗ lực hoạt động và quá trình phát triển của SHB.



27 NĂM PHÁT TRIỂN LÀ 27 NĂM ĐỔI MỚI LIÊN TỤC CỦA SHB, TỪ MỘT NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN NHỎ TẠI CẦN THƠ ĐÃ CHUYỂN MÌNH TRỞ THÀNH MỘT NGÂN HÀNG TMCP LỚN TOP 5 CẢ NƯỚC.

2012 - 2016



Giai đoạn

Tiên phong nhận sáp nhập và thâm nhập thị trường tài chính khu vực

Năm 2012: Là một trong những ngân hàng đi tiên phong mở rộng mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế thông qua việc mở chi nhánh tại Campuchia tháng 2/2012 với vốn điều lệ ban đầu 37 triệu USD và chi nhánh tại Lào tháng 8/2012 với vốn điều lệ 104 tỷ Kip Lào; Đi đầu trong việc thực hiện chủ trương tái cấu trúc hệ thống các TCTD của Chính phủ với việc nhận sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) tháng 8/2012.

Năm 2013: Kỷ niệm 20 năm thành lập, SHB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng, đánh dấu sự thành công qua quá trình phát triển.

Năm 2015: Tăng vốn điều lệ lên 9.500 tỷ đồng, mạng lưới giao dịch tăng lên gần 500 điểm trong và ngoài nước.

Năm 2016: Tăng vốn điều lệ lên 11.197 tỷ đồng, mạng lưới tăng lên gần 500 điểm trong và ngoài nước

Khai trương Ngân hàng con 100% vốn tại Lào ngày 15/1/2016 và ngân hàng con 100% vốn tại Campuchia ngày 9/9/2016 - thể hiện những nỗ lực vượt bậc của SHB sau thời gian kinh doanh tại 2 thị trường này ở cấp độ chi nhánh; Nhận sáp nhập Công ty cổ phần Tài chính Vinaconex Viettel (VVF) tháng 12/2016 và thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC).

1993 - 2006

Giai đoạn Hình thành

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái, được thành lập ngày 13/11/1993 tại Cần Thơ.

Năm 2006, Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái được chuyển đổi mô hình hoạt động lên Ngân hàng TMCP đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) với vốn điều lệ 500 tỷ đồng

2017 - 2019

Giai đoạn

Chuẩn bị và hoàn thiện các nền tảng hướng tới ngân hàng hiện đại

- Năm 2017, SHB tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ đồng, nâng cao năng lực tài chính; Được chấp thuận mở văn phòng đại diện tại Cộng hòa Liên bang Myanmar. Đây cũng là bước tiến quan trọng của SHB khi không chỉ có mặt tại bán đảo Đông Dương mà còn vươn ra khu vực Đông Nam Á.

- Năm 2018, SHB kỷ niệm 25 năm thành lập và phát triển, vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì lần thứ 2 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng, khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

- Năm 2019, SHB thực hiện triệt để tái cấu trúc tổ chức bộ máy và mô hình hoạt động với việc sáp nhập/chia tách nhiều khối/ban/phòng nghiệp vụ phù hợp với chiến lược phát triển; sắp xếp lại 100% chức danh và hệ thống lương cho người lao động; áp dụng các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) thống nhất trên toàn hệ thống; hoàn thành nhiều dự án công nghệ hỗ trợ hoạt động kinh doanh, quản lý, quản trị rủi ro như nâng cấp hạ tầng hệ thống CoreBank, Core Thẻ, Ebanking, Dự án quản lý thông tin máy trạm trên phần mềm ServiceDesk, phần mềm FTP server Bitvise SSH tại ATM, công cụ chuyển POS user cho các ứng dụng nhằm hạn chế phân quyền thủ công, dự án ECM, CRM, Basel2, Thu hồi nợ, Dự án Chống thất thoát dữ liệu (DLP);...



2019 - Nay

Giai đoạn

Đổi mới toàn diện

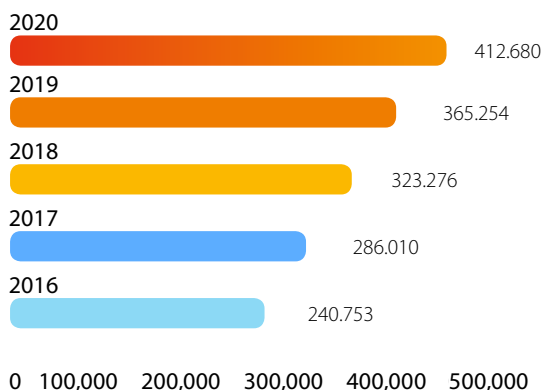
- Năm 2019, SHB thành lập và triển khai ba ban dự án chiến lược gồm: Ban Chiến lược phát triển, Ban Hiện đại hóa ngân hàng và Ban Tái cấu trúc Quản trị & Quản lý điều hành do Chủ tịch HĐQT trực tiếp là trưởng ban chỉ đạo nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đề ra.

- Năm 2020, SHB tăng vốn điều lệ lên 17.510 tỷ đồng; hoàn tất ba trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, đáp ứng tuân thủ toàn diện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; đẩy mạnh việc đầu tư vào công nghệ thông tin cũng như nâng cao năng lực quản trị, nâng cao khả năng cạnh tranh của SHB trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Với tôn chỉ hoạt động "Đối tác tin cậy, Giải pháp phù hợp" và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới nhằm mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng, sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư, SHB luôn làm hài lòng khách hàng, đối tác với những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích, chất lượng và cạnh tranh với phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

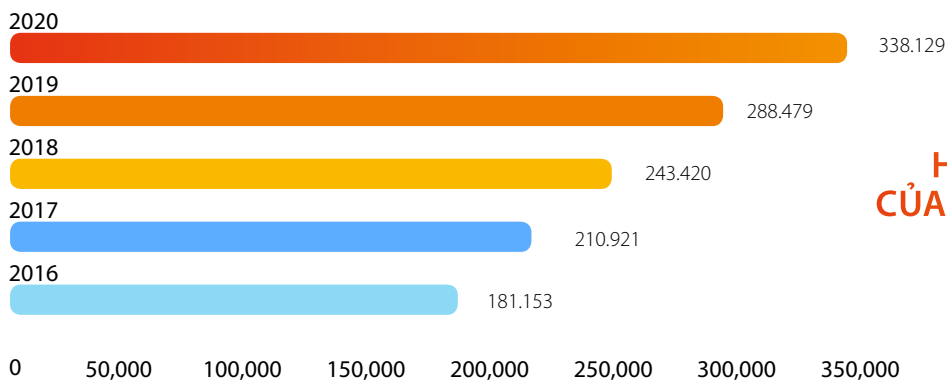
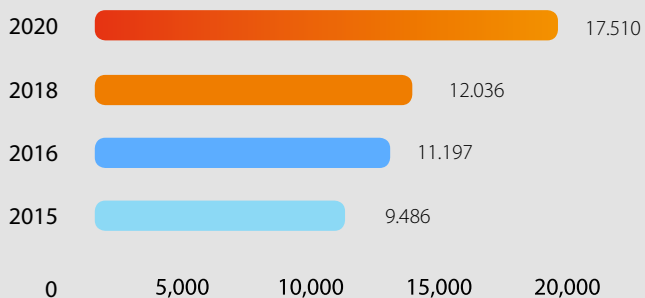
Không ngừng nỗ lực, SHB phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế.

1.2.4. Những con số ấn tượng giai đoạn 2016 – 2020

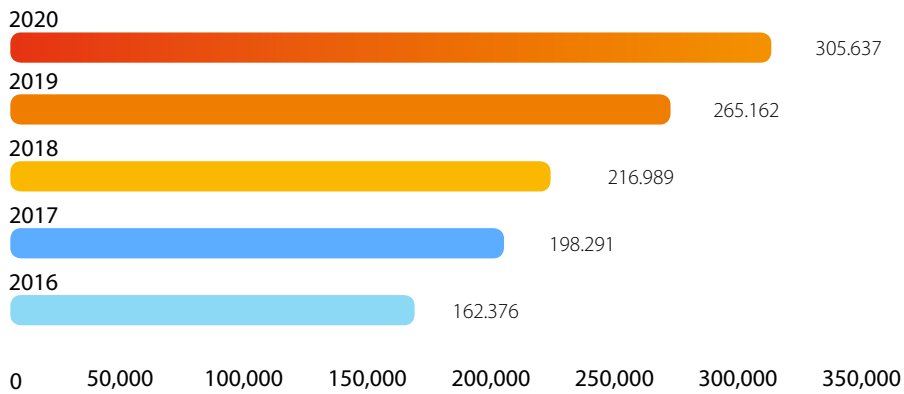


TỔNG TÀI SẢN
(Tỷ đồng)

VỐN ĐIỀU LỆ
(Tỷ đồng)



**HUY ĐỘNG VỐN
CỦA TCKT VÀ CÁ NHÂN**
(Tỷ đồng)

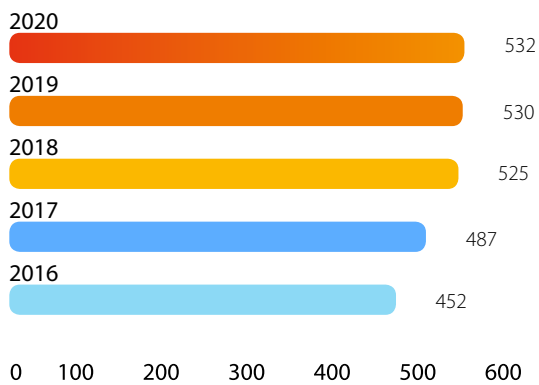
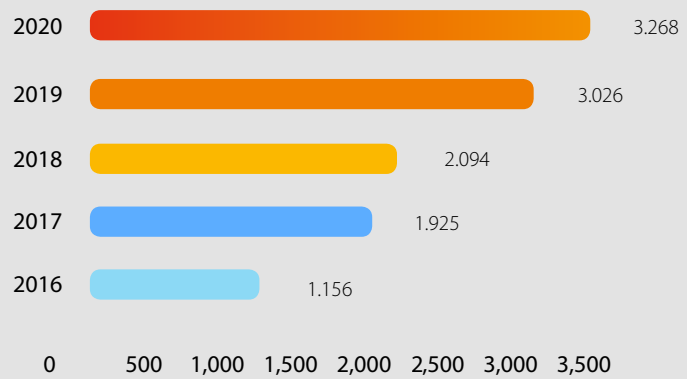


DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

(Tỷ đồng)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Tỷ đồng)



MẠNG LƯỚI

(Điểm giao dịch)

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

SHB luôn đổi mới và phát triển các sản phẩm dịch vụ về tài chính ngân hàng phù hợp với nhu cầu và xu thế thị trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; Bao thanh toán, dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác.

1.3.2. Địa bàn kinh doanh

SHB luôn đổi mới và mở rộng địa bàn kinh doanh để phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng.

+ Đến 31/12/2020, SHB tiếp tục mở rộng mạng lưới, nâng tổng số điểm giao dịch lên 532 điểm, hoạt động tại gần 50 tỉnh, thành phố trong nước, là những tỉnh thành phố lớn trực thuộc trung ương, những tỉnh/ thành phố có tiềm năng phát triển kinh tế mạnh trên cả nước.

+ Tại nước ngoài: SHB đã có mặt tại 3 nước Đông Nam Á là CHDCND Lào (Viêng Chăn, Champasack, Savanakhet), Vương Quốc Campuchia (Phnompenh, Kampong Thom, Nehru,...), Myanmar và đang làm thủ tục mở ngân hàng con tại Bờ biển Ngà.

Chi tiết địa bàn kinh doanh kính mới Quý vị xem mục Mạng lưới hoạt động, trang 92



1.4. Mô hình Quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị:

SHB luôn chú trọng hoàn thiện và đổi mới bộ máy tổ chức đảm bảo việc quản trị được thực hiện theo mô hình hiện đại, tinh gọn, chặt chẽ và tối ưu, phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng.

1.4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Nhằm tối ưu hóa bộ máy, tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh, SHB đã kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các Khối/Phòng/Ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống.

Bộ máy quản lý của SHB bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

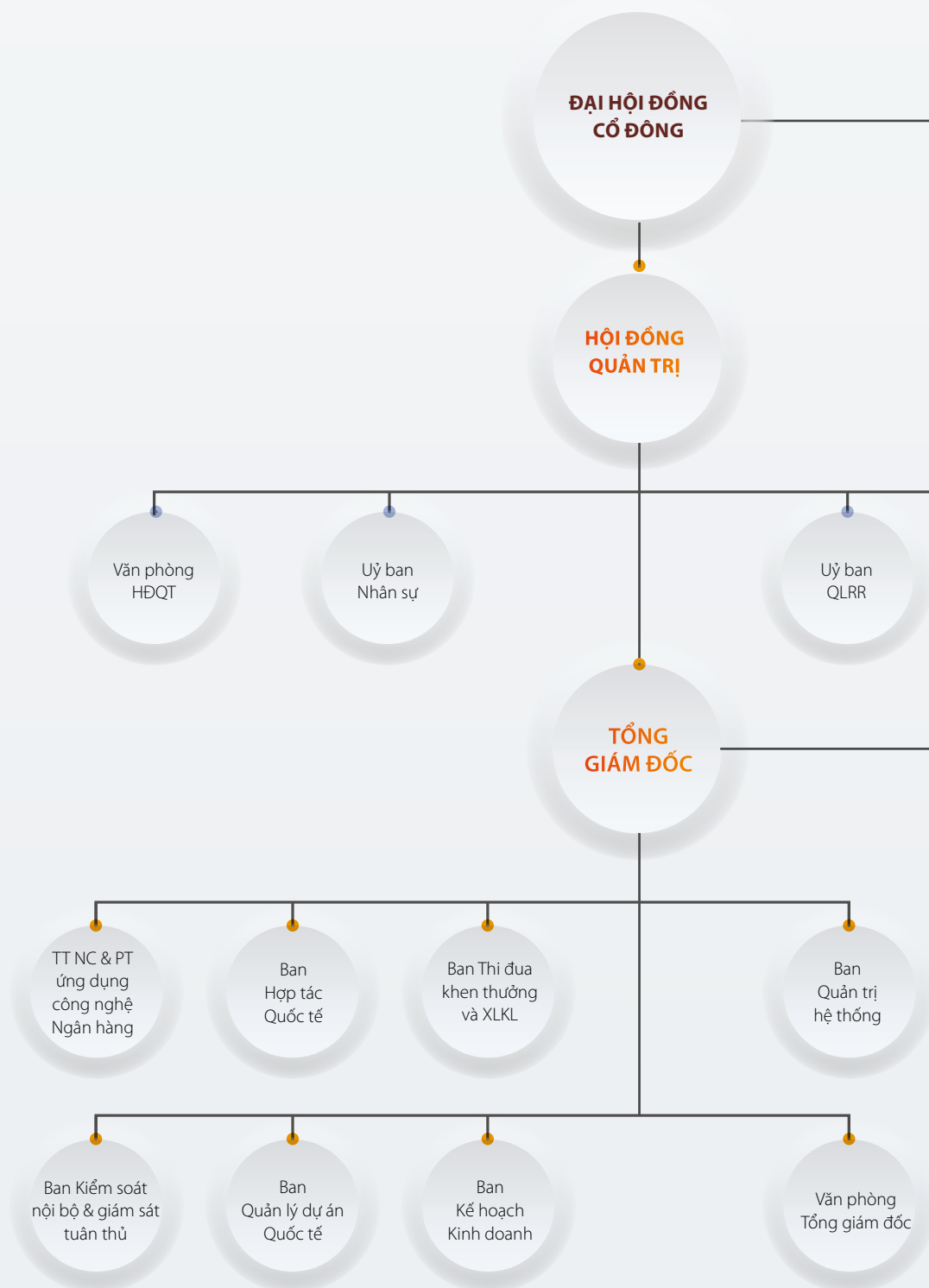
Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng

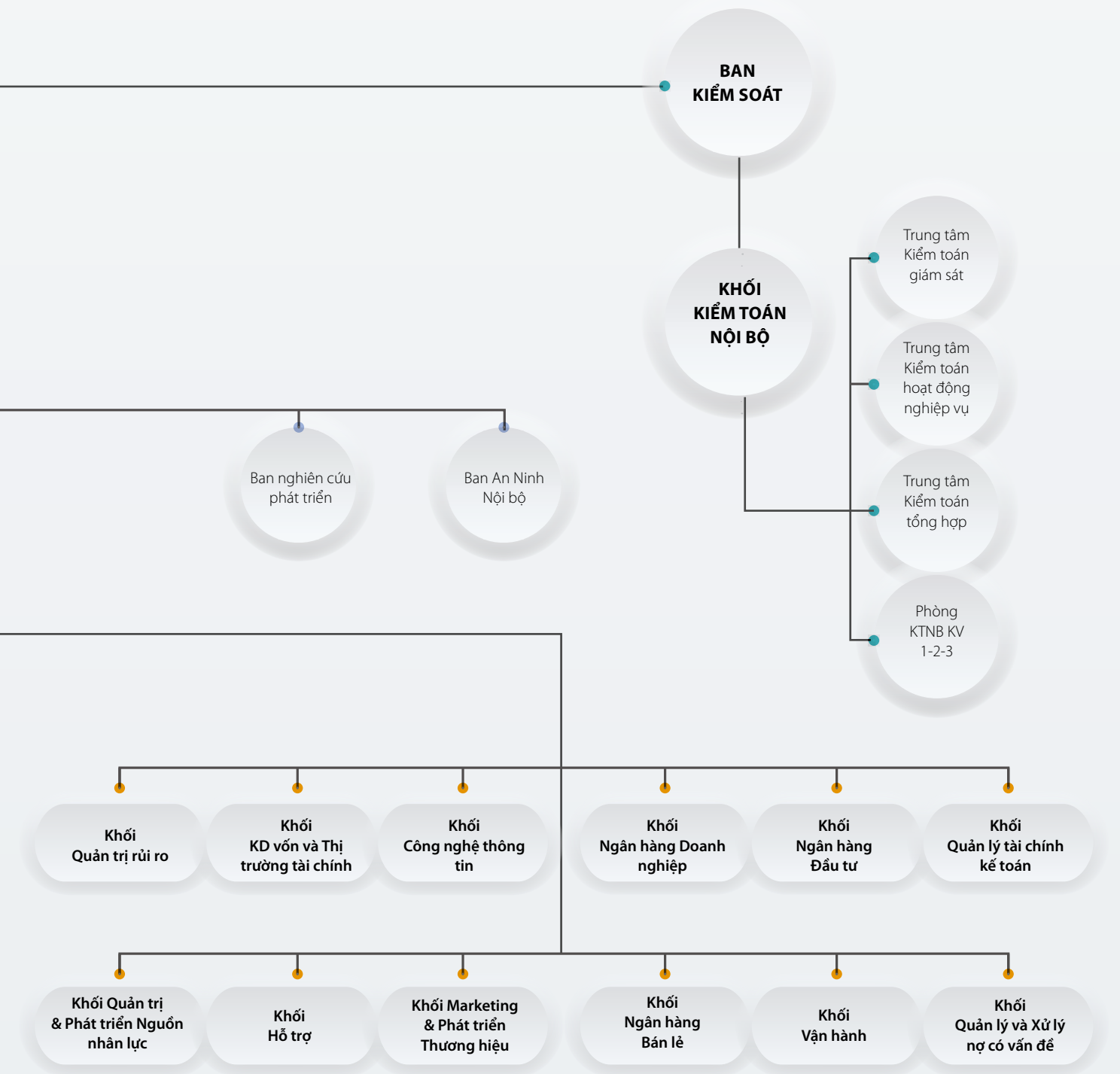
Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.

Các ủy ban và hội đồng nghiệp vụ là cơ quan được HĐQT thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của HĐQT bao gồm Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản lý rủi ro, Ban An ninh nội bộ, Ban nghiên cứu phát triển.

SHB gồm Ngân hàng và các công ty con. Ngân hàng bao gồm các đơn vị tại Hội sở, các chi nhánh và phòng giao dịch. Hội sở bao gồm các khối, ban, trung tâm, văn phòng trực thuộc Tổng Giám đốc.







1.4.3. Công ty con, công ty liên kết

- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Vốn góp của SHB	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty con trong nước					
Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)	Tầng 14 tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	20 tỷ đồng	20 tỷ đồng	100%
Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB FC)	Toà nhà GELEX, 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Tài chính, ngân hàng	1.000 tỷ đồng	1.000 tỷ đồng	100%
Công ty con ở nước ngoài					
Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào	Tổ 1 đường Lanexang, bản Hatsadytai, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Lào	Tài chính, ngân hàng	50 triệu USD	50 triệu USD	100%
Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Campuchia	707 Đại lộ Monivong, Thủ đô PhnomPenh, Vương quốc Campuchia	Tài chính, ngân hàng	75 triệu USD	75 triệu USD	100%



**KHÁT VỌNG
DẪN ĐẦU**



Các mục tiêu tài chính chủ yếu năm 2021



Tổng tài sản
tăng

~13% - 15%

↑ 13% - 15%



Huy động vốn từ TCKT
và cá nhân



Dư nợ cấp tín dụng
tăng

~13% - 15%

Lợi nhuận trước thuế
tăng

~78%

Tỷ lệ nợ xấu

<2%

“ Tiếp nối những thành công đã đạt được trong năm 2020, SHB đã và đang đổi mới toàn diện, nỗ lực không ngừng và quyết tâm cao độ; tiến vào thập kỷ mới bút phá vượt trội, hiện thực hóa tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 về hiệu quả kinh doanh và công nghệ. ”

1.5. Định hướng phát triển

Định hướng của SHB là trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại hàng đầu Việt Nam, chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng công nghệ số, phát huy hệ sinh thái khách hàng và chuỗi giá trị mà SHB đang có.

SHB luôn xác định lấy khách hàng là trọng tâm, động lực thúc đẩy là con người và công nghệ, các yếu tố về quản trị rủi ro, phát triển sản phẩm, bán hàng, dịch vụ, ... là nền tảng của sự phát triển.

1.5.1. Các mục tiêu chủ yếu

• Mục tiêu trung dài hạn

Mục tiêu chiến lược của SHB đến năm 2025 là trở thành ngân hàng có cổ hiệu quả kinh doanh tốt nhất hệ thống NHTMCP Việt Nam, đi đầu về công nghệ và chuyển đổi số.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Từ những giả định về nền tảng môi trường vĩ mô và các ưu tiên chiến lược, SHB xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, có tính định hướng dài hạn, luôn tạo ra sự khác biệt, hướng tới thị trường và khách hàng.

GIẢ ĐỊNH NỀN TẢNG

- Ảnh hưởng của dịch Covid kéo dài từ đầu năm 2020 khiến nền kinh tế có đôi chút khó khăn nhưng được dự báo tiếp tục cải thiện và tăng trưởng theo hướng bền vững.

- Tăng trưởng kinh tế và thay đổi tích cực trong xu hướng Công nghệ sẽ ảnh hưởng đến hành vi gửi tiền, đầu tư và chi tiêu của người dân

- Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục là nhân tố dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng trung và dài hạn của Nhà nước và Chính phủ.

- Tăng trưởng cơ sở tiền gửi khu vực dân cư mạnh mẽ

- Lãi suất ổn định trong năm 2021 và tăng dần trong năm tiếp theo

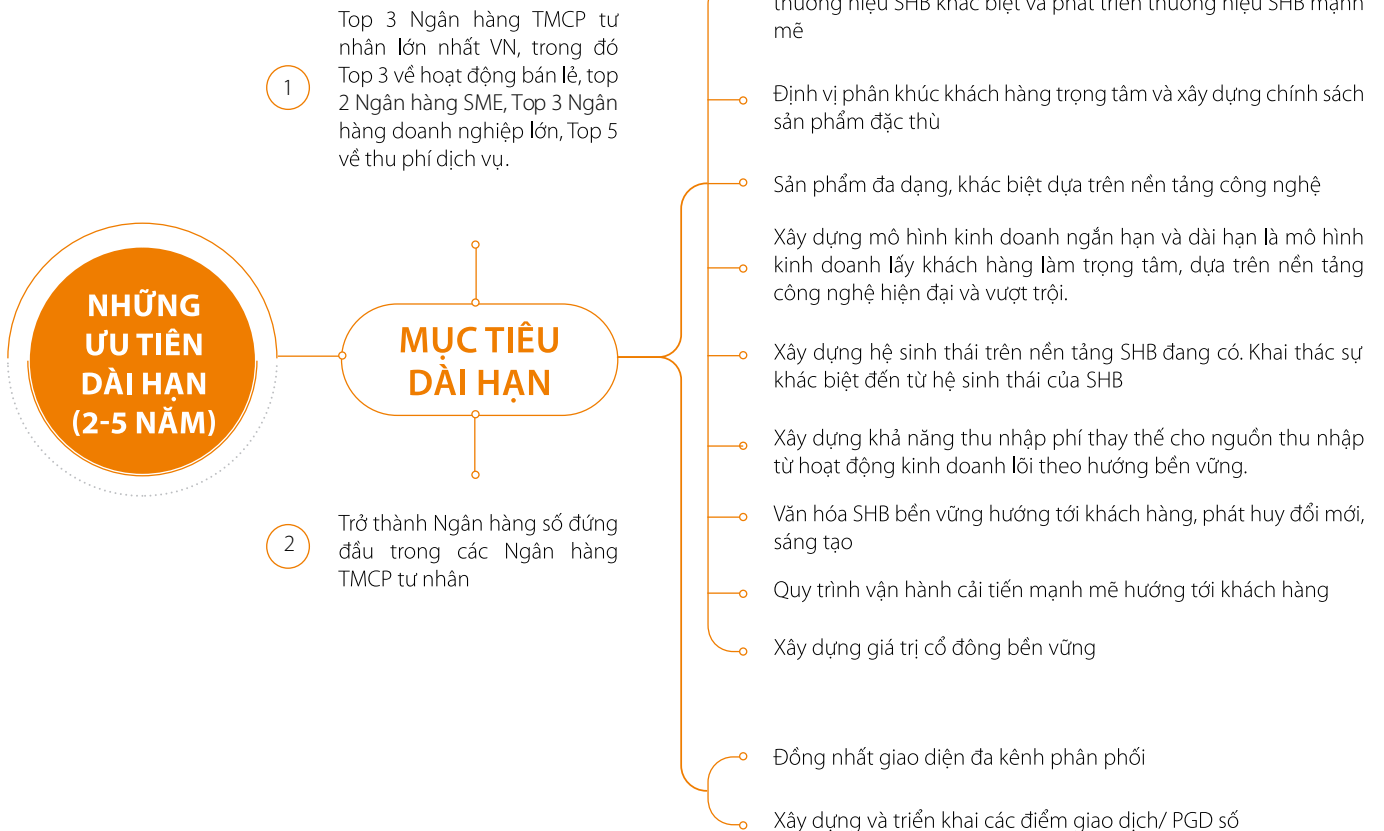
- Các ngân hàng lớn sẽ giảm dần cạnh tranh về giá, mà tập trung hơn vào cạnh tranh dịch vụ tiện ích xoay quanh/đáp ứng nhu cầu của Khách hàng.

- Môi trường pháp lý sẽ tiếp tục được cải thiện và tháo gỡ nhiều nút thắt cho doanh nghiệp nói chung và ngành ngân hàng nói riêng tuy nhiên cũng đem lại nhiều thách thức thích nghi với môi trường hoạt động mới

- Những ngành tận dụng được thị trường 100 triệu dân của Việt Nam sẽ là mảng thị trường "lên ngôi" trong thời gian tới, như: ngành hàng tiêu dùng, ngành du lịch, vận tải logistics, xây dựng và vật liệu xây dựng, ngành nông nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp.



CHIẾN LƯỢC



1.5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ có tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn của chính ngân hàng mà còn thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải trong văn phòng làm việc; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên

Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển.

1.6. Các rủi ro

Năm 2020, SHB tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro chủ động. Các rủi ro được nhận dạng, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành và Hội đồng quản trị, đảm bảo việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của ngân hàng.

1.6.1. Cơ hội và thách thức

Cơ hội

Nền tảng chính trị ổn định, cộng thêm sự định hướng và đồng hành sát sao của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, đang giúp ngành ngân hàng trở nên tiềm năng hơn với sự cải thiện tích cực ở cả hai tiêu chí an toàn, hiệu quả hướng tới sự phát triển bền vững.

Việt Nam là đất nước có sự ổn định chính trị và sự "thượng tôn pháp luật". Đây là một nhân tố thuận lợi hỗ trợ cho sự phát triển của ngành ngân hàng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Nền chính trị ổn định sẽ làm giảm các nguy cơ về khủng bố, đình công, bãi công... Từ đó giúp cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tránh được những rủi ro. Thông qua đó, sẽ thu hút đầu tư vào các ngành nghề, trong đó có ngành ngân hàng.

Phương châm "Chính phủ kiến tạo, liêm chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp" được đặt ra kể từ năm 2016 nhấn mạnh các hoạt động của Chính phủ theo hai hướng chính, đó là:

Khuyến khích tự do kinh doanh, từ khởi nghiệp doanh nghiệp đến thúc đẩy đầu tư tại các địa phương trong nước và nước ngoài.

Giảm thiểu, loại bỏ các rào cản từ bộ máy hành chính quan liêu trong điều kiện thể chế còn nhiều bất cập.

Điều này cho thấy Nhà nước đang hết sức coi trọng và tích cực trong việc cải cách thể chế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân nhằm giải phóng tối đa nguồn lực quốc gia. Khi các doanh nghiệp được nhà nước quan tâm phát triển và các doanh nghiệp nước ngoài yên tâm đầu tư vốn vào các ngành kinh doanh trong nước sẽ thúc đẩy ngành Ngân hàng phát triển.

Sự ổn định được đánh giá cao trong việc điều hành và giám sát hoạt động ngân hàng. Xu hướng phát triển tự phát đang thay đổi, hoạt động của ngành ngân hàng đang dẫn đi vào quỹ đạo chuẩn nhờ có sự đồng hành và giám sát của Chính phủ và NHNN.

Dựa trên những tiêu chí mục tiêu và chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã và đang liên tục cập nhật, đánh giá và đưa ra định hướng Ngân hàng đảm bảo tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro.

Hàng loạt quy định an toàn mới được đưa ra với lộ trình rõ ràng giúp hệ thống Ngân hàng có một khung phát triển bền vững. (Ví dụ: Lộ trình triển khai Basel II 2020; lộ trình giảm vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn xuống 30% năm 2021,..)

Chế tài cũng được áp đặt lên tăng trưởng của một ngân hàng khi không đạt được các chỉ tiêu điều hành của NHNN.

Yếu tố vĩ mô trong nước đang có những tín hiệu tích cực về xu hướng tăng trưởng tạo nhiều điều kiện cho ngành ngân hàng phát triển bền vững trong trung hạn và dài hạn.

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam đang đạt được những thành tựu đáng kể trong thời gian qua. Một trong những điểm sáng của tăng trưởng đó là bắt đầu từ năm 2017 tăng trưởng tốt nhưng không còn phụ thuộc vào dầu mỏ và lạm phát như giai đoạn trước đó.

Yếu tố vĩ mô	Tác động lên hệ thống Ngân hàng trong đó có SHB		
	Xu hướng	Trung Hạn	Dài hạn
>Tăng trưởng kinh tế ổn định; cơ cấu tăng trưởng chuyển dịch sang hướng bền vững	Ổn định	Tích cực	Tích cực
>Lạm phát ổn định và được điều hành thận trọng không đánh đổi để đạt được tăng trưởng	Ổn định	Tích cực	Tích cực
>Lĩnh vực sản xuất tiềm năng, và liên tục được cải thiện	Tăng	Tích cực	Tích cực
>Khu vực tư nhân được đề cao là đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng	Tăng	Tích cực	Tích cực
Hấp thụ dòng vốn đầu tư dài hạn	Tăng	Tích cực	Tích cực
>Cơ cấu dân số lao động trẻ tăng và có xu hướng chuyển dịch sang vùng kinh tế trọng tâm	Tăng	Tích cực	Tích cực
>Thương mại XNK chịu nhiều áp lực ngắn hạn từ xung đột lợi ích thương mại toàn cầu giữa các nước lớn	Tăng	Tiêu cực	Ổn định
>Tham gia các hiệp định thương mại toàn cầu như: FTA-EU; CTPP giúp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.	Cải thiện	Tích cực	Tích cực

Với 70% dân số Việt Nam chưa tiếp cận dịch vụ ngân hàng, thì tiềm năng phát triển ngành tài chính ngân hàng còn rất cao, đóng vai trò cốt yếu trong việc kết nối và phân bổ nguồn vốn giữa các thành phần kinh tế trong xã hội, đồng hành cùng sự tăng trưởng của đất nước.

Việt Nam là một đất nước đang chuyển mình nhanh với tăng trưởng kinh tế cao, dân trí phát triển, đời sống người dân ngày càng được cải thiện... Tốc độ đô thị hóa cao do sự gia tăng các khu công nghiệp mới cùng với cơ cấu dân số trẻ với nhận thức xã hội mở và liên tục được cập nhật kiến thức về tài chính ngân hàng, công nghệ đang khiến cho nhu cầu sử dụng các tiện ích do ngân hàng mang lại gia tăng.

Đất nước ngày càng cởi mở tự do thương mại, tham gia vào nhiều các hiệp định, tổ chức thương mại thế giới đang mở ra rất nhiều cơ

hội hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài, số lượng doanh nghiệp gia tăng mạnh mẽ dẫn đến nhu cầu vốn, tài chính tăng mà như vậy vai trò trung gian Ngân hàng là không thể thiếu.

Thế kỷ 21 được đánh giá là giai đoạn đột phá cho công nghệ số và trí tuệ nhân tạo. Các đóng góp của Công nghệ đang dần phân ánh và ăn sâu vào toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp toàn cầu cũng như đời sống của người dân khi có sự góp mặt của Mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo,..

Nhận thức được tầm quan trọng và tiềm năng của Công nghệ, Chính phủ đã coi “Cách mạng Công nghiệp 4.0 là cơ hội lịch sử của Việt Nam” giúp đất nước đột phá theo định hướng “Chính phủ số và Kinh tế số.” Đây chính là kim chỉ nam cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó là Công nghệ sẽ đóng vai trò rất quan trọng giúp doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh và đột phá đem lại nhiều lợi ích cho xã hội, người tiêu dùng. Đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng nói riêng, khoa học công nghệ ngày càng phát triển và hiện đại đòi hỏi ứng dụng các công nghệ một cách nhanh chóng, hiệu quả đặt ra những cơ hội thách thức cho các nhà điều hành, quản trị chiến lược phát triển.

Sự chuyển giao công nghệ và tự động hóa giữa các ngân hàng và các công ty công nghệ (Fintech) tăng dần, dẫn đến sự liên doanh, liên kết giữa các ngân hàng để bổ sung cho nhau những công nghệ mới; nhờ vậy hệ thống kỹ thuật- công nghệ của ngành ngân hàng ngày càng được nâng cấp và trang bị hiện đại để đáp ứng nhu cầu cao hơn của khách hàng.

Thách thức

Tình hình chính trị thế giới liên tục thay đổi theo hướng tiêu cực khi xung đột không chỉ dừng ở trừng phạt thương mại mà còn lan sang những khía cạnh khác có thể ảnh hưởng đến trật tự toàn cầu. (Rạn nứt trong quan hệ đồng minh Mỹ & Châu Âu, căng thẳng Mỹ & Iran, phức tạp ở Hongkong,..)

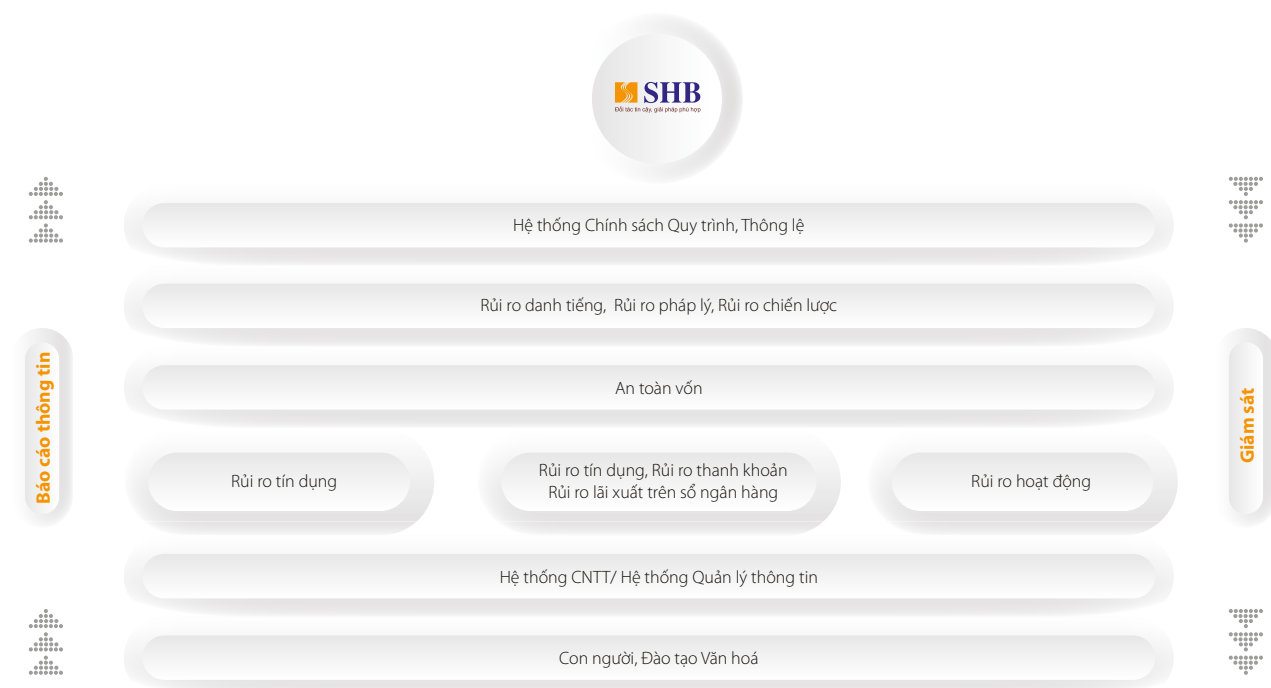
Với nền chính trị ổn định, lợi thế địa lý và tiềm năng về kinh tế song hành cùng chính sách ngoại giao mềm mỏng giúp rủi ro do bị kẹt giữa xung đột giữa hai cường quốc có ảnh hưởng thương mại lớn nhất của Việt Nam tuy hiện hữu nhưng tạm thời vẫn ở mức thấp. Tuy nhiên, ngành ngân hàng có thể sẽ phải đối mặt với những rủi ro thị trường và những áp lực lớn về tỷ giá và lãi suất trong ngắn và trung hạn do mức độ liên kết với thị trường tài chính thế giới còn thấp. Điều này dẫn đến các sản phẩm tài chính để đối chọi rủi ro của các ngân hàng Việt Nam còn yếu và sơ sài, cũng như chất lượng tài sản sinh lời còn thiếu ổn định sau 1 giai đoạn tăng trưởng tự phát.

Ở mặt khác, xu thế hội nhập thế giới đem lại nhiều cạnh tranh hơn khi ngày càng có nhiều nhà đầu tư thâm nhập vào Việt Nam. Các ngân hàng nước ngoài, hay các công ty tài chính lớn vẫn chiếm ưu thế hơn các ngân hàng trong nước về mặt công nghệ. Do đó để có thể cạnh tranh, các ngân hàng trong nước phải không ngừng cải tiến công nghệ của mình, tận dụng lợi thế công nghệ để bù đắp những lỗ hổng, điểm yếu trong hoạt động kinh doanh ngân hàng - từ việc cải thiện quy trình nghiệp vụ, đến việc thu thập dữ liệu phân tích đánh giá hành vi khách hàng đến phát triển các sản phẩm dịch vụ phù hợp, và phát triển các hoạt động marketing cũng như cách thức phân phối.

1.6.2. Những rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro từ môi trường vĩ mô, SHB cũng luôn nhận diện, theo dõi sát sao và kiểm soát những rủi ro đặc thù của ngành như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường....

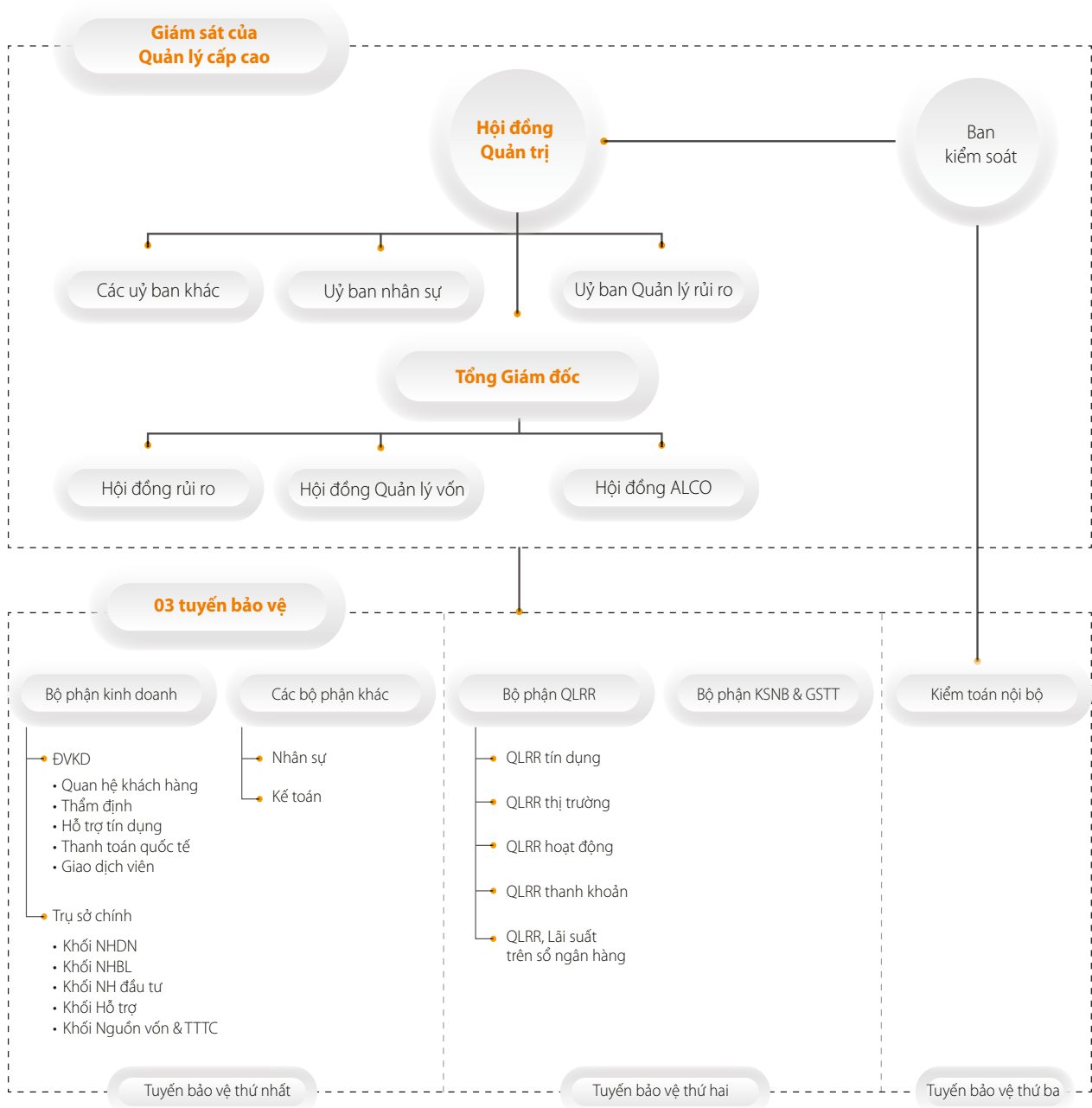
- **Khung quản trị rủi ro tại SHB**



SHB thiết lập khung quản trị rủi ro đảm bảo có đầy đủ hệ thống chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn để điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo đúng định hướng chiến lược và mục tiêu quản trị rủi ro của Ngân hàng. Trong đó, các loại rủi ro trọng yếu của Ngân hàng đều được nhận dạng, đo lường và kiểm soát, đồng thời duy trì tỷ lệ an toàn vốn đầy đủ, tương xứng với hồ sơ rủi ro của Ngân hàng.

Nhằm đảm bảo khung quản trị rủi ro được hiệu quả, SHB đã thiết lập đầy đủ hệ thống thông tin, cùng với hệ thống báo cáo quản trị nhằm đảm bảo cung cấp thông tin, kịp thời, chính xác về mức độ rủi ro của Ngân hàng, cung cấp các dự báo về hoạt động kinh doanh, chất lượng tín dụng, phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp, hiệu quả. SHB cũng rất chú trọng đến công tác đào tạo, truyền thông làm nền tảng xây dựng văn hóa rủi ro xuyên suốt trong hệ thống.

• **Cơ cấu kiểm soát, giám sát và quản trị rủi ro tại SHB**



Hoạt động QTRR tại SHB được triển khai theo mô hình 03 tuyến phòng vệ trong mọi hoạt động, trong đó: Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro; Tuyến bảo vệ thứ hai được xây dựng nhằm kiểm soát và giám sát rủi ro cùng với các chức năng liên quan đến các vấn đề pháp lý và tuân thủ; Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện, có chức năng giám sát, đánh giá độc lập về sự hiệu quả, tính đầy đủ trong các hoạt động QLRR ở tầng bảo vệ thứ nhất và thứ hai.

Bên cạnh đó, SHB cũng thành lập đầy đủ các Ủy ban/ Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao trong hoạt động Ngân hàng.

• **An toàn vốn**

Năm 2020 đánh dấu cột mốc quan trọng của SHB sau khi hoàn tất 03 trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, đáp ứng tuân thủ toàn diện các yêu cầu của NHNN về hoạt động quản trị rủi ro nói riêng và hệ thống kiểm soát nội bộ nói chung.

Với mục tiêu duy trì đủ vốn cho các loại rủi ro trọng yếu, SHB đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại TT41/2016/TT-NHNN trên 10%, lớn hơn mức tối thiểu là 8% theo quy định. Đồng thời, với việc báo cáo NHNN trước hạn về kết quả đánh giá mức đủ vốn nội bộ, SHB không những luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu với đầy đủ các loại rủi ro trọng yếu, trong cả điều kiện bình thường và điều kiện diễn biến bất lợi mà còn đảm bảo có bộ đệm vốn nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

• **Quản lý các rủi ro trọng yếu**

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Năm 2020, SHB tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý rủi ro tín dụng nhằm mục tiêu quản trị hiệu quả rủi ro tín dụng.

Công tác kiểm định mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ được SHB thực hiện nhằm mục đích cải thiện, nâng cao chất lượng mô hình. Trong năm 2020, mô hình cảnh báo sớm cho phân khúc KHDN đã được đưa vào triển khai thực hiện. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ ĐVKD trong công tác thẩm định và đánh giá Khách hàng, SHB tiếp tục triển khai xây dựng mô hình PD cho KHCN theo từng sản phẩm và xây dựng các công cụ phân tích báo cáo tài chính cho phân khúc KHDN.

Hệ thống báo cáo rủi ro tín dụng nội bộ được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá tổng thể trạng thái rủi ro, mức độ tuân thủ các giới hạn/ hạn mức rủi ro tín dụng, các dự báo, cảnh báo sớm, phục vụ việc đưa ra các cơ chế, chính sách điều hành hoạt động tín dụng phù hợp.

Bên cạnh đó, để tăng cường năng lực quản lý rủi ro tín dụng, SHB chú trọng xây dựng, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu (Datawarehouse), hệ thống kho cơ sở dữ liệu và truy vấn thông tin tín dụng tập trung (CICS), hệ thống cảnh báo sớm (EWS), hệ thống thu hồi nợ (Debt collection).

b) Rủi ro môi trường và xã hội

Nhằm mục tiêu phát triển bền vững và tuân thủ đúng định hướng của CP, NHNN về tín dụng xanh bảo vệ môi trường, SHB đã triển khai thực tế việc đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng thông qua việc:

Xây dựng Quy định thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội, trong đó có các nội dung về tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân có liên quan của Ngân hàng trong việc đánh giá rủi ro môi trường xã hội.

Đưa yêu cầu đánh giá rủi ro môi trường xã hội vào là một yêu cầu bắt buộc trong các nội dung đánh giá, thẩm định cấp tín dụng.

Với các Dự án có nguy cơ rủi ro môi trường xã hội cao, việc đánh giá rủi ro môi trường xã hội được thực hiện theo đúng hướng dẫn của IFC, theo đó, bao gồm đầy đủ các nội dung về tính tuân thủ, đánh giá tác động trong ngăn ngừa xử lý ô nhiễm, lao động và điều kiện làm việc, sức khỏe và an toàn của cộng đồng, đa dạng sinh học, tái định cư.

c) Rủi ro hoạt động

Là rủi ro do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SHB (bao gồm cả rủi ro pháp lý).

Để quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả, SHB đã áp dụng và triển khai theo dõi hạn mức về mức độ tổn thất rủi ro hoạt động, các phương pháp nhân diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động theo khung rủi ro hoạt động, đáp ứng các yêu cầu Thông tư 13/2018/TT-NHNN, chuẩn mực Basel 2 và các thông lệ quốc tế.

SHB chú trọng bảo vệ thông tin, đặc biệt là thông tin khách hàng. Ngân hàng đã triển khai thành công giải pháp chống thất thoát dữ liệu (DLP- data loss prevention), nhằm ngăn chặn rò rỉ/thất thoát dữ liệu ra bên ngoài qua các hình thức truyền gửi điện tử. Bên cạnh đó, SHB đã có hệ thống dự phòng cho các hệ thống công nghệ thông tin trọng yếu nhằm duy trì tính liên tục trong vận hành hệ thống công nghệ thông tin. SHB đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) cho các Đơn vị kinh doanh, các Đơn vị tại Trụ sở chính để có thể ứng phó và giảm thiểu tổn thất khi xảy ra khủng hoảng.

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên trong công tác quản trị rủi ro, hoạt động đào tạo và truyền thông được thực hiện định kỳ và thường xuyên

d) Rủi ro Công nghệ thông tin

Rủi ro công nghệ thông tin là khả năng xảy ra tổn thất khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống thông tin. Rủi ro công nghệ thông tin liên quan đến quản lý, sử dụng phần cứng, phần mềm, truyền thông, giao diện hệ thống, vận hành và con người.

Khối Công nghệ thông tin được thành lập theo mô hình đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm: tổ chức, mô hình vận hành theo ITIL (Information Technology Infrastructure Library - Tài nguyên Kiến trúc Công nghệ Thông tin) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin, đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh của ngân hàng, giảm thiểu các rủi ro về dịch vụ công nghệ thông tin. Trung Tâm An toàn bảo mật công nghệ thuộc Khối Công nghệ thông tin là đơn vị chuyên trách có chức năng đảm bảo an toàn, bảo mật về công nghệ thông tin, quản trị rủi ro công nghệ thông tin cho SHB.

SHB đã triển khai các giải pháp bảo mật, theo đó, Hệ thống công nghệ thông tin của SHB đã tuân thủ hoàn toàn các quy định về an toàn bảo mật của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, SHB đã áp dụng những tiêu chuẩn bảo mật quốc tế nhằm kiện toàn bảo mật hệ thống công nghệ thông tin nội bộ, đã đạt được chứng nhận tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật sau:

Đáp ứng Tiêu chuẩn ISO 27001:2013 từ năm 2015,

Đáp ứng Tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ PCI DSS từ năm 2016,

Triển khai công nghệ bảo mật 3D Secure bảo mật giao dịch trực tuyến cho chủ thẻ từ năm 2016.

SHB liên tục cập nhật xu hướng an ninh thông tin trên thế giới và ứng dụng một cách linh hoạt, kịp thời nhằm hạn chế các rủi ro công nghệ thông tin.

e) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. SHB đối mặt với 2 loại rủi ro thị trường chính là rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá.

Công tác quản lý rủi ro thị trường năm 2020 của SHB được thực hiện hiệu quả, cụ thể:

Xây dựng và kiện toàn hệ thống các văn bản chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thị trường, quy định chi tiết các nội dung

cũng như các bước từ nhận diện, đo lường, theo dõi/kiểm soát/giám sát và báo cáo rủi ro thị trường; trách nhiệm của các đơn vị liên quan đối với công tác quản lý rủi ro thị trường.

Cùng với chính sách quản lý rủi ro lãi suất, tỷ giá tập trung tại Hội sở chính; Ngân hàng đã ban hành áp dụng đầy đủ hệ thống hạn mức rủi ro thị trường để quản lý như: hạn mức trạng thái/danh mục, hạn mức giao dịch viên, hạn mức lỗ/cắt lỗ, hạn mức độ nhạy... Hạn mức RRTT được rà soát định kỳ tối thiểu hàng năm hoặc đột xuất trong trường hợp thị trường có biến động lớn.

Công tác đo lường rủi ro thị trường được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số như: Trạng thái mở; Độ nhạy PV01 (Present value of one basic point); Đánh giá lãi lỗ PnL các giao dịch đã đóng trạng thái và trạng thái mở theo giá trị thị trường (MtM – Mark to market); Giá trị rủi ro (VaR – Value at risk). Các phương pháp, công cụ đo lường thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa để lượng hóa chính xác mức độ rủi ro, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ.

f) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Cùng với chính sách duy trì mức độ cân bằng hợp lý giữa tài sản nợ và tài sản có, đảm bảo duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu chi trả, SHB chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả. Các kế hoạch về huy động bao gồm nguồn huy động, thời hạn huy động được xây dựng và theo dõi an toàn, hiệu quả trong từng thời kỳ dựa trên kế hoạch kinh doanh của từng đơn vị và chiến lược phát triển chung của toàn hàng, đảm bảo hỗ trợ thanh khoản hàng ngày và có dự phòng về nguồn vốn trong trường hợp khủng hoảng.

SHB đã ban hành và áp dụng các chỉ tiêu hạn mức rủi ro thanh khoản như: tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi (LDR – Loan deposit ratio), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, hạn mức dòng tiền ra ròng tối đa. Các hạn mức được đánh giá, rà soát định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình kinh doanh của SHB trong từng thời kỳ.

Công tác đo lường RRTK được thực hiện thông qua các phương pháp mô hình và hệ thống các chỉ số RRTK như: Mô hình hành vi (Behavior); Báo cáo Gap MCO (Maximum cumulative outflow); Các tỷ lệ thanh khoản; Đánh giá khả năng tiếp cận vốn trên thị trường, ...

Cùng với việc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về RRTK theo định kỳ 6 tháng một lần nhằm lượng hóa mức độ rủi ro trong điều kiện căng thẳng, SHB đo lường, đánh giá tình hình tuân thủ các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động và lập kế hoạch dự phòng thanh khoản đảm bảo khả năng chi trả theo các kịch bản, tình huống tương ứng (CFP – Contingency funding plan).

g) Rủi ro Lãi suất sổ ngân hàng (RRLSSNH):

Rủi ro Lãi suất sổ ngân hàng: là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng.

Cùng với chính sách quản lý rủi ro lãi suất tập trung tại Hội sở chính thông qua công cụ điều chuyển vốn nội bộ FTP, SHB thực hiện duy trì mức độ cân bằng hợp lý về cơ cấu kỳ hạn/kỳ tái định giá giữa tài sản có và nợ phải trả, áp dụng chính sách lãi suất cơ sở phù hợp để định giá lãi suất các khoản cho vay, ... từ đó hạn chế các rủi ro lãi suất sổ ngân hàng mà Ngân hàng có thể phải đối mặt như: rủi ro định giá lại (repricing risk), rủi ro cơ bản (basic risk),...

SHB ban hành và áp dụng hạn mức rủi ro lãi suất sổ ngân hàng phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh và khẩu vị rủi ro cũng như khả năng đo lường, quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng của Ngân hàng, bao gồm: Hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất (Repricing gap) và Hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần (NII – Net interest income) do thay đổi của lãi suất.

SHB đo lường rủi ro lãi suất sổ ngân hàng đối với các khoản mục có lãi suất bằng VND hoặc ngoại tệ có giá trị từ 5% tổng tài sản trở lên thông qua các phương pháp và hệ thống các chỉ số như: Gap nhạy cảm với lãi suất; Đánh giá tác động của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE); Xác định vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thông qua phương pháp Delta EVE theo hướng dẫn của Basel III. Đối với kịch bản biến động lãi suất, SHB xây dựng và áp dụng kịch bản: (i) lãi suất dịch chuyển song song và (ii) lãi suất biến động khác nhau theo các kỳ hạn dựa trên dữ liệu quá khứ.

h) Phòng chống rửa tiền

Thông qua hoạt động hỗ trợ đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các ngân hàng quốc tế, SHB xây dựng các cơ chế kiểm soát công tác phòng, chống rửa tiền phù hợp với các quy định trong và ngoài nước, đáp ứng được các chuẩn mực của quốc tế, tạo điều kiện cần thiết để hợp tác với ngân hàng quốc tế, thông qua đó tăng cường hệ thống ngân hàng đại lý, nâng cao doanh thu đem lại từ các giao dịch thanh toán quốc tế. Các cơ chế kiểm soát đang được thực hiện bao gồm: xây dựng và thường xuyên cập nhật danh sách các quốc gia bị cấm vận và các lĩnh vực/ đồng tiền bị cấm vận bởi từng quốc gia; cảnh báo, khuyến nghị về quan hệ đại lý đối với những ngân hàng có rủi ro cao hoặc không đáp ứng yêu cầu về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Cho đến nay, chưa có một giao dịch thanh toán quốc tế nào của SHB bị đóng băng do vi phạm quy định cấm vận.

SHB cũng tăng cường giám sát giao dịch khách hàng, nhằm phát hiện ra các giao dịch đáng ngờ, giao dịch vi phạm pháp luật. SHB xây dựng hệ thống tự động kiểm soát giao dịch của khách hàng dựa trên các kịch bản đã được thiết lập sẵn. Mọi giao dịch của khách hàng sẽ được hệ thống tự động rà soát và cảnh báo với các giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ/ vi phạm pháp luật. Các cảnh báo đều được điều tra kỹ lưỡng và được báo cáo ngay đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có phát sinh. Bên cạnh đó, các thủ đoạn vi phạm pháp luật cũng được SHB truyền thông rộng rãi cho các cán bộ nhân viên nhằm giảm thiểu tối đa cho khách hàng và cho chính ngân hàng.

2. Tình hình hoạt động trong năm 2020

2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

2.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2020, SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam với việc hoàn thành và đạt các mục tiêu, bước ngoặt quan trọng:

Tổng tài sản của ngân hàng đạt 412.680 tỷ đồng, tăng 13,0% so với năm 2019, đạt 101% kế hoạch. Vốn tự có đạt 37.180 tỷ đồng, trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 24.036 tỷ đồng, tăng 29,9% so với năm 2019.

Tổng nguồn vốn huy động đạt 377.091 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 338.129 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2019, hoàn thành 101% kế hoạch.

Nguồn vốn huy động dồi dào, dài hạn là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Dự nợ cấp tín dụng đạt 316.670 tỷ đồng, tăng 19%, trong đó, dự nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 305.637 tỷ đồng.

Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng với việc khai trương thêm nhiều chi nhánh mới trong và ngoài nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 532 điểm trong và ngoài nước (trong đó, 1 ngân hàng con 100% vốn, 2 chi nhánh tại Lào; 1 ngân hàng con 100% vốn, 4 chi nhánh tại Campuchia); Văn phòng đại diện tại Myanmar và 2 công ty con (Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – SHAMC, Công ty tài chính TNHH MTV SHB – SHB FC). Với 8.435 cán bộ nhân viên và mạng lưới trải rộng tại 44 tỉnh thành trong cả nước và nước ngoài, SHB đang phục vụ gần 5 triệu khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và kết nối tới 400 ngân hàng đại lý trên khắp các châu lục. Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành.

Với kết quả đạt được, SHB hiện nằm trong nhóm 5 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam.

Năm 2020, tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của SHB đạt 35.024 tỷ đồng, tăng 13,1% so với 2019. Thu nhập thuần hoạt động tăng 30%, đạt 12.207 tỷ đồng. Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng 26,9%, thu thuần từ chứng khoán tăng 178,6%,... SHB đã từng bước

dịch chuyển cơ cấu thu nhập theo hướng đa dạng hóa thu nhập, giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng.

Bên cạnh tăng trưởng quy mô, thu nhập, SHB kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm tăng hiệu quả hoạt động. Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động được kiểm soát ở mức 35,2%, thấp nhất từ trước tới nay.

Lợi nhuận trước thuế đạt 3.268 tỷ đồng, tăng trưởng 8%, hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ đề ra.

Các tỷ lệ an toàn vốn, an toàn về thanh khoản luôn đảm bảo đạt và vượt so với quy định của Ngân hàng nhà nước. Đặc biệt, SHB đã hoàn tất ba trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, đáp ứng tuân thủ toàn diện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II đạt 10,08% (quy định của NHNN là >8%). Tỷ lệ dự nợ/tiền gửi đạt 81,93% (QĐ của NHNN ≤ 85%); Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 27,36% (QĐ của NHNN ≤ 40%).

Trong năm 2020, bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác thu hồi xử nợ, SHB đã trích lập 4.640 tỷ đồng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu. Đặc biệt, SHB đã trích dự phòng các khoản nợ tổn đọng của HBB, hoàn thành trước hạn Đề án sáp nhập HBB giai đoạn 2016-2020.

Trong năm, SHB cũng đã tăng vốn điều lệ thành công từ 12.036 tỷ đồng lên 17.510 tỷ đồng thông qua chia cổ tức năm 2017, 2018 bằng cổ phiếu và phát hành riêng lẻ.

2.1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2020	Tăng trưởng 2020/ 2019		% thực hiện kế hoạch 2020
		(+/-)	%	%
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	412.680	47.425	13,0	101,0
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	17.510	5.474	45,5	
Huy động từ TCKT và cá nhân (Tỷ đồng)	338.129	49.650	17,2	101,0
Dư nợ cấp tín dụng (Tỷ đồng)	316.670	50.481	19,0	103,4
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	3.268	242	8,0	100,0
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	10,08			Hoàn thành
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,83			Hoàn thành

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020)

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ/Nhiệm vụ chính	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc Điều hành hoạt động chung của ngân hàng	0,226%
2	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Không sở hữu
3	Bà Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0,073%
4	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	0,004%
5	Bà Hoàng Thị Mai Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Không sở hữu
6	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc	Không sở hữu
7	Ông Đỗ Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc	Không sở hữu
8	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán trưởng Phụ trách công tác Kế toán.	0,000%

Lý lịch tóm tắt thành viên Ban Tổng Giám đốc, tham khảo trang 18 - 19

2.2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Tháng 06/2020 bà Đặng Tố Loan đã thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc SHB để tập trung vào hoạt động điều hành Chi nhánh SHB Hồ Chí Minh

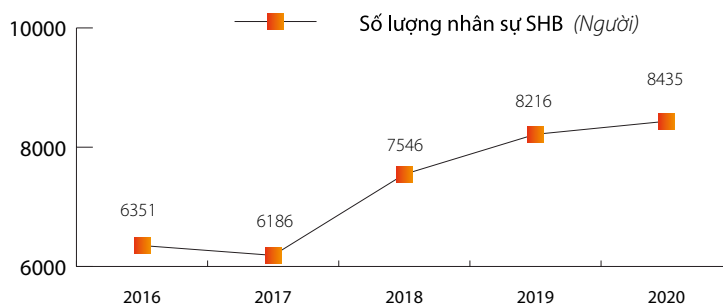
2.2.3. Danh sách Phụ trách các Khối nghiệp vụ khác

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đình Dương	Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ
2	Ông Phạm Viết Dẫn	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
4	Ông Vũ Mai Tùng	Phó Giám đốc phụ trách Khối Công nghệ thông tin
5	Bà Đoàn Thanh Huyền	Phó Giám đốc phụ trách Khối Hỗ trợ kiêm Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ tín dụng
6	Ông Trần Tuấn Việt	Giám đốc Khối Marketing & Phát triển thương hiệu

Lý lịch tóm tắt Giám đốc các khối nghiệp vụ khác và Kế toán trưởng, tham khảo trang 20 – 21

2.2.4. Số lượng cán bộ nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2020 là 8.435 người, với 80% có trình độ Đại học và trên đại học



2.2.5. Chính sách đối với người lao động

Với mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có phẩm chất, kinh nghiệm và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, tâm huyết với sự phát triển của ngân hàng, SHB tiếp tục nhiều chính sách nhằm thu hút, tạo động lực phát triển và sự gắn bó lâu dài của người lao động với ngân hàng.

- **Chính sách tuyển dụng công khai**, minh bạch với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của các ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp để làm căn cứ trong quá trình tuyển dụng.

Việc tuyển chọn nhân sự với tiêu chuẩn cao về trình độ, sức khỏe, đạo đức luôn được SHB chú trọng với việc duy trì website tuyển dụng trực tuyến, bản tin tuyển dụng nội bộ, thông tin tuyển dụng được phổ biến qua các trang mạng xã hội, đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch, công bằng, nâng cao hình ảnh, uy tín của thương hiệu SHB trên thị trường lao động.

- **Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên**: SHB luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của SHB với chính sách đào tạo, phát triển theo chiến lược kinh doanh của ngân hàng, được xây dựng theo từng nhóm đối tượng.

- Công tác đào tạo năm 2020 có nhiều chuyển biến với chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuẩn chức danh đối với các chức danh chính trong ngân hàng, trọng tâm là các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu và kỹ năng mềm.

Bên cạnh hàng trăm khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ trực tiếp đào tạo, SHB phát triển đào tạo thông qua các ứng dụng công nghệ cao như: Hệ thống quản lý học tập – thi trực tuyến SHB - LMS; Hệ thống khảo sát – đánh giá chất lượng sau khóa học trực tuyến SHB – Survey; Diễn đàn trao đổi học tập; Đào tạo qua cầu truyền hình;... nhằm tiết giảm tối đa các chi phí liên quan tới đào tạo cũng như nâng cao năng suất lao động của CBNV.

- **Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ, chế độ phúc lợi** của SHB mang tính cạnh tranh với mục tiêu mang lại nguồn thu nhập ổn định để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng.

Chi tiết các chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động, Quý vị vui lòng xem mục Phát triển bền vững – Chính sách liên quan đến người lao động, trang 80.

2.3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

2.3.1. Tình hình thực hiện các dự án lớn

Xác định mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng hiện đại hàng đầu Việt Nam, SHB đã xây dựng lộ trình chuyển đổi trở thành một ngân hàng số toàn diện, hiệu quả và năng động. Để thực hiện lộ trình này, SHB đã thành lập các đơn vị chuyên trách dự án với sự tham gia của các nhà tư vấn hàng đầu thế giới gồm:

Khối ngân hàng số

Khối ngân hàng số SHB thành lập với mục tiêu phát triển đa dạng các kênh bán hàng thay thế, cung cấp và liên tục ra mắt các sản phẩm dịch vụ hiện đại, sáng kiến số hóa quy trình vận hành mới, số hóa hành trình khách hàng, từ đó tăng khả năng tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô và tăng trưởng bền vững. Khát vọng SHB hướng tới nền tảng tài chính ngân hàng toàn diện cho các hệ sinh thái số của Việt Nam, các nước Đông Dương cũng như khu vực.

- **Ban Chiến lược phát triển:** có nhiệm vụ đầu mối triển khai, chỉ đạo, quản lý việc hoạch định chiến lược phát triển và đổi mới ngân hàng, xác định chiến lược định vị thương hiệu trung và dài hạn

- **Ban Tái cấu trúc Quản trị & Quản lý điều hành:** có nhiệm vụ đầu mối chỉ đạo, định hướng và triển khai tái cấu trúc quản trị và quản lý điều hành áp dụng các chuẩn mực quản trị điều hành tiên tiến trên thế giới

- **Ban Hiện đại hoá Công nghệ ngân hàng:** có nhiệm vụ đầu mối xây dựng chiến lược và kế hoạch chi tiết hiện đại hóa và chuyển đổi số ngân hàng. Trong đó, theo lộ trình này, trong vòng 05 năm, SHB sẽ tập trung vào triển khai các dự án theo các nhóm lĩnh vực Hướng tới khách hàng (Customer Centricity), Dữ liệu lớn (Big Data), Số hóa (Digital), Tối ưu hóa quy trình (Process Optimization), Hạ tầng công nghệ (Technology), Mô hình quản trị Công nghệ thông tin (IT Operating model). Các dự án CNTT đã và đang triển khai, trải đều ở các nhóm lĩnh vực. Một số dự án tiêu biểu như sau:

Dự án Dữ liệu lớn (Big Data)

Như chúng ta đều biết dữ liệu chính là nguồn nguyên liệu cực kỳ quan trọng của cách mạng công nghiệp 4.0. Chính vì vậy, SHB coi dữ liệu là tài sản quý giá và là một yếu tố cốt lõi trong hành trình chuyển đổi số. Do vậy, từ năm 2018 SHB bắt đầu tập trung nguồn lực vào triển khai dự án Big data, Data warehouse và Data analytic. Nguồn dữ liệu tốt, đáng tin cậy, hệ thống công cụ phân tích hiện đại sẽ giúp SHB: (i) thấu hiểu khách hàng để đưa ra sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất với từng đối tượng khách hàng; (ii) Phân tích, dự báo các xu hướng kinh doanh; (iii) Phân tích, dự báo, nhận diện rủi ro dựa trên dữ liệu; (iv) Cung cấp các số liệu xác thực hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, điều hành; (v) Từng bước ứng dụng AI và Machine Learning vào các hoạt động kinh doanh cũng như quản trị; ... Một số hạng mục của dự án đã đưa vào vận hành và hoàn thiện vào năm 2020.

Dự án Số hóa (Digital)

Một số dự án đầu tiên trong nhóm số hóa (Digital) đã bắt đầu khởi động như: (1) ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử để số hóa hoạt động văn phòng, áp dụng chữ ký số thay thế ký tay, quản lý, lưu trữ công văn giấy tờ xuyên suốt trong toàn hệ thống; (2) Dự án tư vấn tái cấu trúc quy trình kinh doanh (Business re-engineering) giúp chuẩn hóa, đơn giản hóa, tối ưu hóa quy trình nhằm xác định quy trình thừa cần loại bỏ, quy trình nào có thể số hóa được; (3) Dự án tự động hóa các quy trình thông qua robot ảo (RPA – Robotic Process Automation). Một số hạng mục của dự án đã đưa vào vận hành hoàn thiện vào năm 2020.

Dự án Tối ưu hóa quy trình (Process Optimization)

Trong nhóm các dự án tối ưu hóa về quy trình, SHB tập trung mạnh vào triển khai các dự án liên quan đến Quản lý tài chính, Quản lý rủi ro và Kiểm toán nội bộ. Trong dự án về tài chính, SHB đã triển khai các giải pháp phần mềm như ERP, Planning & Budgeting, Profitability, ALM, FTP. Việc triển khai dự án Finance Transformation giúp SHB áp dụng những tiêu chuẩn, thông lệ tiên tiến nhất trong công tác Quản trị tài chính nhằm nâng cao và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Một số hạng mục của dự án đã hoàn thành và đưa vào vận hành năm 2020.

Về dự án Quản lý rủi ro, SHB đã hoàn thành ICAAP sớm hơn 1 năm so với quy định của NHNN, đưa SHB trở thành 1 trong những NH đầu tiên đáp ứng đầy đủ 3 trụ cột của Basel II. SHB cũng là 1 trong những NH ít ỏi tự triển khai ICAAP mà không thuê tư vấn, kết quả triển khai ICAAP của SHB cũng được các bên thứ 3 đánh giá là tốt và ưu việt hơn so với các NHTM khác.

Dự án Hướng tới khách hàng (Customer Centricity)

Xác định mục tiêu hướng đến khách hàng, mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng, SHB đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và đặt khách hàng vào trọng tâm của mọi hành động, suy nghĩ của ngân hàng. Dự án đầu tiên trong nhóm Customer centricity đang được khởi động là hệ thống CRM hiện đại.

Dự án mô hình tổ chức về Công nghệ thông tin (IT Operating Model)

Năm 2020, SHB tiếp tục xúc tiến làm việc với các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới để hỗ trợ xây dựng mô hình tổ chức về CNTT (IT Operating Model) và nguồn lực CNTT phù hợp để triển khai lộ trình nói trên. Đây là một trong những nền tảng quan trọng để SHB thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi thành ngân hàng số toàn diện.

2.3.2. Công ty con



Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHAMC) được cấp phép thành lập theo quyết định số 508/2009/QĐ-NHNN, ngày 11/03/2009 và chính thức hoạt động vào ngày 5/12/2009.

Sau 12 năm đi vào hoạt động, Công ty ngày càng đóng vai trò quan trọng nhằm hỗ trợ SHB trong các hoạt động xử lý nợ, thực hiện công tác quản lý tài sản của Ngân hàng và của khách hàng an toàn, hiệu quả. SHAMC tiếp tục tập trung vào các hoạt động chính là mua bán, quản lý và khai thác tài sản xử lý nợ và hoạt động dịch vụ bảo vệ để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của SHB. Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ và quản lý tài sản của SHB, SHAMC còn cung ứng các hoạt động kinh doanh dịch vụ đối với các TCTD khác trong lĩnh vực xử lý tài sản và nợ tồn đọng theo quy định của pháp luật.

Năm 2020, Công ty đã đáp ứng được 100% nhu cầu công tác bảo vệ tại địa điểm kinh doanh của SHB trên toàn quốc. Tổng số địa điểm kinh doanh đã triển khai công tác bảo vệ là 256 mục tiêu (58 trụ sở Chi nhánh và 198 Phòng giao dịch triển toàn quốc). SHB AMC đang quản lý 29 kho hàng và 1 tài sản xử lý nợ trên phạm vi toàn quốc, đáp ứng 100% nhu cầu triển khai kho do các đơn vị SHB đề nghị. Con số này sẽ còn được mở rộng nữa trong các năm tiếp theo để phục vụ cho công tác bảo vệ, kho bãi của công ty mẹ - SHB. Trong năm 2020, SHB AMC tiếp tục phối hợp với Trung tâm định giá tài sản SHB triển khai nghiệp vụ tư vấn giá tài sản là bất động sản trên toàn Chi nhánh SHB. Tính đến 31/12/2020, tổng số phí tư vấn giá đã thu được trong năm gần 3,4 tỷ đồng.

Tính đến 31/12/2020, tổng số CBNV của Công ty là 756 người, giảm 13 người so với năm 2019; Tổng doanh thu năm 2020 đạt 87,97 tỷ đồng, đạt 102,6% kế hoạch. Tổng chi phí 76,58 tỷ đồng (kế hoạch là 77,4 tỷ đồng). Lợi nhuận đạt 11,3 tỷ đồng (vượt 37% so với kế hoạch).

Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội (SHB Lào)

Ngân hàng TNHH MTV 100% vốn tại Lào được thành lập với vốn điều lệ 50 triệu USD, trên cơ sở chuyển đổi mô hình từ SHB Chi nhánh Lào. Từ năm 2012-2015, SHB Lào hoạt động dưới mô hình là SHB Chi nhánh tại Lào. Ngày 18/12/2015 theo giấy phép số 41 của NHNN Lào, SHB Chi nhánh Lào được cấp phép là ngân hàng TNHH MTV tại Lào và là ngân hàng "con" của SHB. Ngày 15/01/2016 chính thức khai trương trụ sở chính tại thủ đô Vientiane, đánh dấu bước phát triển mới về quy mô hoạt động của SHB Lào. SHB Lào hoạt động độc lập và có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng, có 2 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Champasak và chi nhánh Savannakhet, cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tài chính ngân hàng, góp phần đa dạng hóa danh mục kinh doanh, hạn chế rủi ro, chủ động nâng cao khả năng phán quyết và thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ ngân hàng mẹ tại Việt Nam. SHB Lào ra đời sẽ mang tới cho SHB nhiều cơ hội trong việc khai thác, tận dụng hết tiềm năng rộng lớn và đầy hứa hẹn của thị trường Lào, thu hút đầu tư, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của SHB trên thị trường tài chính Việt Nam, Lào và quốc tế song hành với sứ mệnh phát triển tầm nhìn, thương hiệu SHB với quốc tế, góp phần thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị giữa Việt Nam và Lào.

Sau 9 năm đi vào hoạt động, và 04 năm chuyển đổi mô hình từ SHB Chi nhánh Lào thành Ngân hàng TNHH tại Lào (2016). SHB Lào đã có những chuyển biến tích cực và khả quan trong quá trình đầu tư, phát triển hoạt động kinh doanh của mình tại địa bàn Lào.

Đến 31/12/2020, SHB Lào có 2 điểm giao dịch gồm 1 trụ sở và 2 chi nhánh, 81 cán bộ nhân viên. Huy động vốn thị trường 1 đạt 378 tỷ đồng tương ứng tăng 42% so với năm 2019. Dư nợ tín dụng đạt 2.458 tỷ đồng. Tổng chi phí hoạt động quản lý là 55,8 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 85 tỷ đồng.



Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia)

Với vốn điều lệ 75 triệu USD, SHB Campuchia là ngân hàng con 100% vốn thứ 2 của SHB tại thị trường Đông Dương sau SHB Lào. SHB Campuchia hoạt động độc lập, có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng trên nền tảng mô hình chuyển đổi từ SHB chi nhánh Campuchia.

Sau 9 năm hoạt động, SHB Campuchia đã tạo được nền tảng cơ sở khách hàng đa dạng bao gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia và doanh nghiệp của nước sở tại, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực kinh tế then chốt như cao su, ngành điện, cầu đường, khai thác khoáng sản. Trong thời gian tới, SHB Campuchia sẽ đẩy mạnh phát triển một cách toàn diện để khai thác hết tiềm năng và cung cấp được đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.

Tính đến hết 31/12/2020, SHB Campuchia có 5 điểm giao dịch gồm 1 trụ sở và 4 chi nhánh, 56 cán bộ nhân viên. Huy động vốn thị trường 1 quy đổi đạt 1.417 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch. Dự trữ tín dụng quy đổi đạt 6.721 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch. Chi phí hoạt động quản lý 90 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 164,5 tỷ đồng.

Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHBFC)

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (viết tắt là Công ty tài chính tiêu dùng SHB) được thành lập ngày 12/12/2016, trên cơ sở Công ty tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel (VF) sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), với số vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng.

Hiện nay, SHB Finance tập trung cung cấp dịch vụ cho vay tiền mặt cho các nhóm khách hàng đại chúng, với mức thu nhập trung bình từ 3 triệu đồng như CBNV, công nhân, người kinh doanh nhỏ lẻ và các khách hàng khác có thể cung cấp các hóa đơn dịch vụ. Các khoản tiền mặt này nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của đồng đảo người dân có thu nhập khiêm tốn, hiện đang chiếm tới gần 50% nhu cầu vay tiêu dùng nói chung.

SHB Finance hướng tới trở thành một trong các công ty tài chính tiên phong ứng dụng công nghệ để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và sự tiện ích cho khách hàng.

Công ty đã triển khai bán hàng mạnh mẽ để tạo đột phá, nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường. Các kênh bán hàng đa dạng gồm kênh bán hàng trực tiếp với mạng lưới phủ khắp 30 tỉnh/thành phố; kênh bán hàng qua điện thoại; kênh bán hàng online thông qua website, Landing page, facebook fanpage, zalo... Thương hiệu SHB Finance đã được khách hàng, đối tác đón nhận và trở thành một điểm sáng trên thị trường tài chính tiêu dùng về chất lượng, độ phủ và tốc độ triển khai kinh doanh. Năm 2020, công ty được Moody's tiếp tục xếp hạng tín nhiệm ở mức B3 với triển vọng ổn định.

Trong năm 2020, ảnh hưởng Dịch Covid-19 bùng đã tác động rất tiêu cực đến toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế. Trong đó, ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất chính là các nhóm đối tượng có thu nhập thấp vốn là phân khúc khách hàng chủ yếu của ngành tài chính tiêu dùng nói chung và SHB Finance nói riêng. Tuy nhiên trên cơ sở các tiến đề đã được trong năm 2019, trong năm 2020 Công ty đã đạt được một số kết quả sau:

Đến 31/12/2020, tổng tài sản SHBFC đạt mức 4.098 tỷ đồng, tăng 810 tỷ đồng tương ứng tăng 24% so với năm 2019. Cho vay đạt 3.689 tỷ đồng, tăng 962 tỷ đồng, tương ứng tăng 35,3% so với năm 2019. Tổng thu nhập thuần đạt 1.072 tỷ đồng, tăng 357 tỷ đồng so với năm 2019. Chi phí hoạt động quản lý 411 tỷ đồng, tăng 66 tỷ đồng so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 70,7 tỷ đồng. Nhân sự của công ty là 2.139 người. Về cơ bản các chỉ số quản trị chủ yếu của công ty đang thể hiện hiệu quả kinh doanh tốt và nằm trong phạm vi kiểm soát của kế hoạch kinh doanh.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng trưởng 2020/2019
1. Quy mô vốn				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	365.254	412.680	13,0%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	12.036	17.510	45,5%
Vốn tự có	Tỷ đồng	24.816	37.180	49,8%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động từ TCKT và cá nhân	Tỷ đồng	288.479	338.129	17,2%
Dư nợ cấp tín dụng	Tỷ đồng	266.189	316.670	19,0%
Tổng thu nhập	Tỷ đồng	30.976	35.024	13,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.026	3.268	8,0%
3. An toàn				
Tỷ lệ an toàn vốn	%	12,01	10,08	Đảm bảo mức quy định của NHNN Năm 2020 theo Basel II ($\geq 8\%$) Năm 2019 theo TT 36 ($\geq 9\%$)
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,91	1,83	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 3\%$)
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,71	4,02	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 5\%$)
4. Thanh khoản				
Tỷ lệ dư nợ/ huy động (LDR)	%	78,35	81,93	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 85\%$)
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	32,38	27,36	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 40\%$)
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	14,15	13,69	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\geq 10\%$)

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020)

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

2.5.1. Cổ phần

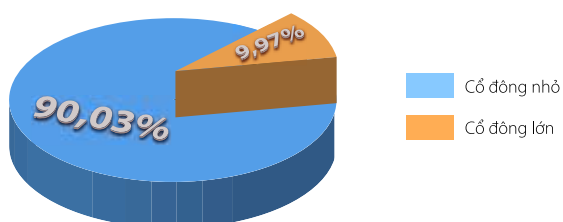
- Tổng số cổ phiếu:	1.755.833.126 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	1.755.336.940 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	192.027.532 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng:	1.563.805.594 cổ phiếu

2.5.2. Cơ cấu cổ đông

Theo tiêu chí Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

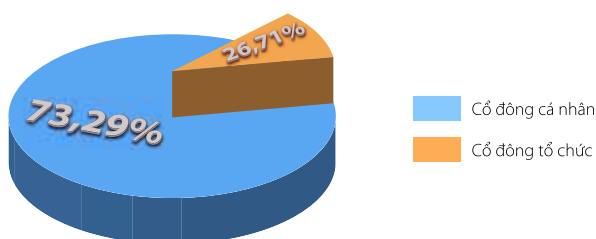
STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông
1	Cổ đông lớn	1	9,97%
2	Cổ đông nhỏ	40.104	90,03%
Tổng cộng:		40.105	100%

(Cổ đông lớn là cổ đông chiếm trên 5% tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ngân hàng. Cổ đông nhỏ là các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần dưới 5%.)



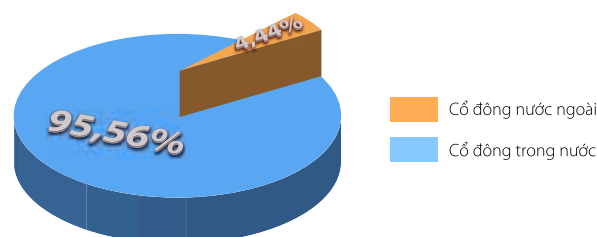
Theo tiêu chí Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Tổ chức	144	26,71%
2	Cá nhân		73,29%
Tổng cộng:			100%



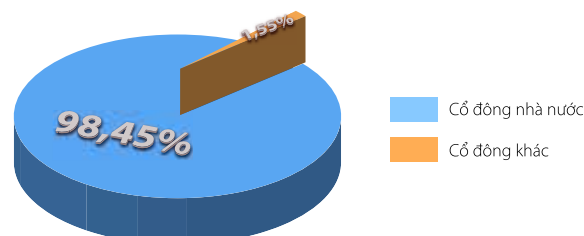
Cổ đông trong nước và nước ngoài

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	39.819	95,56%
2	Cổ đông nước ngoài	286	4,44%
Tổng cộng:		40.105	100%



Cổ đông nhà nước và cổ đông khác

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông nhà nước	8	1,55%
2	Cổ đông khác	40.097	98,45%
Tổng cộng:		40.105	100%



2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

+ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 251.437.035 cổ phiếu

+ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 300.779.981 cổ phiếu

2.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2020, SHB không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

2.5.5. Các chứng khoán khác: Không có

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Chi tiết báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội, Quý vị xem tại mục Phát triển bền vững, trang 86

3. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Trải qua 27 năm phát triển và đổi mới không ngừng, SHB tự hào là một trong 5 Ngân hàng Thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, thực hiện tốt cùng lúc 2 nhiệm vụ lớn: hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế đồng thời tích cực đi đầu triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Chính phủ và Nhà nước.

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong 5 năm vừa qua, kiên định với nguyên lý kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu chính trong hoạt động kinh doanh của SHB luôn ổn định, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân toàn ngành, đạt từ 20% - 25%. Đặc biệt năm 2020, SHB đã đạt được nhiều thành công, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2020, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động, ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19 và thiên tai, bão lũ. SHB vẫn tiếp tục đạt được những thành công quan trọng nhờ năng lực, quyết tâm của cả hệ thống trong và ngoài nước; sự hợp tác ủng hộ của các đối tác, khách hàng và niềm tin của các cổ đông. Các chỉ tiêu hoạt động đều tăng trưởng so với năm 2020 và đạt, vượt kế hoạch đề ra.

- Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động từ khách hàng của SHB luôn ổn định qua các năm và cao hơn so với bình quân thị trường. Đến cuối năm 2020, tăng trưởng huy động vốn của khách hàng đạt 17,2% (bình quân toàn hệ thống TCTD tăng 13,5%).
- Dư nợ cấp tín dụng tăng trưởng 19,0%, đảm bảo hạn mức tín dụng được cấp bởi NHNN.
- Các hoạt động phi tín dụng tăng trưởng tốt đóng góp đáng kể vào cơ cấu lợi nhuận của ngân hàng. Trong đó, thu nhập thuần từ chứng khoán tăng 178,6%;
- Các chỉ tiêu an toàn, thanh khoản luôn đáp ứng quy định của NHNN, minh bạch, góp phần ổn định thanh khoản chung của toàn hệ thống.

Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành bên cạnh việc tăng cường quy mô hoạt động, xây dựng được mạng lưới rộng lớn và kênh phân phối hiện đại.

Nhờ sự đoàn kết nội bộ nhất trí cao giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBNV, sự chỉ đạo quyết liệt từ HĐQT nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2020 đã được ĐHCĐ giao, SHB đã được nhiều tiến bộ vượt bậc như:

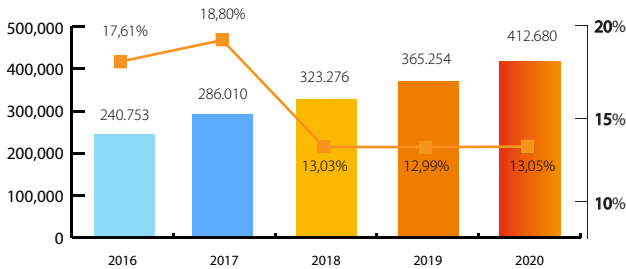
- Hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch về tài sản, dư nợ, huy động vốn, lợi nhuận, ..; nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, giữ vững vị thế là một trong những NHTMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Kiểm soát tốt chi phí hoạt động, đưa tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động xuống mức 35%, thấp nhất trong 5 năm qua.
- Hoàn thành trước hạn Đề án sáp nhập HBB vào SHB giai đoạn 2016-2020.
- Hoàn tất ba trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, SHB đã đáp ứng tuân thủ toàn diện các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, nhận được đánh giá tích cực của các tổ chức quốc tế, góp phần nâng cao uy tín của SHB nói riêng và toàn ngành Ngân hàng Việt Nam nói chung.

3.2. Tình hình tài chính

3.2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2020 tăng 13,0% lên mức 412.680 tỷ đồng, tiếp tục duy trì SHB ở nhóm các ngân hàng cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng tài sản của SHB bình quân trong 5 năm qua đạt 15,1%, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân toàn hệ thống (tăng trưởng toàn hệ thống khoảng 13%).

Tốc độ tăng trưởng tài sản bình quân 5 năm đạt 15.1%



Song song với việc tăng trưởng quy mô, SHB luôn chú ý nâng cao chất lượng tài sản với tỷ trọng các tài sản được cơ cấu ở mức hợp lý, đảm bảo sinh lời cao mà vẫn an toàn, thanh khoản tốt. Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các hoạt động phi tín dụng nhằm giảm sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng. Tỷ lệ cho vay/huy động ổn định ở mức 81,93%, (quy định của NHNN ≤ 85%). Tỷ lệ tài sản có sinh lời chiếm 92,4% quy mô tài sản. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 27,36% (quy định của NHNN ≤ 40%). Các tỷ lệ an toàn vốn và nợ xấu đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.

3.2.2. Hoạt động tín dụng

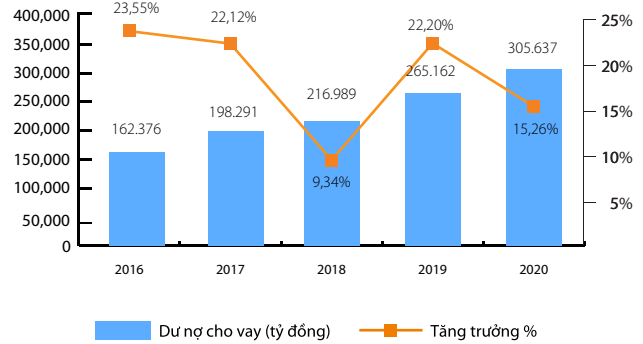
Theo định hướng của Chính phủ và NHNN, ngân hàng đẩy mạnh cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) và cho vay Khách hàng cá nhân trên cơ sở phát huy thế mạnh về doanh nghiệp lớn.

Phát huy vai trò chủ lực là một trong 5 Ngân hàng TMCP tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam, SHB đã hưởng ứng tích cực chủ trương của Chính phủ và NHNN, tập trung tín dụng vào các ngành trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020, hướng dòng vốn đến các đối tượng khách hàng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh hàng xuất khẩu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các doanh nghiệp khởi nghiệp,...

Đến 31/12/2020, tổng dư nợ cấp tín dụng của SHB đạt 316.670 tỷ đồng, tăng 19,0% so với 2019. Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng đạt 305.637 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng trong 5 năm qua là 18,5%.

Cơ sở tài sản vững mạnh của SHB được hỗ trợ bởi danh mục cho vay đa dạng và vững mạnh. Đến 31/12/2020, danh mục cho vay của SHB bao gồm dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 240.968 tỷ đồng, chiếm 79% tổng dư nợ cho vay; cho vay khách hàng cá nhân với dư nợ đạt 64.669 tỷ đồng, chiếm 21% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

Tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân 5 năm đạt 18.5%



Để đạt được kết quả như trên, SHB luôn kiên định với nguyên lý kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm. Ngân hàng luôn chủ động nghiên cứu khách hàng và thị trường, tìm hiểu nhu cầu đặc thù của từng phân khúc khách hàng để phát triển các chính sách và sản phẩm phù hợp và cạnh tranh trên thị trường.

Đối với khách hàng doanh nghiệp, trong những năm qua, SHB đã tích cực duy trì, triển khai nhiều chương trình, sản phẩm tín dụng trọng điểm như: Cho vay thu mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân, Hè Thu của Hiệp hội Lương thực Việt Nam; cho vay nuôi trồng, chế biến thủy sản, xuất khẩu; cho vay sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, phát triển ngành nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; Bảo lãnh sản phẩm tài trợ nhà cung cấp; Bảo lãnh cho Chủ đầu tư về việc bàn giao nhà ở hình thành trong tương lai; Bảo lãnh sản phẩm cấp tín dụng cho DN xây lắp,...

Các chương trình lớn điển hình là “Đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp lớn”, “Gói tín dụng ưu đãi Bluechip”, “Cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp”, “Cho vay kinh doanh nông sản”, “Ưu đãi lãi suất – Tiếp sức thành công”, “Cho vay bình ổn thị trường”, “Ưu đãi lãi vay – Đồng hành cùng doanh nghiệp”, ... với những ưu đãi nổi trội như:

- + Mức lãi suất phổ biến thấp hơn từ 1,5 – 2% so với mức lãi suất cho vay thông thường và mức tài trợ lên đến 90% giá trị của phương án, dự án vay vốn.
- + Ban hành các sản phẩm tín dụng phù hợp với hoạt động sản xuất của nông dân như cho vay liên vụ, cho vay qua sổ tín dụng, xuống tận địa bàn để cho vay, thu nợ (gốc, lãi) thay vì người vay phải đến trụ sở ngân hàng; cho vay các mô hình sản xuất, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi liên kết ứng dụng công nghệ cao, giúp người dân và doanh nghiệp rút ngắn thời gian sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí giao dịch và quản lý dòng tiền hoàn hảo,...
- + Chính sách trả nợ linh hoạt, phù hợp với dòng tiền nguồn thu của khách hàng; Cải cách các thủ tục cấp tín dụng theo hướng thông tiện cho khách hàng tiếp cận vốn, dịch vụ ngân hàng; rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục như xác nhận, công chứng,...
- + Xây dựng các chương trình “Khách hàng giới thiệu khách hàng” cho phép các khách hàng doanh nghiệp trong cùng một chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất kinh doanh được hưởng các gói chính sách tổng thể với lợi ích tối ưu và thủ tục đơn giản; xem xét cho vay các thành viên tham gia liên kết không có bảo đảm bằng tài sản nếu kiểm soát được dòng tiền của chuỗi liên kết,...

Với các chương trình, chính sách, sản phẩm được may đo phù hợp với khách hàng như trên, danh mục cho vay của Ngân hàng được đa dạng hóa trong các lĩnh vực kinh tế chủ chốt. Trong đó: (i) 22,6% là cho lĩnh vực thương mại bán buôn và bán lẻ, sửa chữa xe máy và xe có động cơ; (ii) 16,7% cho lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản; (iii) 13,9% cho vay lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; (iv) 5,5% cho vay lĩnh vực điện, khí, hơi đốt và điều hòa không khí, ... Ngoài ra, các khoản cho vay của Ngân hàng được

đa dạng hóa về kỳ hạn với danh mục cho vay bao gồm 40,3% là cho vay ngắn hạn, 29,4% cho vay trung hạn, 30,3% cho vay dài hạn.

SHB có danh mục cho vay doanh nghiệp lớn với quy mô lớn, từ đó có thể cho phép Ngân hàng mở rộng hơn nữa cơ sở khách hàng và đa dạng hóa danh mục cho vay đối với khách hàng SME và khách hàng cá nhân. Các doanh nghiệp lớn là khách hàng chính đem lại thu nhập phi lãi và Ngân hàng có được thu nhập phi lãi từ dịch vụ thu tiền mặt, thanh toán tiền mặt, quản lý tài khoản thanh toán, internet banking cho doanh nghiệp, dịch vụ thanh toán, thanh toán lương, dịch vụ ngoại hối và dịch vụ tài trợ thương mại. Mỗi khách hàng doanh nghiệp lớn là một doanh nghiệp đầu mối và thường có hàng trăm đơn vị cung cấp và đơn vị mua hàng SME trong chuỗi cung ứng của họ.

Đặc biệt, với từng khách hàng, SHB không những hỗ trợ nguồn tài chính mà còn đồng hành với khách hàng từ khâu xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh đến cung ứng các gói sản phẩm toàn diện gồm tiền gửi, thanh toán, tài trợ thương mại, ngân hàng điện tử, chuyển tiền... trên nền tảng công nghệ hiện đại, giúp khách hàng chủ động quản lý tài chính một cách hiệu quả nhất. Đó là lý do các sản phẩm, dịch vụ của SHB được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao và nhiều năm liền trao tặng các giải thưởng như: Ngân hàng SME tốt nhất, Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất, Ngân hàng tài trợ dự án tốt nhất...

Đối với khách hàng cá nhân, với định hướng chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu, SHB đã liên tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm đa dạng, cạnh tranh, phù hợp với thu nhập của nhiều đối tượng khách hàng khác. Các sản phẩm dịch vụ bán lẻ được thiết kế riêng cho từng khách hàng ví dụ như những sản phẩm bán lẻ được thiết kế đặc biệt cho khách hàng ưu tiên và các sản phẩm được thiết kế dựa trên yêu cầu khách hàng. Các sản phẩm cho vay được phát triển mạnh với sự hợp tác, liên kết của SHB với nhiều đối tác, luôn mang tới khách hàng những giá trị vượt trội.

Trong năm qua, SHB đã xây dựng nhiều chương trình ưu đãi như cho vay Sinh nhật Vàng 2020 với tổng hạn mức 8.000 tỷ, chính sách hỗ trợ KHCN chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 với những nội dung ưu đãi về lãi suất, phí dành cho KH mới và KH cũ. Nhiều chương trình ưu đãi cho khách hàng cá nhân, đặc biệt, khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi lãi suất, miễn phí phát hành thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử; giảm thêm 0,1%/năm lãi suất ưu đãi khi khách hàng mở thêm thẻ tín dụng, miễn phí phát hành và phí thường niên thẻ tín dụng,... Trong năm qua, SHB cũng đã đồng hành cùng người dân đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi đẩy lùi tín dụng đen, mang tới cơ hội nâng cao đời sống và tiếp cận vốn cho người dân an tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế của gia đình và địa phương với lãi suất ưu đãi. Đồng thời, để người dân có thể vay vốn tiêu dùng một cách dễ dàng, tiết kiệm thời gian hơn nữa, SHB đã triển khai tính năng Thanh toán khoản vay của SHB FC trên ứng dụng điện thoại Ebank SHB. Theo đó, khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán khoản vay của mình và người thân ngay trên điện thoại một cách tiện lợi, an toàn và bảo mật mà không cần tới quầy giao dịch

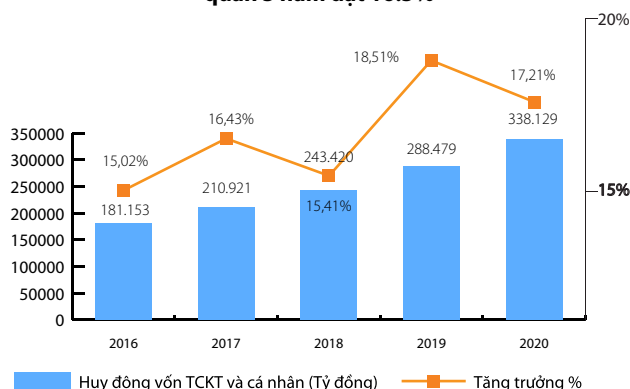
SHB cũng đã khai thác trong hệ sinh thái các doanh nghiệp lớn, những doanh nghiệp có hàng triệu nhân viên và khách hàng bán lẻ, bằng cách cung cấp các giải pháp tài trợ vốn cho các nhân viên nhận lương từ các doanh nghiệp lớn. Các giải pháp tài trợ vốn này bao gồm quản lý tài khoản lương, cho vay tiêu dùng, cho vay thế chấp mua nhà, cho vay mua xe, thẻ tín dụng, dịch vụ thanh toán, internet banking, digital banking và bancassurance....

3.2.3. Hoạt động huy động vốn

Nguồn vốn huy động luôn tăng trưởng tốt nhờ sự nỗ lực của toàn hệ thống khi hầu hết các Chi nhánh SHB đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về huy động vốn.

Đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn huy động của SHB đạt 377.091 tỷ đồng. Trong đó, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 17,2% so với năm 2019 lên mức 338.129 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn từ khách hàng bình quân 5 năm qua đạt 16,5%, cao hơn so với tăng trưởng bình quân toàn ngành (bình quân toàn hệ thống TCTD tăng 13,5%).

Tốc độ tăng trưởng huy động vốn TCKT và cá nhân bình quân 5 năm đạt 16.5%



Không chỉ đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị tuyệt đối lớn, cơ cấu huy động vốn của SHB cũng cho thấy sự tăng trưởng hiệu quả, bền vững. Trong đó, vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm của dân cư luôn chiếm tỷ trọng cao với 60% trong tổng tiền gửi của khách hàng.

Bên cạnh đó, SHB không ngừng tìm kiếm các nguồn vốn giá rẻ từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Năm 2020, nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước (gồm Ngân hàng thế giới - WB, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA, Ngân hàng tái thiết Đức - KfW,...) mà SHB được lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ là 2,55 tỷ USD (tương đương 59.706 tỷ đồng) với 26 dự án được triển khai trên toàn hệ thống. Đây là nguồn vốn trung dài hạn với lãi suất thấp mà SHB đang sử dụng để cho vay trung dài hạn tới các tiểu dự án đáp ứng được các quy định của nhà tài trợ. Việc huy động được nguồn vốn này sẽ giúp SHB có được nguồn vốn giá rẻ kỳ trung dài hạn, nâng cao năng lực quản trị và xếp hạng tín dụng.

Để đạt được kết quả này, SHB không ngừng cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm linh hoạt, hiện đại, phù hợp với mọi phân khúc khách hàng. Công tác giữ chân khách hàng cũ và mở rộng khách hàng mới được chú trọng. Trong đó, công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, thể hiện qua phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tư vấn hợp lý các sản phẩm nhằm tạo niềm tin cho khách hàng gửi tiền. Mạng lưới liên tục được mở rộng và công nghệ được cải tiến nhằm đưa dịch vụ ngân hàng đến gần hơn với người dân. Trong năm qua, SHB luôn tăng cường hợp tác và đã hợp tác thành công với các KHDN Lớn về huy động, điển hình như cung cấp phần mềm FPT xây dựng Phương án phát hành thẻ KCB thông minh trên nền tảng hệ thống SHB và HIS của Bệnh viện Nhi Trung Ương; Dự án kết nối thu hộ tiền hàng với Công ty MTV HABECO. Một số chương trình huy động lớn như: Chương trình phát hành "Kỳ phiếu ghi danh KHDN", "Chứng chỉ tiền gửi KHDN",...

3.2.4. Hoạt động đầu tư

- Danh mục đầu tư chứng khoán tiếp tục được SHB cơ cấu với tỷ trọng hợp lý nhằm sử dụng vốn hiệu quả. Tính đến 31/12/2020, số dư đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn của SHB đạt 29.522 tỷ đồng, tăng 7.180 tỷ đồng, tương ứng tăng 32,13% so với năm 2019. Trong đó, số dư trái phiếu TCKT là 11.032 tỷ đồng, chiếm 37,4% trong tổng danh mục đầu tư.

SHB thực hiện mua/bán trái phiếu doanh nghiệp nhằm đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh. Hầu hết các trái phiếu doanh nghiệp SHB đang đầu tư đều có mục đích kinh doanh trong ngắn hạn, góp phần tăng lợi nhuận cho ngân hàng. Thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích, thúc đẩy phát triển các dự án năng lượng sạch, điện mặt trời, năm 2020, SHB đã đẩy mạnh đầu tư một số trái phiếu thuộc lĩnh vực năng lượng (nhiệt điện, thủy điện, điện mặt trời). Số dư trái phiếu thuộc lĩnh vực năng lượng chiếm gần 60%/ tổng số trái phiếu doanh nghiệp đầu tư. Việc SHB cấp vốn tín dụng cho các dự án năng lượng sẽ góp phần cung cấp nguồn vốn cho doanh nghiệp thực hiện dự án, giúp doanh nghiệp hưởng lợi từ các chương trình chính sách ưu đãi từ Chính Phủ. Các dự án sau khi hoàn thành và đi vào triển khai sẽ góp phần giảm áp lực về nguồn cung cho hệ thống, góp phần bảo vệ môi trường... Các khách hàng thực hiện dự án năng lượng do SHB tài trợ đều là các khách hàng có năng lực tài chính tốt, thực hiện dự án khả thi. Hầu hết các dự án đều đã đóng điện. Sau khi mua các trái phiếu này trên thị trường sơ cấp, SHB thực hiện bán lẻ trên thị trường thứ cấp và được rất nhiều nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài quan tâm và mua.

- Số dư các khoản góp vốn đầu tư dài hạn đến 31/12/2020 là 4.101,4 tỷ đồng, trong đó góp vốn đầu tư vào công ty con là 3.935,5 tỷ đồng, góp vốn đầu tư dài hạn khác là 165,9 tỷ đồng.

3.2.5. Thu nhập, chi phí, lợi nhuận

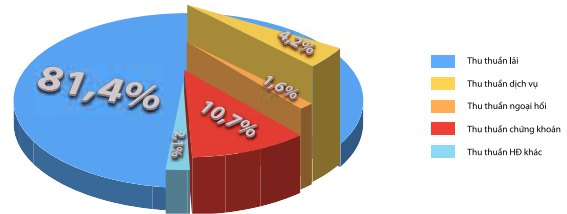
Tổng thu nhập của SHB năm 2020 đạt 35.024 tỷ đồng, tăng 13,1% so với năm 2019. Tổng thu nhập hoạt động thuần đạt 12.207 tỷ đồng, tăng 30,0%. Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng 26,9%, đạt 9.933 tỷ đồng, thu nhập từ đầu tư chứng khoán đạt 1.293 tỷ đồng, tăng 178,6%.

Tổng chi phí năm 2020 là 31.756 tỷ đồng. Trong đó, chi phí hoạt động là 4.299 tỷ đồng. Nhờ kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí hoạt động so với tổng thu nhập thuần (CIR) giảm xuống mức 35,2%, thấp nhất trong 5 năm qua. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng là 4.640 tỷ đồng, tăng 92,5%.

Năm 2020 với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid diễn ra toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế bởi giao thương trong nước và quốc tế đều bị tê liệt. SHB đã có chỉ đạo kịp thời về việc đưa ra các kế hoạch điều chỉnh kinh doanh dựa theo các kịch bản Covid. Nhằm vận hành, sử dụng chi phí hoạt động quản lý một cách hiệu quả phù hợp với tình hình dịch bệnh, ngân hàng đã thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, đồng thời rà soát lại toàn bộ chi phí hoạt động quản lý nhằm sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo mục tiêu tốc độ tăng trưởng chi phí luôn thấp hơn tốc độ tăng trưởng thu nhập thuần.

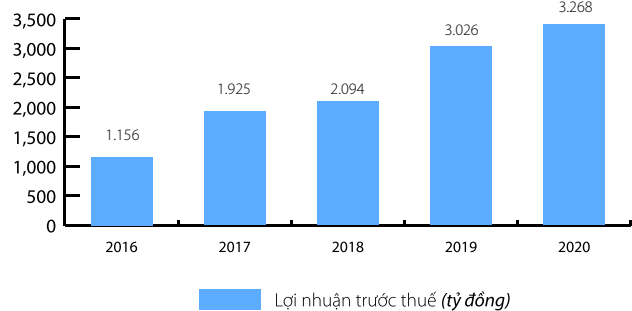
Trong khi thu nhập lãi vẫn chiếm phần lớn thu nhập của ngân hàng, thu nhập phi lãi ("NII") của Ngân hàng đã gia tăng hàng năm. Từ năm 2016 đến 2020, thu nhập thuần ngoài lãi của Ngân hàng tăng từ 791 tỷ đồng năm 2016 lên 2.274 tỷ đồng năm 2020. Ngân hàng có được thu nhập phi lãi từ dịch vụ thu tiền mặt, thanh toán tiền mặt, quản lý tài khoản thanh toán, internet banking, dịch vụ thanh toán, thanh toán lương, bảo hiểm, dịch vụ ngoại hối và dịch vụ tài trợ thương mại.

Cơ cấu thu nhập năm 2020



Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 3.268 tỷ đồng, tăng 8,0% so với năm 2019, hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 5 năm gần đây của SHB đạt 28,3%.

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 5 năm đạt 28,3%

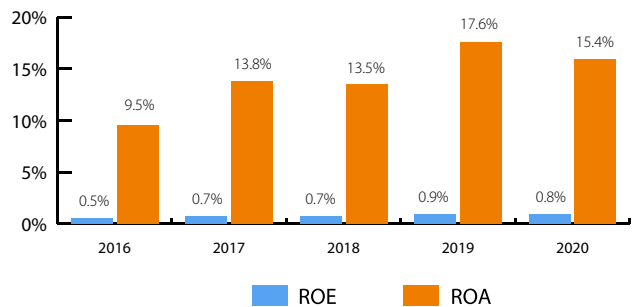


SHB được xếp trong top các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân về tăng trưởng lợi nhuận trước thuế. Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng phần lớn là do chi phí hoạt động hiệu quả, bao gồm chủ động tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi hoặc chi phí thấp, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro để giảm thiểu chi phí liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, thúc đẩy quá trình tự động hóa và số hóa và đưa công nghệ tiên tiến vào quản trị Ngân hàng để cải thiện năng lực quản trị, cũng như sự gia tăng đáng kể thu nhập phi dịch vụ từ doanh thu dịch vụ thanh toán và tiền mặt. Vì vậy, tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động ("CIR") của Ngân hàng đang có xu hướng giảm. Năm 2020, tỷ lệ CIR của SHB là 35%, thấp nhất trong 5 năm qua và là một trong 4 ngân hàng tư nhân kiểm soát tỷ lệ CIR tốt nhất.

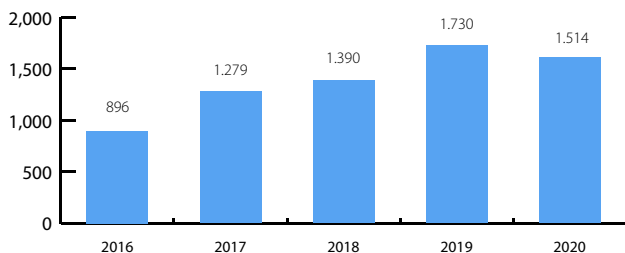
3.2.6. Tỷ suất sinh lời, lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm 2020, tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) của SHB đạt 0,8%. Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 15,4%. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 1.514 đồng/cổ phiếu.

Tỷ suất sinh lời



Lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS (Đồng/Cổ phiếu)



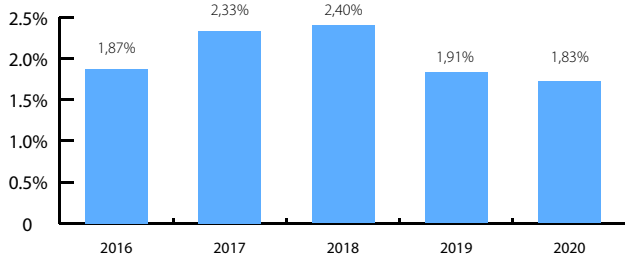
3.2.7. Chất lượng tài sản

Phát triển quy mô nhưng luôn chú trọng về chất lượng tài sản đã tạo nên một trong những thành công của SHB khi tiếp tục quản lý tỷ lệ nợ xấu dưới mức trung bình của toàn hệ thống.

Trong năm 2020 và các năm tiếp theo, SHB sẽ tiếp tục đẩy mạnh thu hồi nợ, và trích dự phòng để xử lý toàn bộ TP VAMC. Mục tiêu đến cuối năm 2022 SHB không còn trái phiếu VAMC.

Bên cạnh đó, SHB luôn tăng cường trích lập dự phòng nhằm nâng cao chất lượng tài sản. Đến cuối năm 2020, tổng quỹ dự phòng của SHB đạt 4.700 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2019. Tỷ lệ nợ xấu của SHB giảm xuống còn 1,83%, mức thấp nhất kể từ năm 2016 tới nay.

Tỷ lệ nợ xấu



3.2.8. An toàn vốn và thanh khoản

Luôn tuân thủ chặt chẽ mọi quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động

Ngoài những chỉ số ấn tượng về hoạt động kinh doanh, SHB luôn tuân thủ sự an toàn, bền vững với tỷ lệ an toàn vốn (Car) luôn luôn ổn định trên ngưỡng 8% theo quy định của nhà nước tại Thông tư T41/2016/TT-NHNN; Tỷ lệ dự trữ thanh khoản năm 2020 đạt 13,69% (quy định của NHNN $\geq 10\%$); tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn 27,36% (quy định của NHNN $\leq 40\%$); tỷ lệ khả năng chi trả của các loại đồng tiền luôn đảm bảo trong ngưỡng quy định của NHNN.

Năm 2020 đánh dấu cột mốc quan trọng của SHB sau khi hoàn tất 03 trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, đáp ứng tuân thủ toàn diện các yêu cầu của NHNN về hoạt động quản trị rủi ro nói riêng và hệ thống kiểm soát nội bộ nói chung. Đồng thời, với việc báo cáo NHNN trước hạn về kết quả đánh giá mức đủ vốn nội bộ, SHB không những luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu với đầy đủ các loại rủi ro trọng yếu, trong cả điều kiện bình thường và điều kiện diễn biến bất lợi mà còn đảm bảo có bộ đệm vốn nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

An toàn vốn giai đoạn 2016 - 2020

2016	2017	2018	2019	2020	Quy định của NHNN
13,00%	11,30%	11,79%	12,01%	10,08%	-2018,2019 theo quy định TT36 ($\geq 9\%$); - 2020 theo Basel II ($\geq 8\%$)

Để đạt được kết quả trên, bộ máy SHB đã được thiết kế đảm bảo sự quản lý chặt chẽ theo ngành dọc, thống nhất từ các khối kinh doanh tới các đơn vị kinh doanh, từ các khối/ban hỗ trợ tại Trụ sở chính tới các phòng/bộ phận hỗ trợ tại các chi nhánh/phòng giao dịch trong hệ thống. Sự thống nhất về quản lý theo ngành dọc đảm bảo sự vận hành xuyên suốt từ các cấp lãnh đạo cao nhất tới từng đơn vị kinh doanh, hạn chế rủi ro cho ngân hàng.

Các chính sách, quy định, quy trình quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động... được rà soát, chỉnh sửa liên tục nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động của SHB như: Số dư tín dụng được kiểm soát trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng; Rà soát, đánh giá chặt chẽ hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh; Phân tích các khoản nợ có vấn đề, các khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao, gửi thông tin cảnh báo đến các đơn vị kinh doanh để có biện pháp thu hồi nợ kịp thời;

Công tác kiểm toán nội bộ liên tục được tăng cường, bao gồm cả kiểm toán toàn diện và kiểm toán theo chuyên đề với việc tập trung kiểm toán các nghiệp vụ chính như tín dụng, đầu tư, ủy thác, huy động vốn, kế toán, đồng thời duy trì triển khai kiểm toán một số nội dung mới như kiểm toán mạng lưới... nhằm góp phần cảnh báo và phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động của hệ thống, để xuất biện pháp chỉnh sửa kịp thời và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Việc kiểm tra, kiểm soát và phòng chống rửa tiền, theo dõi và đôn đốc chấn chỉnh sau kiểm tra, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng, của Kiểm toán nội bộ tại các đơn vị luôn được SHB chú trọng và hành động kịp thời.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản lý

Năm 2020, SHB tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các khối/phòng/ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống để phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng Ngân hàng bán lẻ. Nhiều khối/phòng/ban nghiệp vụ được sáp nhập/chia tách, thành lập mới để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao công tác quản trị rủi ro, (điển hình như: Khối Marketing, Khối CNTT,...).

Hệ thống mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước liên tục được mở rộng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành. Xúc tiến kế hoạch thành lập Ngân hàng 100% vốn tại Bồ biển Ngà và mở văn phòng đại diện tại Úc và, tiếp tục lộ trình phát triển quy mô và hệ thống mạng lưới vươn ra quốc tế.

Về công tác quản lý rủi ro

Năm 2020 đánh dấu cột mốc quan trọng của SHB sau khi hoàn tất 03 trụ cột của Hiệp ước vốn Basel II trước thời hạn, đáp ứng tuân thủ toàn diện các yêu cầu của NHNN về hoạt động quản trị rủi ro nói riêng và hệ thống kiểm soát nội bộ nói chung.

Với mục tiêu duy trì đủ vốn cho các loại rủi ro trọng yếu, SHB đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại TT41/2016/TT-NHNN trên 9%, lớn hơn mức tối thiểu là 8% theo quy định. Đồng thời, với việc báo cáo NHNN trước hạn về kết quả đánh giá mức đủ vốn nội bộ, SHB không những luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu với đầy đủ các loại rủi ro trọng yếu, trong cả điều kiện bình thường và điều kiện diễn biến bất lợi mà còn đảm bảo có bộ đệm vốn nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

Cải tiến về công nghệ và sản phẩm

Bên cạnh đó, SHB tiếp tục hoàn thiện và triển khai nhiều dự án công nghệ trọng điểm nhằm hỗ trợ cho công tác quản trị ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như đảm bảo công tác quản lý rủi ro. Đặc biệt, trong năm, SHB đã vận hành và hoàn thiện một số cấu phần của dự án dự án “Hiện đại hóa ngân hàng” thông qua chiến lược công nghệ thông tin tổng thể 5 năm do Tập đoàn IBM tư vấn, đón đầu xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Một số dự án/giải pháp lớn như: Hướng tới khách hàng (Customer Centricity), Dữ liệu lớn (Big Data), Số hóa (Digital), Tối ưu hóa quy trình (Process Optimization), Hạ tầng công nghệ (Technology), Mô hình quản trị Công nghệ thông tin (IT Operating model).

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (2021-2023)

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2020, nghiên cứu dự báo môi trường kinh doanh năm 2021, SHB xác định các mục tiêu chính của toàn hệ thống đến cuối năm 2021 như sau:

3.4.1. Bốn trụ cột phát triển kinh doanh năm 2021:



1. Hoạt động kinh doanh “khách hàng là trọng tâm”:

Tập trung phát triển khách hàng đem lại hiệu quả cao phù hợp với tiềm năng của vùng miền, địa bàn với nhiều chính sách sản phẩm đa dạng tạo sự khác biệt trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng đồng thời cải tiến chính sách, quy trình, qui định: Đổi mới, tinh giảm gọn nhẹ, dễ hiểu, dễ làm, gắn kết với hoạt động kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cạnh tranh và phát triển khách hàng, tăng thị phần và thực hiện mục tiêu cắt giảm tối thiểu 20% hao phí lao động, giảm 10% chi phí hoạt động kinh doanh so với các qui trình, qui định hiện hành của SHB.

2. Phát triển nền tảng công nghệ ngân hàng số:

Hiện đại hóa, tự động hóa, sáng tạo, tăng hàm lượng ứng dụng công nghệ trong tất cả các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, backoffice, quản trị điều hành ... nhằm thực hiện mục tiêu NH số trong năm 2021 và tiến đến 2025 SHB sẽ trong TOP 3 NHTMCP có nền tảng NH số hiện đại nhất Việt Nam, đồng thời thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị điều hành toàn hệ thống.

3. Nhân sự: chính sách thi đua khen thưởng, kỷ luật, kỷ cương; Nâng suất lao động; Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản lý kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Quản trị rủi ro: Trong năm 2021 SHB tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và hướng đến chuẩn mực Basel III; Quản trị kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, thu hồi nợ; Giảm tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu; Quản trị tốt rủi ro hoạt động, rủi ro vận hành.

3.4.2. Mười nhiệm vụ trọng tâm 2021.

10 Nhiệm vụ trọng tâm 2021

1. Đổi mới tư duy, phương pháp làm việc

và trong công tác ban hành chính sách, quy hoạch các chính sách, quy định, quy trình, gắn chính sách, cơ chế với hiệu quả hoạt động kinh doanh, lấy mục tiêu hiệu quả kinh doanh làm yếu tố then chốt trong việc ban hành các chính sách, quy định, quy trình.

3. Khơi dậy khát vọng dẫn đầu:

Khơi dậy khát vọng dẫn đầu, thông qua các phong trào thi đua khen thưởng xuyên suốt trong năm 2021 nhằm phát huy sức mạnh của các cá nhân và tập thể, sức mạnh đoàn kết vì mục tiêu chung ở tất cả các cấp, các đơn vị, các cá nhân NLD. Tăng cường, cải tiến công tác thi đua, khen thưởng, tôn vinh kịp thời các cá nhân, đơn vị có thành tích cao trong hệ thống.

5. Quản trị rủi ro:

SHB hoàn tất ba trụ cột Basel II trước thời hạn (đã có báo cáo đánh giá độc lập của Công ty TNHH KPMG về việc hoàn thành cả 03 trụ cột của Chuẩn mực Basel II). Trong năm 2021 SHB tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và hướng đến chuẩn mực Basel III. Tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng, chất lượng tài sản có rủi ro, tập trung vào công tác quản trị nợ, thu hồi nợ và xử lý nợ có vấn đề; Nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro hoạt động, chủ động nhận định và phòng ngừa rủi ro.

7. Hoạt động kinh doanh “khách hàng là trọng tâm”:

SHB tập trung phát triển khách hàng mới, khách hàng “active” mới, chú trọng phát triển phân khúc khách hàng mục tiêu, tập khách hàng truyền thống, khách hàng đa ngành, khai thác hệ sinh thái khách hàng trong danh mục khách hàng hiện có của SHB, tập trung phát triển khách hàng đem lại hiệu quả cao phù hợp với tiềm năng của vùng miền, địa bàn với nhiều chính sách sản phẩm đa dạng tạo sự khác biệt trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng.

9. Quy hoạch lại các chi nhánh, PGD:

Qui hoạch lại các Chi nhánh và các PGD kém hiệu quả; chú trọng, tập trung vào CN, PGD tăng trưởng chậm, hạng bậc thấp so với tiềm năng trên địa bàn.

2. Tập trung phát triển nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh phát triển chất lượng nguồn nhân lực, coi nhân sự là yếu tố trọng tâm để phát triển kinh doanh. Phát hiện quy hoạch và bồi dưỡng nhân tài kịp thời đồng thời thực hiện nghiêm kỷ cương, khen thưởng và kỷ luật tăng các hình thức chế tài nếu người lao động vi phạm các quy định quy trình của SHB nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh toàn hệ thống.

4. Chuyển đổi số 4.0:

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong quản lý điều hành.

6. Tăng thu nhập thuần dịch vụ/Tổng thu nhập thuần:

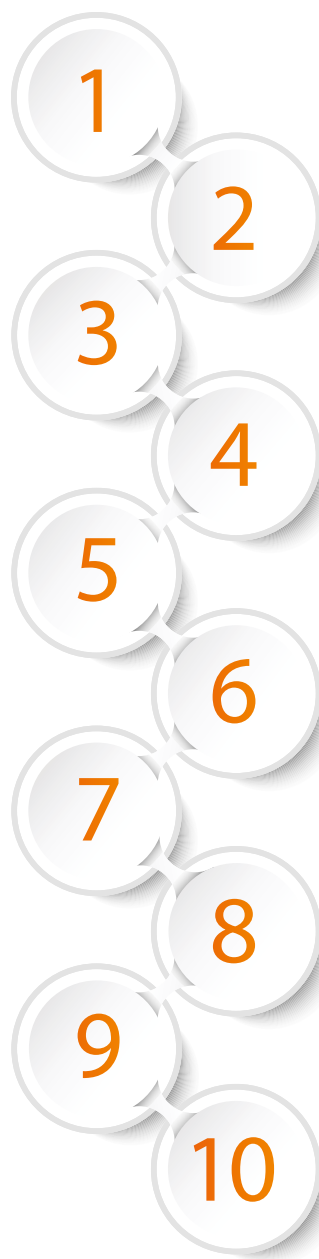
Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của SHB trong TOP 7 các NHTMCP, lấy khách hàng làm trọng tâm, phục vụ khách hàng là trên hết.

8. Nâng cao năng lực quản lý điều hành hệ thống,

thay đổi tư duy điều hành hệ thống, nâng cao năng lực định hướng kinh doanh của các Ban/TT/Khối tại HO, kịp thời định hướng đúng đắn và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể thiết thực để tạo điều kiện cho các ĐVKD phát triển và cạnh tranh trên địa bàn.

10. Quản trị hiệu quả CPHĐQL:

Tiết giảm chi phí hoạt động quản lý; đổi mới cơ cấu tổ chức của 1 số khối, trung tâm tại HO và Đơn vị kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu tiết giảm chi phí hoạt động quản lý.



3.4.3. Kế hoạch kinh doanh đến cuối năm 2021

a) Kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính năm 2021

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản dự kiến năm 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Tăng/ giảm so với 2020
1	Tổng tài sản	460.214	47.534
2	Vốn điều lệ (*)	26.674	9.164
3	Huy động vốn từ TCKT và CN	388.549	50.420
4	Số dư cấp tín dụng (**)	361.003	44.333
5	Tỷ lệ nợ xấu (%)	<2%	
6	Tỷ lệ an toàn vốn	≥10%	

(*) Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2021 bao gồm:

- 1.750,5 tỷ đồng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2019 với tỷ lệ là 10%,
- 2.022 tỷ đồng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2020 với tỷ lệ chia là 10,5%.
- 5.391,5 tỷ đồng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ phát hành cổ phiếu ra công chúng, SHB sẽ thực hiện ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm này sau khi hoàn thành toàn bộ các thủ tục theo quy định.

(**) Kế hoạch số dư cấp tín dụng sẽ thay đổi phù hợp với quy định giới hạn tăng trưởng tín dụng do NHNN cho phép.

b) Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021

Căn cứ theo các dự báo kinh tế vĩ mô, mục tiêu định hướng phát triển của SHB, và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, SHB xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Kịch bản 1:** Trường hợp SHB hoàn thành việc chào bán phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng hoàn thành trong quý 3 năm 2021 thì phần vốn tăng thêm được sử dụng vào hoạt động kinh doanh sẽ góp phần tăng thêm lợi nhuận cho ngân hàng và kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021 của SHB dự kiến là 6.128 tỷ đồng.
- Kịch bản 2:** Trường hợp SHB hoàn thành việc chào bán phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng hoàn thành trong quý 4 năm 2021 thì phần vốn tăng thêm được sử dụng vào hoạt động kinh doanh sẽ góp phần tăng thêm lợi nhuận cho ngân hàng và kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021 của SHB dự kiến là 5.828 tỷ đồng.

c) Kế hoạch chia cổ tức năm 2021

Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 15%

3.5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội

Năm 2020, SHB tiếp tục các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó phát triển kinh doanh song hành cùng trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Về trách nhiệm đối với môi trường, SHB vinh dự nhận giải "Ngân hàng Tiêu biểu về Tín dụng Xanh 2020" trong khuôn khổ giải thưởng uy tín Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) tổ chức. SHB đã đáp ứng đầy đủ, xuất sắc các tiêu chí khắt khe của giải thưởng, khẳng định là ngân hàng đi đầu, tích cực triển khai các chương trình về tín dụng xanh vì những nỗ lực duy trì và đẩy mạnh chính sách tín dụng xanh, hướng dòng vốn phục vụ cho các dự án, công trình "xanh".

Hoạt động đào tạo, tuyên truyền tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường nơi làm việc, nâng cao ý thức sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Về trách nhiệm đối với xã hội, SHB tiếp tục không ngừng nghỉ đóng góp các giá trị vật chất, tinh thần, gieo niềm tin cho cộng đồng. Điểm sáng nổi bật năm 2020 trong công tác an sinh xã hội của SHB phải kể tới Chuỗi hỗ trợ cho công tác chống đại dịch Covid lần 2, 3. Tổng số tiền SHB dành riêng để hỗ trợ các cơ quan y tế, các địa phương chống dịch lên tới hơn 12,5 tỷ đồng. Năm 2020 cũng chứng kiến thiên tai lũ lụt lịch sử tại Miền Trung, SHB đã cùng chung tay giúp đỡ xoa dịu hậu quả của lũ lụt và kịp thời hỗ trợ bà con vùng lũ. Ngoài ra, SHB tiếp tục với mục tiêu bảo vệ, hỗ trợ người yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Đối với người lao động, SHB luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ việc làm, tiền lương, bảo hiểm và hoàn thiện, bổ sung các chế độ phúc lợi cạnh tranh mỗi ngày, xây dựng môi trường lao động nhân văn, truyền cảm hứng để tăng năng suất làm việc và phát huy tối đa năng lực của bản thân. Công tác công đoàn, đảng được đẩy mạnh, giải quyết kịp thời các quyền và nghĩa vụ cũng như nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Chi tiết báo cáo liên quan tới trách nhiệm môi trường và xã hội, Quý vị xem tại mục Phát triển bền vững, trang 80



**MINH BẠCH
& TOÀN DIỆN**



“Tăng trưởng ở hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh, chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng công nghệ số, kiểm soát & quản trị tốt rủi ro chính là dấu ấn đặc biệt để SHB bứt phá, khẳng định sự minh bạch và toàn diện.”

4. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ngân hàng



4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của SHB

Trong năm 2020, mặc dù kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế chịu nhiều tác động của dịch bệnh, suy thoái chung của cả thế giới, nhưng với định hướng đúng đắn từ HĐQT, sự chỉ đạo sát sao từ Ban điều hành và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, SHB đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh và mục tiêu hoạt động được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tổng tài sản đạt 412.680 tỷ đồng, tăng 13,0% so với 2019, hoàn thành 101% kế hoạch
- Vốn điều lệ của SHB đạt 17.510 tỷ đồng, tăng 5.474 tỷ đồng so với năm 2019. Vốn tự có theo chuẩn Basel II đạt 37.180 tỷ đồng, tăng 12.364 tỷ đồng so với năm 2019.
- Nguồn vốn huy động TT1 đạt 338.129 tỷ đồng, tăng 49.650 tỷ đồng, tương ứng tăng 17,2 % so với cuối năm 2019, đạt 101% kế hoạch, chiếm 5,7% thị phần huy động vốn các TCTD tư nhân.
- Dự nợ cấp tín dụng hợp nhất đạt 316.670 tỷ đồng, tăng 19% so với cuối năm 2019, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN về giới hạn tăng trưởng cấp tín dụng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 3.268 tỷ đồng, tăng 8%, hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- SHB hoàn thành trước hạn Đề án sáp nhập HBB vào SHB giai đoạn 2016-2020.
- Hoạt động xử lý, thu hồi nợ xấu được thực hiện quyết liệt, giúp ngân hàng kiểm soát tỷ lệ nợ xấu còn 1,83%, trong giới hạn quy định của NHNN, thấp nhất trong 5 năm qua.
- Nguồn vốn huy động đặc biệt là huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng mạnh giúp đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Quản trị hợp lý chi phí hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng với tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động 35%, thấp nhất từ trước tới nay.
- Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án, ngành nghề trọng điểm quốc gia theo đúng định hướng, chiến lược của nhà nước.
- Mạng lưới được cơ cấu, mở rộng theo đúng tiến độ tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước và ở nước ngoài.

- Tái cấu trúc thành công tổ chức bộ máy và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Phòng/Ban/Trung tâm, Chi nhánh, Phòng giao dịch theo định hướng phát triển kinh doanh của Hội đồng quản trị.
- Công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp sau khi nhận sáp nhập ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội đến nay đều hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho hàng ngàn lao động, là cơ sở hình thành nguồn vốn trả nợ cho SHB.
- Đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội, trong đó phát triển tín dụng xanh tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; chia sẻ với cộng đồng qua các chương trình để ơn đáp nghĩa với người có công với cách mạng, ủng hộ người nghèo, đồng bào thiên tai lũ lụt để chia sẻ bớt những gánh nặng, khó khăn của cộng đồng.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ngân hàng có đội ngũ quản lý tâm huyết và có nhiều kinh nghiệm, bao gồm các chuyên gia uy tín có hàng chục năm kinh nghiệm trong đầu tư, quản trị kinh doanh, ngân hàng và tài chính. Ban Tổng Giám đốc có trung bình trên 20 năm kinh nghiệm trong đầu tư, quản trị kinh doanh, ngân hàng và tài chính. Đặc biệt, ông Nguyễn Văn Lê đã là Tổng Giám đốc từ năm 2000, cho thấy mức độ ổn định cao về đội ngũ lãnh đạo của Ngân hàng. Các thành viên khác của Ban Tổng giám đốc cũng có kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý và kinh nghiệm hoạt động sâu rộng và hầu như đều công tác tại SHB trên 10 năm. Được lãnh đạo bởi một đội ngũ quản lý tâm huyết và nhiều kinh nghiệm, Ngân hàng đã nhận được sự công nhận và các giải thưởng từ các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế.

Có được những thành công ấy trong bối cảnh cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khốc liệt, Hội đồng quản trị SHB đã luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình với tinh thần trách nhiệm cao, điều hành hoạt động linh hoạt và

chỉ đạo sát sao các đơn vị, có những giải pháp, đề xuất kịp thời lên HĐQT giúp đảm bảo mọi hoạt động tại từng đơn vị trong toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời, an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với mục tiêu đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu tại Việt Nam đạt được các chuẩn mực quốc tế, Hội đồng quản trị luôn xác định chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn với chiến lược cạnh tranh, luôn tạo sự khác biệt.

Để thực thi các kế hoạch theo định hướng trên, HĐQT SHB đã làm việc với các nhà tư vấn hàng đầu thế giới thống nhất thành lập và triển khai các dự án gồm:

Khối ngân hàng số

Khối ngân hàng số SHB thành lập với mục tiêu phát triển đa dạng các kênh bán hàng thay thế, cung cấp và liên tục ra mắt các sản phẩm dịch vụ hiện đại, sáng kiến số hóa quy trình vận hành mới, số hóa hành trình khách hàng, từ đó tăng khả năng tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô và tăng trưởng bền vững. Khát vọng SHB hướng tới nền tảng tài chính ngân hàng toàn diện cho các hệ sinh thái số của Việt Nam, các nước Đông Dương cũng như khu vực.

Ban Chiến lược phát triển Ngân hàng

Ban Chiến lược phát triển Ngân hàng gồm 16 thành viên, trong đó, Trưởng ban là Ông Đỗ Quang Hiển. Ban Chiến lược phát triển ngân hàng có nhiệm vụ là đầu mối làm việc và quyết định lựa chọn các đối tác tư vấn chiến lược uy tín trong và ngoài nước, triển khai, chỉ đạo, quản lý về việc hoạch định chiến lược phát triển và đổi mới ngân hàng, tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh trong ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng và định định vị tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh và các mục tiêu chiến lược dài hạn; Xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển bền vững ngân hàng, xây dựng mô hình kinh doanh, mô hình tài chính và các dự án chiến lược chuyển đổi và tái cấu trúc của SHB.

Ban hiện đại hóa Công nghệ Ngân hàng

Ban hiện đại hóa Công nghệ Ngân hàng gồm 19 thành viên, Trưởng ban là Ông Đỗ Quang Hiển. Ban hiện đại hóa công nghệ ngân hàng có nhiệm vụ là đầu mối làm việc và quyết định lựa chọn các đối tác tư vấn chiến lược uy tín trong và ngoài nước về chiến lược và kế hoạch chi tiết hiện đại hóa và chuyển đổi số ngân hàng; Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai hiện đại hóa và chuyển đổi số các quy trình nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ trong hoạt động ngân hàng thông qua các ứng dụng công nghệ; Chỉ đạo, quản lý, nghiên cứu, triển khai số hóa ngân hàng qua việc đưa công nghệ và phục vụ tất cả những hoạt động và dịch vụ ngân hàng;...

Ban Tái cấu trúc quản trị và quản lý điều hành

Ban Tái cấu trúc quản trị ngân hàng gồm 18 thành viên, Trưởng ban là Ông Đỗ Quang Hiển. Ban Tái cấu trúc quản trị ngân hàng có nhiệm vụ đầu mối làm việc và lựa chọn các đối tác tư vấn uy tín trong và ngoài nước về việc tái cấu trúc quản trị và quản lý điều hành ngân hàng; Chỉ đạo công tác nghiên cứu, triển khai thực hiện tái cấu trúc công tác quản trị điều hành (bao gồm rà soát hoàn thiện các quyết định về thẩm quyền của HĐQT, TGD, các chức danh quản lý tại SHB), tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, hệ thống chức danh, tiêu chuẩn chức danh tại SHB; Chỉ đạo công tác nghiên cứu, triển khai đổi mới cơ chế vận hành, quy định, quy trình, quy chế trong công tác quản lý điều hành.

Với định hướng khác biệt và cạnh tranh, định vị khách hàng mục tiêu, triển khai mô hình kinh doanh theo nguyên lý lấy khách hàng làm mục tiêu, dựa trên nền tảng công nghệ, SHB đã xác định định hướng giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

Tăng cường quản trị rủi ro an toàn của Ngân hàng để tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng

Ngân hàng đã đạt tăng trưởng hữu cơ nhanh chóng và an toàn trong những năm gần đây. Để tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng, Ngân hàng có kế hoạch tập trung tăng cường năng lực tài chính, cải thiện năng lực điều hành và quản trị và tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo tuân thủ với các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu Basel. Ngân hàng hợp tác với KPMG để phát triển lộ trình triển khai các tiêu chuẩn Basel II và cũng lựa chọn các đối tác EY, FPT và Oracle để triển khai hệ thống tính toán vốn Basel II. Với nỗ lực không ngừng, Ngân hàng đặt mục tiêu củng cố thực tiễn quản trị rủi ro, điều tra, giám sát, và kiểm toán nội bộ cho từng hoạt động để tăng cường năng lực phát hiện và cảnh báo sớm về các rủi ro mới xuất hiện trong các hoạt động của Ngân hàng.

Triển khai các dự án số hóa của Ngân hàng và tiếp tục phát triển các sáng kiến số hóa cho tới năm 2024

Ngân hàng đã phát động các dự án số hóa vào năm 2018 và để tiếp tục triển khai các sáng kiến số hóa, Ngân hàng xây dựng một kế hoạch ngân hàng số từ năm 2020 đến 2024. Ngân hàng đặt kế hoạch tiếp tục cải thiện các nền tảng số bằng cách nâng cấp các giao diện di động và internet và áp dụng các giải pháp công nghệ 4.0 mới nhất để tiếp tục thâm nhập vào thị trường internet banking và mobile banking đang tăng trưởng. Ngân hàng đặt kế hoạch triển khai các dịch vụ tài chính điện tử đặc biệt như ví di động để hỗ trợ thanh toán P2P.

Tăng cường các quy trình và sản phẩm của Ngân hàng để tiếp tục cải thiện mức độ hài lòng của khách hàng

Ngân hàng được khách hàng đón nhận tại Việt Nam và các sản phẩm của Ngân hàng đã được các cơ quan và tổ chức nổi tiếng trong nước và quốc tế công nhận. Vào năm 2020, Ngân hàng nhận được nhiều giải thưởng quốc tế, bao gồm “Ngân hàng của Năm” – Bank of the Year 2020 bởi The Banker vinh danh, “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất” bởi Tạp chí Asian Banking & Finance (“ABF”), “Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam” bởi Alpha Southeast Asia,... Để biết thêm thông tin về các giải thưởng của Ngân hàng, xem phần “Thành tích và sự công nhận của xã hội”, trang 76.

Để tiếp tục cải thiện mức độ hài lòng của khách hàng, SHB đặt kế hoạch đơn giản hóa quy trình và thủ tục để cải thiện trải nghiệm khách hàng tổng thể, thiết kế, hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phù hợp hướng tới mỗi nhóm khách hàng cốt lõi cụ thể để tối ưu hóa mức độ hài lòng của khách hàng. Ngân hàng ghi nhận vai trò của hệ thống ngân hàng như là trung gian với tác động lên môi trường thông qua các hoạt động của khách hàng. Thông qua việc triển khai chiến lược quốc gia cho tăng trưởng xanh của Việt Nam, Ngân hàng đã lựa chọn và thúc đẩy chính sách tín dụng xanh và hướng các nguồn lực vốn vào các lĩnh vực xanh, như các doanh nghiệp áp dụng các công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp, các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy điện, nhiệt điện và các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý rác thải để tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong danh mục tín dụng của Ngân hàng và để tăng nhận thức của khách hàng về bảo vệ môi trường. Ngân hàng dự định sẽ tiếp tục tập trung vào cấp vốn bền vững bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn xanh nghiêm ngặt cho các dự án mà Ngân hàng cấp vốn.

5. Quản trị Công ty

Với tôn chỉ hoạt động “Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp” và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.

5.1. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SHB

5.1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT – Không tham gia điều hành	27-04-2017		2,742
2	Ông Võ Đức Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT – Không tham gia điều hành	27-04-2017		0,004
3	Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên HĐQT – Tham gia điều hành	27-04-2017		0,226
4	Ông Thái Quốc Minh	Thành viên HĐQT - Không tham gia điều hành	23-04-2018		0
5	Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên HĐQT - Không tham gia điều hành	27-04-2017	15-06-2020	0
6	Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT - Không tham gia điều hành	27-04-2017		0
7	Bà Nguyễn Thị Hoạt	Thành viên HĐQT - Không tham gia điều hành	15-06-2020		0
8	Ông Trịnh Thanh Hải	Thành viên HĐQT độc lập - Không tham gia điều hành	23-04-2018		0

- **Lý lịch tóm tắt của các thành viên Hội đồng quản trị, tham khảo trang 14 - 16**
- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị**

Năm 2020, SHB đã miễn nhiệm ông Đỗ Quang Huy là thành viên HĐQT (ngày 15/6/2020).

5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các Ủy ban và Hội đồng nghiệp vụ là cơ quan được HĐQT thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của HĐQT, gồm:

- + Ủy ban Nhân sự
- + Ủy ban Quản lý rủi ro
- + Ban Nghiên cứu phát triển
- + Ban An ninh nội bộ

5.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu và trao quyền để thực hiện việc quản trị Ngân hàng. Trong năm 2020, HĐQT thực hiện 4 cuộc họp thường kỳ với tỷ lệ thành viên tham gia đạt 100%. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị cũng thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị đầy đủ và toàn diện nhất về tình hình hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT năm 2020

TT	Ngày	Nội dung và kết quả
1	21/02/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR quý IV.2019
2	28/04/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR Quý I.2020
3	04/08/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR Quý II.2020
4	31/10/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR Quý III.2020

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 đã luôn phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực hoàn thành tốt công tác quản trị, xây dựng chiến lược và định hướng hoạt động cho Ban Điều hành đưa Ngân hàng hoạt động an toàn, bền vững, hiệu quả.

Năm 2020, HĐQT SHB bao gồm 07 thành viên (trong đó có 01 thành viên độc lập) đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ vào 04 quý trong năm theo quy định. Ngoài các cuộc họp nêu trên, HĐQT thường xuyên biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các quyết định của HĐQT định hướng và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh trong năm 2020.

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị (HĐQT) đối với Ban điều hành được thực hiện đầy đủ theo Quy chế Quản trị nội bộ của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị cùng chung một mục tiêu, chiến lược, định hướng, giải pháp, kế hoạch thực hiện. Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng Thành viên HĐQT, mỗi thành viên HĐQT được giao thực hiện công tác quản trị, giám sát theo từng lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Ngân hàng. Trong quá trình thực thi Chủ tịch HĐQT luôn quán triệt các thành viên HĐQT xác lập rõ mục tiêu, kế hoạch hành động cụ thể, sát sao trong việc đưa ra các giải pháp và đôn đốc, giám sát để kịp thời có ý kiến chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn, hoàn thành các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Cùng với đó, Tổng Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên HĐQT, luôn đảm bảo sự kết nối và đúng định hướng của HĐQT trong hoạt động điều hành. Tại các phiên họp thường kỳ của HĐQT, Tổng Giám đốc có báo cáo về mọi mặt hoạt động của Ngân hàng; báo cáo triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết của HĐQT; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT.

HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc, các Khối/Ban/Trung tâm, các Đơn vị kinh doanh trong hệ thống nhằm nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo động lực thúc đẩy kinh doanh, đảm bảo phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững. Bên cạnh đó, trong năm 2020 HĐQT đặc biệt chú trọng và trực tiếp chỉ đạo: Tái cấu trúc mạnh mẽ Hội sở về bộ máy tổ chức, công tác nhân sự, chính sách, quy trình nghiệp vụ, quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, giải pháp công nghệ thông tin hướng tới Ngân hàng số đa năng hiện đại và đổi mới cơ chế quản lý nhằm phục vụ phát triển kinh doanh; Bám sát mọi diễn biến của thị trường, bên cạnh phát triển khách hàng bán lẻ, HĐQT đã có định hướng phát triển đầu tư cho các lĩnh vực kinh tế trọng điểm quốc gia như nông nghiệp nông thôn, năng lượng (điện gió, điện mặt trời),...; Tiên phong hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vay vốn thông qua giảm lãi suất đối với các khách hàng bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp bởi dịch Covid 19 trong bối cảnh môi trường kinh tế trong nước và quốc tế không thuận lợi từ ảnh hưởng của đại dịch này. HĐQT chỉ đạo toàn hệ thống SHB nghiêm túc thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, đảm nhiệm và hoàn thành tốt mục tiêu đã đặt ra, góp phần ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội. Năm 2020, SHB đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao.

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT cũng thường xuyên báo cáo HĐQT các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho HĐQT đầy đủ và toàn diện nhất về tình hình hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Với định hướng chiến lược phát triển rõ ràng, xác định nguyên lý kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm hướng tới ngân hàng bán lẻ đa năng hiện đại hàng đầu khu vực, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, Hội đồng Quản trị SHB đã làm việc với các nhà tư vấn chiến lược hàng đầu trên thị trường quốc tế và đã lập 03 Ban Chỉ đạo Dự án chiến lược, gồm: Ban chỉ đạo Chiến lược phát triển Ngân hàng, Ban Chỉ đạo Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng, Ban Chỉ đạo Tái cấu trúc quản trị Ngân hàng. Các Ban Chỉ đạo đều do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng Ban, trực tiếp làm việc với các đơn vị tư vấn nhằm xây dựng định hướng chiến lược phát triển khác biệt và bền vững trong trung và dài hạn, chuyển đổi mô hình ngân hàng số toàn diện với nhiều tiện ích và sản phẩm có ứng dụng công nghệ hiện đại.

HĐQT đã chỉ đạo xây dựng 04 trụ cột làm nền tảng tổ chức thực hiện nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trên toàn hệ thống SHB trong các năm tiếp theo, đó là: "Chính sách quy trình: Đổi mới lấy thị trường, khách hàng làm trọng tâm, nâng cao năng lực cạnh tranh; Nền tảng công nghệ: Hiện đại hóa, tự động hóa, sáng tạo, tăng hàm lượng ứng dụng công nghệ tạo sự tiện ích cho khách hàng và nâng cao hiệu quả; Nhân sự: Quản trị nhân sự, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản lý kinh doanh, khen thưởng, kỷ luật, kỷ cương, năng suất lao động; Quản trị rủi ro: Quản trị nợ, giảm tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu, quản trị rủi ro hoạt động".

Thông qua các cuộc họp trong năm 2020, HĐQT ban hành 38 nghị quyết liên quan đến hoạt động cơ cấu mạng lưới, tổ chức bộ máy, nhân sự, cấp tín dụng,...

Các Nghị quyết được ban hành của Hội đồng quản trị năm 2020

STT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	9/1/2020	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2017, 2018 bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu, quyền ứng cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
2	02/NQ-HĐQT	30/1/2020	Thông qua phương án mua lại trái phiếu SHB phát hành cho SCB
3	03/NQ-HĐQT	21/2/2020	Ký kết hợp đồng sửa đổi và lập lại với Ngân hàng Commerzbank AG và phê duyệt Phương án vay vốn và sử dụng vốn vay
4	04/NQ-HĐQT	21/2/2020	Lập danh sách cổ đông và tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
5	05/NQ-HĐQT	21/2/2020	Thay đổi nhân sự HĐQT và BKS của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2016-2021
6	06/NQ-HĐQT	2/3/2020	Thông qua việc L/C cho doanh nghiệp
7	07/NQ-HĐQT	13/3/2020	Xác định loại chứng khoán lưu ký
8	08/NQ-HĐQT	18/3/2020	Thông nhất giới thiệu nhân sự để bầu bổ sung thành viên của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
9	09/NQ-HĐQT	18/3/2020	Thay đổi đơn vị quản lý các phòng giao dịch trực thuộc SHB Hà Nội sang thực thuộc các chi nhánh khác
10	10/NQ-HĐQT	20/3/2020	Xử lý cổ phiếu không phát hành hết và gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu của đợt phát hành CP ra công chúng
11	11/NQ-HĐQT	9/4/2020	Thông nhất giảm thù lao của thành viên HĐQT do ảnh hưởng của dịch Covid 19
12	11.1/NQ-HĐQT	14/4/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu lần 1 năm 2020 của SHB
13	12/NQ-HĐQT	16/4/2020	Hủy DS cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 lập ngày 16/3/2020 và phê duyệt lại ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2020
14	13/NQ-HĐQT	16/4/2020	Xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không phát hành hết của đợt phát hành CP ra công chúng
15	14/NQ-HĐQT	12/5/2020	Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 28
16	15/NQ-HĐQT	27/5/2020	Xác định loại chứng khoán lưu ký
17	16/NQ-HĐQT	29/5/2020	Thông nhất giảm thù lao tháng 5/2020 của thành viên HĐQT do ảnh hưởng của dịch Covid 19
18	17/NQ-HĐQT	12/6/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu lần 2 năm 2020 của SHB
19	18/NQ-HĐQT	17/7/2020	Áp dụng thù lao đối với bà Lê Thanh Cẩm – Thành viên BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022
20	19/NQ-HĐQT	17/7/2020	Phân công nhiệm vụ đối với thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022
21	20/NQ-HĐQT	17/7/2020	Áp dụng thù lao đối với bà Nguyễn Thị Hoạt – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022
22	21/NQ-HĐQT	31/8/2020	Thông qua thay đổi điều kiện cấp tín dụng cho doanh nghiệp
23	22/NQ-HĐQT	31/8/2020	Thông qua việc mở L/C cho doanh nghiệp
24	22.1/NQ-HĐQT	1/9/2020	Thay đổi nhân sự Hội đồng thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2016-2021
25	23/NQ-HĐQT	4/9/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu lần 3 năm 2020 của SHB

26	24/NQ-HĐQT	6/9/2020	Hủy niêm yết tại HNX và niêm yết tại HOSE
27	25/NQ-HĐQT	17/9/2020	SHB tham gia hỗ trợ , xử lý Quỹ tín dụng nhân dân Phường Thọ Xương, tỉnh Bắc Giang
28	26/NQ-HĐQT	21/9/2020	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu Công ty chứng khoán
29	27/NQ-HĐQT	25/9/2020	Thông qua việc bảo lãnh dự thầu cho doanh nghiệp
30	28/NQ-HĐQT	29/9/2020	Thông qua việc mở L/C cho doanh nghiệp
31	29/NQ-HĐQT	6/10/2020	Thông qua việc cấp bảo lãnh dự thầu cho doanh nghiệp
32	30/NQ-HĐQT	16/10/2020	Thông qua việc thay đổi điều kiện cấp tín dụng cho doanh nghiệp
33	31/NQ-HĐQT	14/12/2020	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần do SHB nắm giữ tịa doanh nghiệp
34	32/NQ-HĐQT	15/12/2020	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho doanh nghiệp
35	33/NQ-HĐQT	15/12/2020	Thông qua việc cấp bảo lãnh dự thầu cho doanh nghiệp
36	34/NQ-HĐQT	16/12/2020	Thông qua việc mua lại trái phiếu TP/SHB2015-10Y HDQT trước hạn
37	35/NQ-HĐQT	21/12/2020	Thông qua việc thoái vốn của SHB tại Công ty CP giấy Thành Đạt
38	36/NQ-HĐQT	30/12/2020	Thông qua việc mở L/C cho doanh nghiệp

5.1.4. Hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không tham gia điều hành

- Thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT và vai trò của Thành viên HĐQT độc lập theo quy định, Thành viên HĐQT độc lập được phân công và đảm nhiệm những chức năng nhiệm vụ sau:

- + Quản trị, giám sát Khối Quản trị rủi ro và là Chủ tịch UBQLRR;
- + Quản trị, giám sát Khối Ngân hàng đầu tư trong 6 tháng đầu năm và từ 6/2020 thực hiện quản trị, giám sát công tác hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và chuyển đổi số, xây dựng ngân hàng số;
- + Thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Thành viên HĐQT với tư cách thành viên độc lập.

- Theo định hướng hoạt động kinh doanh của SHB, trong năm 2020, Thành viên HĐQT độc lập đã có các hoạt động quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro và triển khai chiến lược phát triển CNTT của SHB. Các hoạt động cụ thể chủ yếu đã thực hiện trong năm 2020:

- + Chỉ đạo, hỗ trợ UBQLRR, Khối QTRR xây dựng, xác định định hướng, mục tiêu công tác quản trị rủi ro theo chiến lược kinh doanh của SHB. Từ đó, xây dựng kế hoạch hành động để đạt mục tiêu trong 2020. Kết quả, trong năm đã hoàn thành đúng kế hoạch tính toán quản lý và báo cáo CAR theo Thông tư 41; hoàn thiện hệ thống Chính sách QTRR, cơ cấu tổ chức hệ thống KSNB theo 3 tuyến bảo vệ độc lập; thực hiện và báo cáo ICAAP tuân thủ Thông tư 13 trước thời hạn. Qua đó, SHB đã chính thức trở thành một trong các ngân hàng đầu tiên hoàn thành đầy đủ 3 trụ cột theo tiêu chuẩn Basel II trong năm 2020;
- + Chỉ đạo, tổ chức triển khai hoạt động chung của UBQLRR và thực hiện các kiến nghị của Thanh tra NHNN. Trong năm, Thành viên Thành viên HĐQT độc lập đã chỉ đạo UBQLRR xây dựng kế hoạch hành động 2020-2021 để xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để đạt được mục tiêu chung gắn kết với chiến lược phát triển của SHB. Qua đó nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động và đảm bảo UBQLRR hoạt động đúng Quy chế của SHB, tuân thủ các quy định của NHNN và pháp luật, đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý rủi ro theo Basel II;
- + Chỉ đạo việc triển khai và giám sát, rà soát đánh giá lại hệ thống văn bản chính, sách sản phẩm, đối với KHCN, KHDN và tác động rủi ro của COVID-19 đối với hoạt động của SHB; Đặc biệt đã sớm chỉ đạo Khối QTRR triển khai xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục BCP trên toàn hệ thống ứng phó với tình huống dịch bệnh. SHB đã đảm bảo duy trì hoạt động liên tục trên toàn hệ thống trong tình hình dịch bệnh COVID-19.
- + Định kỳ hàng Quý có báo cáo hoạt động đánh giá các trạng thái rủi ro, các vấn đề về công tác QTRR của SHB và có các đề xuất kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHB trên cơ sở đảm bảo an toàn, tuân thủ;
- + Phối hợp với Trưởng Ban kiểm soát kiến nghị, yêu cầu chỉ đạo triển khai việc thực hiện các kiến nghị của Thanh tra NHNN;
- + Chỉ đạo, định hướng Khối Ngân hàng Đầu tư xây dựng năng lực cốt lõi, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy và xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh theo đề án được HĐQT phê duyệt. Trực tiếp hỗ trợ Khối Ngân hàng Đầu tư trong tuyển dụng nhân sự, tiếp cận các nguồn vốn quốc tế, các khách hàng tiềm năng. Qua đó Khối Ngân hàng Đầu tư tuy mới thành lập nhưng đã bước đầu đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, hoàn thành cơ bản các kế hoạch kinh doanh trong năm;
- + Chỉ đạo Khối CNTT cùng với cố vấn HĐQT xác định đánh giá hiện trạng CNTT của SHB, từ đó xác định các ưu tiên trước mắt để đảm bảo hành ổn định, phát huy tối đa hiệu suất hiện có của hệ thống;

+ Đánh giá hiện trạng, phân tích chênh lệch với kế hoạch tổng thể về CNTT (IT master plan) của tư vấn Ernst & Young để xây dựng chiến lược hiện đại hóa CNTT, chiến lược chuyển đổi số và xây dựng Ngân hàng số. Căn cứ chiến lược, cũng đã xây dựng kế hoạch tổng thể, lộ trình triển khai để tổ chức thực hiện. Việc hiện đại hóa công nghệ, số hóa là bước đi tất yếu và quan trọng để SHB nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh cũng như công tác quản trị điều hành. Các dự án trọng tâm đã được xác định gồm nâng cấp hệ thống core banking, triển khai phát triển hệ thống CRM... Đồng thời, trong năm cũng đã triển khai và đưa vào sử dụng gần 20 ứng dụng phần mềm mới hỗ trợ công tác phát triển kinh doanh và quản lý điều hành;

+ Chỉ đạo và định hướng hoàn thiện lại hệ thống cơ cấu tổ chức Khối CNTT để đáp ứng yêu cầu hoạt động mới và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực từ nhân sự để trang thiết bị hạ tầng. Trực tiếp hỗ trợ tuyển dụng các nhân sự cấp cao của Khối CNTT nhanh chóng bắt nhịp đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và xây dựng, tổ chức triển khai chiến lược phát triển CNTT;

+ Tham gia đầy đủ các phiên họp và có ý kiến độc lập về các nội dung thảo luận, nghị quyết của HĐQT trực tiếp hoặc qua phiếu lấy ý kiến.

5.1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hiện tại SHB có các Ủy ban và các Ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban An ninh Nội bộ và Ban nghiên cứu phát triển với vai trò tham mưu, giúp việc cho HĐQT. Việc thành lập các Ủy ban/ Ban đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và pháp luật. Các Ủy ban/ Ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng đơn vị do HĐQT ban hành.

Các Ủy ban/Ban trực thuộc HĐQT đã phát huy năng lực của mình để tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng, cụ thể:

(i) Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự; xây dựng, thực hiện chính sách nhân sự, tiền lương, thưởng, thù lao, tổ chức bộ máy, khen thưởng kỷ luật

Ủy ban Nhân sự gồm 6 thành viên, trong đó, chủ nhiệm ủy ban là Ông Đỗ Quang Hiến, Chủ tịch HĐQT. Trong năm 2020, Ủy ban Nhân sự đã xác định mục tiêu, kế hoạch nhằm phát triển và nâng cao vai trò, hoạt động với các nhiệm vụ cụ thể:

- + Tham mưu HĐQT xem xét, phê duyệt để định hướng Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn liên quan đến công tác nhân sự nhằm triển khai nội dung liên quan đến công tác nhân sự trong chiến lược phát triển;
- + Tham mưu, giúp việc HĐQT trong công tác nhân sự theo chiến lược phát triển của Ngân hàng trên cơ sở xác định mục tiêu chung của ngân hàng trong từng giai đoạn, thời kỳ:
 - Tham mưu HĐQT xem xét phê duyệt, quyết định triển khai các nội dung, công tác nhân sự trong chiến lược phát triển đã được xác định để TGD chỉ đạo các Đơn vị có liên quan triển khai thực hiện;
 - Thông qua hoạt động giám sát, giúp việc HĐQT đôn đốc, kiểm tra, đánh giá các nội dung nêu trên.
- + Tham mưu, giúp việc HĐQT để xem xét việc điều chỉnh, bổ sung, làm mới, thay đổi thứ tự ưu tiên các nội dung nhân sự trong chiến lược phát triển của Ngân hàng phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở mục tiêu chung của Ngân hàng trong từng giai đoạn, thời kỳ;

- + Tham mưu cho HĐQT về số lượng, quy mô và cơ cấu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của SHB;
- + Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự (thẩm định, điều kiện, tiêu chuẩn hồ sơ những người quy hoạch, bổ nhiệm, ứng cử, đề cử) phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và của SHB;
- + Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT đối với các đề xuất để ban hành các quy định nội bộ của SHB trong thẩm quyền của HĐQT;
- + Thẩm định, đánh giá các đề xuất và cơ chế, chính sách, đề xuất cụ thể đối với các hoạt động quản trị và phát triển nguồn nhân lực;
- + Tham mưu, đề xuất HĐQT xem xét, phê duyệt phương pháp và nguyên tắc thực hiện cơ chế lương thưởng và mức lương, thưởng, chế độ đãi ngộ, quan hệ lao động theo quy định của pháp luật đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành;
- + Tham mưu, đề xuất HĐQT phê duyệt định biên lao động trên toàn hệ thống;
- + Tham mưu, giúp việc HĐQT trong việc xây dựng, phê duyệt chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo hàng năm.
- + Thông qua hoạt động giám sát phát hiện những bất cập, những vấn đề phát sinh chưa được quy định sẽ ghi nhận, tập hợp tham mưu trình HĐQT xem xét, phê duyệt để TGD chỉ đạo Đơn vị có liên quan xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa để ngăn chặn rủi ro và áp dụng các trường hợp tương tự.
- + Phân tích, dự báo, cảnh báo rủi ro, kiểm soát tuân thủ các quy định về phát triển nguồn nhân lực và công tác nhân sự.

(ii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban QLRR có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng hệ thống QTRR và ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến công tác quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SHB.

Ủy ban QLRR gồm 05 thành viên do Thành viên HĐQT độc lập làm Chủ tịch Ủy ban. Trong năm 2020 Ủy ban QLRR đã xác định mục tiêu và kế hoạch đáp ứng yêu cầu tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống QTRR hiện đại, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu, quy định của NHNN theo chuẩn Basel II, giảm thiểu các rủi ro trọng yếu và hỗ trợ hoạt động & kinh doanh của SHB theo hướng tăng trưởng có lợi nhuận, an toàn bền vững. Ngoài các cuộc họp mang tính nghiệp vụ thường xuyên hàng tuần, hàng tháng, trong năm, Ủy ban QLRR đã thực hiện 04 cuộc họp theo quy chế tổ chức hoạt động:

TT	Ngày	Nội dung và kết quả
1	21/02/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR quý IV.2019
2	28/04/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR Quý I.2020
3	04/08/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR Quý II.2020
4	31/10/2020	Phiên họp về BC rủi ro và thông qua nghị quyết của UBQLRR Quý III.2020

Thông qua các cuộc họp bằng các báo cáo, kiến nghị và các nghị quyết, Ủy ban QLRR đã tham mưu cho HĐQT và phối hợp với Ban điều hành, Khối QTRR, Ban dự án Basel II triển khai kế hoạch hành động 2020 đạt được những kết quả quan trọng như sau:

- + Xây dựng và ban hành đầy đủ các chính sách về QTRR theo yêu cầu của NHNN đáp ứng thực tế hoạt động của SHB; Ban hành lại các quy định về các hạn mức rủi ro, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của SHB theo TT 22/2019/TT-NHNN của NHNN (hiệu lực từ 01/01/2020) thay thế TT 36 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của NHTM và Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- + Hoàn thành thực hiện tính CAR và báo cáo CAR theo TT41 từ 01/2020;
- + Xây dựng hệ thống KSNB của SHB đáp ứng yêu cầu Thông tư 13: Điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức của Khối QTRR bổ sung và đưa vào vận hành đầy đủ các chức năng quản lý rủi ro đảm bảo hệ thống KSNB được tổ chức theo 3 tuyến bảo vệ độc lập;
- + Triển khai và báo cáo ICAAP theo Thông tư 13 trước thời hạn, đưa SHB trở thành các ngân hàng đầu tiên hoàn thành đầy đủ 3 trụ cột theo tiêu chuẩn Basel II, tuân thủ các yêu cầu quy định tại TT13 và TT41 của NHNN trong năm 2020;
- + Có các đề xuất kiến nghị và báo cáo kịp thời để ứng phó với tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát. Chỉ đạo triển khai kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục trên toàn hệ thống ứng phó với tình huống dịch bệnh và điều chỉnh chính sách tín dụng, chính sách lãi suất theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Đảm bảo hoạt động của SHB được duy trì liên tục, không phát sinh các trường hợp phải ngừng giao dịch;
- + Giám sát việc điều chỉnh lại hệ thống thu hồi xử lý nợ thành lập Khối Quản lý nợ và Xử lý nợ có vấn đề và Ban Kiểm soát nội bộ và Giám sát tuân thủ, đảm bảo tổ chức và thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng yêu cầu của HĐQT đã phê duyệt;
- + Giám sát và đánh giá các báo cáo rủi ro định kỳ của Ban điều hành và đưa ra các cảnh báo, kiến nghị, đề xuất thông qua các báo cáo, các nghị quyết của UBQLRR trong đó đặc biệt lưu ý các giải pháp biện pháp nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo quản lý tập trung thông tin và ghi nhận đúng đủ và kịp thời thông tin nợ xấu và tăng hiệu quả xử lý nợ có vấn đề. Đề xuất và rà soát việc triển khai mô hình tổ chức bộ máy, mô hình và giải pháp quản lý nợ có vấn đề theo hướng hệ thống hóa và chuyên nghiệp hóa.

Thực hiện xong trước thời hạn các kiến nghị của Thanh tra NHNN đối với hoạt động của UBQLRR, đảm bảo UBQLRR tổ chức hoạt động đúng quy định và yêu cầu của công tác QTRR.

(iii) Ban An Ninh nội bộ (ANNB)

Ban An ninh nội bộ là đơn vị trực thuộc HĐQT, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch HĐQT/ HĐQT về công tác đảm bảo các hoạt động an ninh, an toàn trên toàn hệ thống SHB và các đơn vị thành viên.

- + Ban ANNB có 04 thành viên. Trong năm 2020, Ban ANNB đã nghiên cứu, đề xuất xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng bao gồm:
- + Xây dựng và triển khai các biện pháp chiến lược, kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn nội bộ, an ninh thông tin tại SHB;
- + Phối hợp với các bộ phận liên quan kiểm tra, giám sát việc tuân thủ chính sách, pháp luật, xây dựng các quy chế, quy định, quy trình...nhằm hạn chế rủi ro, tổn thất cho SHB;
- + Tổ chức xác minh, tham mưu với Chủ tịch HĐQT trong quá trình lựa chọn nhân sự;

- + Tổ chức điều tra, xác minh các sai phạm của các tổ chức và cá nhân vi phạm các hoạt động nghiệp vụ;
- + Triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh hệ thống, cơ sở vật chất của SHB;
- + Xây dựng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các sai phạm trong công tác quản lý;

Tham gia ngăn chặn, giải quyết các vấn đề gây mất trật tự an ninh tại Ngân hàng do các cá nhân/ tổ chức thực hiện gây ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh SHB.

(iv) Ban Nghiên cứu Phát triển

Ban Nghiên cứu Phát triển là đơn vị trực thuộc HĐQT nhằm thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực sau:

Nghiên cứu xu hướng phát triển của các ngân hàng thế giới và trong nước, xu hướng nhu cầu dịch vụ tài chính ngân hàng của khách hàng trong nước và quốc tế trung và dài hạn;

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách, kế hoạch, chiến lược phát triển định hướng SHB vượt qua các đối thủ cạnh tranh và đạt mục tiêu do HĐQT đề ra;

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách, kế hoạch, chiến lược định hướng SHB chuyên nghiệp, đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế;

Nghiên cứu chiến lược phát triển tổ chức thông qua việc nghiên cứu các mô hình tổ chức của Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng tại Việt Nam và trên thế giới, từ đó đề xuất, tham mưu cấp thẩm quyền để áp dụng phù hợp và tốt nhất cho SHB.

Tổ chức triển khai các nghiên cứu chiến lược và kế hoạch/chính sách vào thực tế hệ thống nhằm vận hành SHB theo đúng chiến lược đã được HĐQT phê duyệt.

5.1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Từ năm 2018 đến năm 2020, 33 cán bộ Lãnh đạo và Quản lý cấp cao của SHB đã tham gia các khóa đào tạo và đạt chứng chỉ về Quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp theo quy định; bao gồm các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc các đơn vị quản lý tại TSC và Chánh Văn phòng HĐQT, Chánh Văn phòng TGD, Trợ lý HĐQT, Thư ký....

5.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; thực hiện việc kiểm toán nội bộ các hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của SHB

5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng Ban	0,007%
2	Bà Lê Thanh Cẩm	Thành viên chuyên trách	-
3	Bà Phạm Thị Bích Hồng	Thành viên không chuyên trách	-

Tóm tắt lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát, tham khảo trang 17

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của BKS SHB trong năm 2020 đã bám sát các quyền hạn và nhiệm vụ của BKS theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của SHB, theo kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS đề ra trong năm và từng thời kỳ; thực hiện các công tác khác theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc SHB.

Thông qua các cuộc họp với 100% thành viên tham dự trong năm 2020, hoạt động của BKS đã được thông qua với những nội dung như sau:

Họp BKS ngày 13/01/2020: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý IV-2019; đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý I-2020.

Họp BKS ngày 29/4/2020: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý I-2020; đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý II-2020.

Họp BKS ngày 16/6/2020: Triển khai công tác bàn giao giữa các thành viên BKS; phân công lại nhiệm vụ cho thành viên BKS và triển khai các công việc của BKS sau khi cơ cấu lại - Nhiệm kỳ 2017-2022.

Họp BKS ngày 21/7/2020: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý II-2020; đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý III-2020.

Họp BKS ngày 01/10/2020: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý III-2020; đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý IV-2020.

Trên tinh thần thống nhất nội dung trong các cuộc họp, BKS đã hoàn thành kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ công tác đề ra trong năm 2020 và trong từng Quý. Cụ thể các hoạt động chính đã hoàn thành tốt như sau:

1) Thực hiện công tác giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc SHB theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

2) Ban hành các quy định nội bộ của BKS và Kiểm toán nội bộ (KTNB) trong kỳ bảo đảm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Điều lệ sửa đổi bổ sung và các quy định nội bộ khác của SHB; Quy chế tổ chức hoạt động của BKS (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ 28) ban hành kèm Quyết định số 48/2020/

QĐ-BKS ngày 22/6/2020 của BKS; Cơ chế làm việc và phân công nhiệm vụ của BKS (sửa đổi, bổ sung) số 49/2020/CC-BKS ngày 22/6/2020 của BKS Quy định hoạt động giám sát sau kiểm toán nội bộ tại SHB ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-BKS ngày 07/4/2020 của BKS.

3) Đảm bảo thực hiện tốt chức năng KTNB của BKS:

- Thông qua việc chỉ đạo hoạt động của Khối KTNB bằng các cuộc kiểm tra, kiểm toán theo kế hoạch và đột xuất, công tác KTNB của BKS đã được thực hiện một cách độc lập, thường xuyên, toàn diện các hoạt động tại từng đơn vị SHB.

- BKS cũng đã chỉ đạo Khối KTNB thực hiện công tác giám sát từ xa đối với hoạt động của các đơn vị SHB theo quy định tại Quy trình KTNB cũng như giám sát các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của NHNN; ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng các phương pháp, kỹ thuật, công cụ giám sát.

- Thực hiện theo dõi giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các tồn tại được phát hiện qua quá trình kiểm toán; chỉ đạo Khối KTNB tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo triển khai thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của NHNN và nội bộ SHB bảo đảm đầy đủ và đúng thời hạn.

- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên KTNB để đảm bảo hoạt động của KTNB đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

- Tham gia Dự án triển khai giải pháp phần mềm quản lý KTNB: Trưởng BKS tham gia Ban chỉ đạo Dự án với vai trò Trưởng Ban, thành viên BKS tham gia Ban điều hành Dự án với vai trò Giám sát Dự án.

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của KTNB theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ khác của SHB và của pháp luật có liên quan.

4) Đảm bảo chính xác công tác thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của SHB.

5) Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB.

6) Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện vi phạm của người quản lý ngân hàng.

7) Cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, các cổ đông tổ chức và các cổ đông cá nhân khác của SHB tham gia góp vốn cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

8) Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra NHNN khi có các đơn vị này vào làm việc tại SHB.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Năm 2020, chi thù lao HĐQT và BKS là 29,3 tỷ đồng.

- Chi lương Ban TGD năm 2020 là 40,2 tỷ đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật.

TÂM SÁNG
VƯỜN XA



“ Trong những năm tiếp theo, SHB sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực mạnh mẽ vào những dự án công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như thúc đẩy hiệu quả phân khúc khách hàng mục tiêu, chính thức mở ra một giai đoạn mới nhiều triển vọng khi nhiệm vụ trọng tâm chỉ còn là phát triển và tăng trưởng.” ”



SHB NÂNG TẦM VỊ THẾ, MỞ RỘNG CƠ HỘI HỢP TÁC ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Nhiều năm qua, vị thế, tầm vóc của SHB được khẳng định, định vị ở tầm cao mới khi luôn được tháp tùng các lãnh đạo đứng đầu Đảng, Chính phủ, đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp tham gia các chương trình tọa đàm về đầu tư hợp tác song phương giữa Việt Nam với các nước. Đặc biệt trong đó là những cuộc tiếp xúc với các đối tác kinh tế hàng đầu tại Hoa Kỳ, Pháp, Nga, Hà Lan, Thụy Sĩ, Bỉ, Đức, Úc, Nhật ... và nhiều thỏa thuận hợp tác giữa SHB và các tập đoàn kinh tế đã được ký kết thành công tại đây.

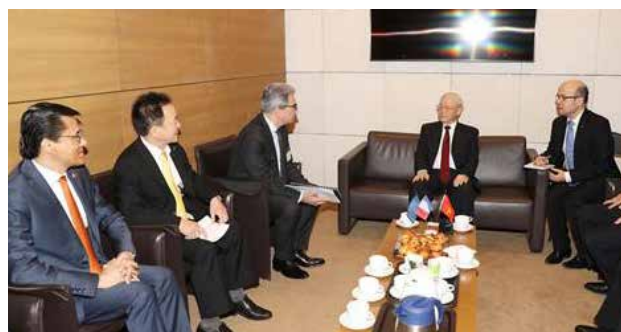
Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng tầm vị thế, hình ảnh cho Quốc gia, cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam mà còn mở ra những cơ hội hợp tác, chiến lược kinh doanh mới cho các doanh nghiệp nói chung và SHB nói riêng.



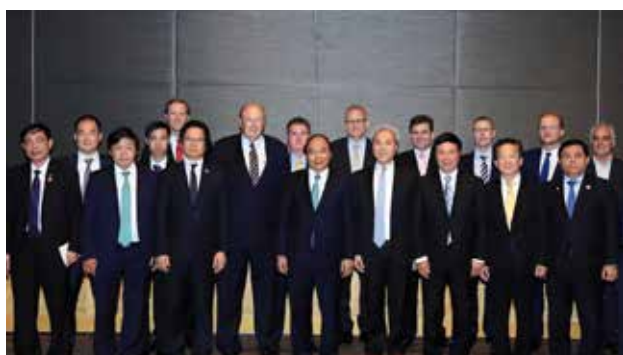
Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Pháp Emmanuel Macron chứng kiến Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiển và ông Jean Philippe TRIN – Chủ tịch HĐQT công ty Bouygues Travaux Publics (thuộc Tập đoàn Bouygues) ký biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư dự án đường sắt đô thị số 3



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chứng kiến lễ ký biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư giữa Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiển và Tập đoàn Bouygues của Pháp về dự án nâng cấp mở rộng Sân vận động Hàng Đẫy



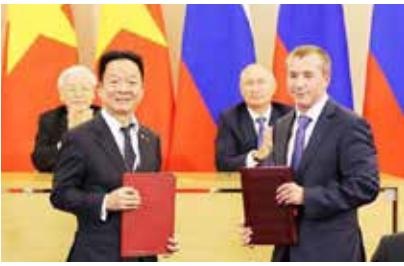
Tại trụ sở của Hiệp hội Giới chủ Pháp MEDEF, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã tiếp xúc, làm việc riêng với Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiển và một số lãnh đạo của Tập đoàn Bouygues



Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiển chụp ảnh lưu niệm cùng Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (nay là Chủ tịch nước) và các doanh nghiệp hàng đầu của Australia



Trong chuyến thăm tới New Zealand và Australia, Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiển đã tham dự nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư, gặp gỡ, trao đổi với nhiều đối tác nước ngoài nhằm tìm kiếm các cơ hội hợp tác trên nhiều lĩnh vực cho cả SHB, T&T Group.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin chứng kiến lễ trao biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư giữa ông Đỗ Quang Hiển – Chủ tịch HĐQT SHB và ông Denis Ivanov – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng IBEC.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin chứng kiến lễ trao biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư giữa ông Đỗ Quang Hiển – Chủ tịch HĐQT SHB và ông Nikolay Kosov – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng IIB.



Chủ tịch HĐQT SHB Đỗ Quang Hiển vinh dự được chụp ảnh lưu niệm cùng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam khi đến dâng hoa tại tượng đài Bác Hồ ở thủ đô Mat-xcơ-va.



Chủ tịch HĐQT SHB Đỗ Quang Hiển vinh dự được cùng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và các đại biểu trồng cây lưu niệm trong khuôn viên Quảng trường Hồ Chí Minh.



Tháng 2/2012, SHB chính thức khai trương chi nhánh tại Campuchia với tổng mức đầu tư đến 37 triệu USD.



Tháng 8/2012, SHB khai trương chi nhánh ngân hàng tại Lào với số vốn đăng ký ban đầu 13 triệu USD.



Tháng 7/2014, SHB và CLB Manchester City ký kết hợp tác chiến lược phát triển đồng thương hiệu, đánh dấu bước tiến mới trong quan hệ hợp tác giữa một thương hiệu Ngân hàng hàng đầu Việt Nam với một đội bóng truyền thống và năng động được yêu thích trên toàn thế giới.



Tháng 3/2016, SHB và CLB bóng đá lừng danh Barcelona chính thức ký kết hợp tác chiến lược phát triển đồng thương hiệu



Tháng 12/2019, SHB đã ký kết hợp tác chiến lược với Amazon Global Selling Việt Nam, trở thành đối tác tài chính ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam của Amazon, “cánh tay nối dài” của doanh nghiệp Việt vươn ra biển lớn.



Ủy viên Bộ chính trị – Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Bộ chính trị – Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cùng các Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo bộ ban ngành Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tỉnh Nghệ An chụp ảnh lưu niệm cùng Chủ tịch HĐQT SHB Đỗ Quang Hiển và lãnh đạo các Tập đoàn, doanh nghiệp lớn tại “Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2018” diễn ra tại Nghệ An.

6. Các sự kiện hoạt động bứt phá năm 2020

Chuyển đổi số mạnh mẽ, tiến tới hiện đại hóa ngân hàng với hàng loạt các dự án công nghệ được đồng loạt triển khai

Khởi đầu lộ trình chuyển đổi số, SHB chính thức khởi động dự án CRM, khởi đầu cho bước phát triển quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu SHB sẽ trở thành ngân hàng số bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông lần thứ 28

SHB đã thống nhất thông qua tất cả các nội dung quan trọng trong đó xác định mục tiêu đạt Top 03 ngân hàng cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng công nghệ số, phát huy hệ sinh thái khách hàng và chuỗi giá trị mà SHB đang có thể mạnh...

Sức khỏe tài chính tăng trưởng bền vững, hoàn thành các trụ cột Basel II

SHB phát hành thành công hơn 500 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ lên 17.510 tỷ đồng. Đây là nền tảng để ngân hàng hoàn tất toàn bộ các trụ cột của Basel II trong năm 2020. Qua đó giúp SHB khẳng định và nâng cao uy tín với cộng đồng đầu tư trong nước và nước ngoài cũng như các tổ chức đánh giá tín nhiệm quốc tế.

SHB đầu tư vốn đẩy mạnh phát triển kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long:

Với tinh thần chia sẻ khó khăn cùng người dân, doanh nghiệp vùng đồng bằng Sông Cửu Long, SHB luôn sẵn sàng cung ứng các giải pháp tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp phục vụ sản xuất, tiêu thụ lúa gạo – một trong những ngành đóng vai trò chủ đạo trong kinh tế vùng.



Nhân hàng có nhiều nỗ lực tích cực đồng hành cùng các Doanh nghiệp vừa và nhỏ trong năm 2020; được các tổ chức uy tín ghi nhận

SHB và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME) đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp Hội viên của VINASME nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn vay có hiệu quả.

SHB phối hợp cùng Amazon Global Selling tổ chức thành công buổi đào tạo dành riêng cho các cá nhân, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các khách hàng tiếp cận với nền tảng thương mại điện tử hiện đại, mở ra cơ hội phát triển thương hiệu, đưa sản phẩm Việt Nam đến với hơn 300 triệu tài khoản người tiêu dùng thế giới.

SHB đưa nguồn vốn giá rẻ đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa qua lễ ký Hợp đồng khung cho vay gián tiếp giữa Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) và SHB, hỗ trợ cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Đồng hành cùng Năm chủ tịch ASEAN, hỗ trợ UBCP tổ chức thành công hội nghị 36, 37



Đồng hành cùng cơ quan Nhà nước trong việc góp phần thúc đẩy Chính phủ điện tử, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Kí kết hợp tác với kho Bạc nhà nước phối hợp thu ngân sách nhà nước và thanh toán song phương (3 miễn)

Đồng hành hỗ trợ cùng khách hàng và chủ động thích ứng trong mùa dịch Covid

Gói 25.000 tỷ trên phạm vi cả nước, Gói 2.500 tỷ dành riêng cho Đà Nẵng, Quảng Nam, giảm lãi suất cho vay và phí giao dịch, cùng hàng loạt giải pháp đồng bộ khác...

Đồng hành cùng hoạt động an sinh xã hội cả nước, hướng tới cộng đồng

Gia tăng trải nghiệm dành cho khách hàng cao cấp với SHB First Club Nội Bài

Năm 2020, khai trương SHB First Club Nội Bài – phòng chờ mạ vàng 24k đầu tiên tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài với nhiều tiện ích vượt trội, SHB khẳng định cam kết không ngừng mang lại dịch vụ cao cấp và những trải nghiệm xứng tầm dành cho khách hàng.



7. Thành tích và sự công nhận của xã hội

Trong suốt chặng đường 27 năm phát triển, SHB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư. Sự thành công và uy tín của SHB được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, nhiều giải thưởng danh giá của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế

Danh hiệu tiêu biểu do Nhà nước trao tặng:

Huân chương lao động Hạng Nhì (Lần thứ 2), Huân chương lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng

Huân chương lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước trao tặng Chủ tịch HĐQT ngân hàng SHB.

Huân chương lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng Tổng Giám Đốc ngân hàng SHB.

Huân chương lao động hàng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng SHB.

Cờ thi đua và Bằng khen của UBND TP Hà Nội trao tặng tập thể SHB.

Danh hiệu “Công dân thủ đô ưu tú” do UBND TP Hà Nội trao tặng Chủ tịch HĐQT ngân hàng SHB.

Cúp Thăng Long của UBND Thành phố Hà Nội vinh danh SHB

Nhiều bằng khen, cờ thi đua khác của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố có trụ sở SHB; ...





Giải thưởng trong nước tiêu biểu do các Ban/ngành/tổ chức trao tặng/bình chọn:

Top 10 Ngân hàng Việt Nam uy tín nhất 5 năm liên tiếp do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) bình chọn.

Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam do CTCP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) vinh danh.

Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu về Tín Dụng Xanh” và “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa” do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) phối hợp với Tập đoàn Dữ liệu quốc tế (IDG) bình chọn.

Top 10 Doanh nghiệp vốn hóa lớn có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất.

Top 1 “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích nhất” do tính sáng tạo và chất lượng dịch vụ của sản phẩm ngân hàng “Tiết kiệm Online linh hoạt”.



Giải thưởng quốc tế tiêu biểu do các Quốc gia/Tập đoàn/tổ chức/tạp chí danh tiếng trao tặng/bình chọn:

**THE ASIAN BANKER[®]
VIETNAM COUNTRY AWARDS**

- Top 500 Ngân hàng mạnh nhất châu Á do The Asian Banker bình chọn



- Ngân hàng của Năm – Bank of the Year 2020 do The Banker vinh danh.



- Ngân hàng tốt nhất dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam” (Best bank for SMEs Vietnam) do Tạp chí Asiamoney vinh danh.



- Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất 2020”, “Ngân hàng có sáng kiến hỗ trợ khách hàng tốt nhất 2020” (cho hạng mục giải thưởng ngân hàng bán buôn) và giải thưởng “Ngân hàng có sáng kiến hợp tác chiến lược tốt nhất 2020”, “Sản phẩm bancassurance sáng tạo nhất 2020” (cho hạng mục giải thưởng ngân hàng bản lẻ) do The Asian Banking and Finance vinh danh.



- Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2020 do Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh.



- “Ngân hàng có giao diện mobile banking thân thiện với người dùng” và “Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất” bởi Tạp chí Global Banking and Finance Review (GBFR) và International Finance Magazine (IFM).

**Moody's
INVESTORS SERVICE**

- Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investor Service giữ nguyên bậc và triển vọng đối với xếp hạng nhà phát hành ngoại tệ dài hạn ở mức B2, ổn định.

Và nhiều giải thưởng uy tín khác...

8. Phát triển bền vững

Với những nền tảng được đầu tư vững chắc, SHB đang hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết cho việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

8.1. Chính sách liên quan đến người lao động

SHB có nguồn nhân lực trẻ với độ tuổi bình quân dao động trong khoảng 29 – 31 tuổi, là độ tuổi giàu nhiệt huyết, đam mê cống hiến phát triển.

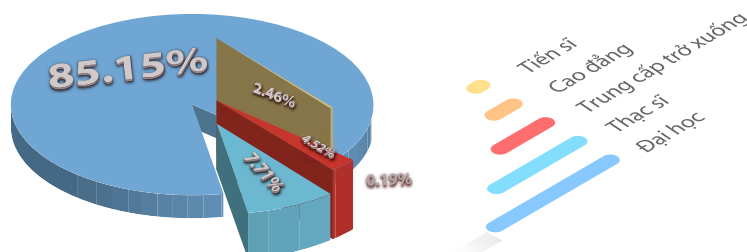
8.1.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số cán bộ nhân viên của SHB đến 31/12/2020 là 8.435 người, tăng 2,7% so với 2019. Năm 2020 mức thu nhập trung bình của người lao động SHB đạt 21,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,2% so với 2019.

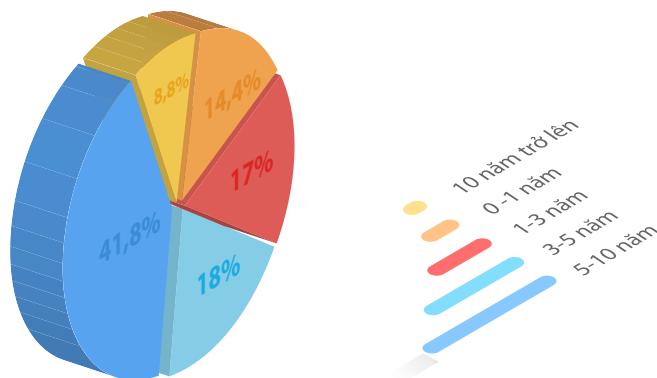
Tại SHB, cơ cấu nhân sự đang chuyển dịch theo hướng chuyên nghiệp, tối ưu hóa năng suất lao động và tăng năng lực cán bộ quản lý, chất lượng tham mưu, dịch vụ, sâu sát thực tế, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả nguồn lực, củng cố vai trò của các đơn vị Hội sở tiến tới thu hẹp khoảng cách về hiệu quả kinh doanh so với quy mô nhân sự. Do vậy, đòi hỏi tăng cường chất lượng nhân sự, đặc biệt là lực lượng lao động trẻ, nhiệt huyết, các chuyên gia, cán bộ quản lý giỏi có khả năng tiếp cận các xu hướng mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao ở các dự án, mô hình chuyển đổi góp phần đảm bảo vận hành tối ưu.

Cơ cấu nhân sự năm 2020

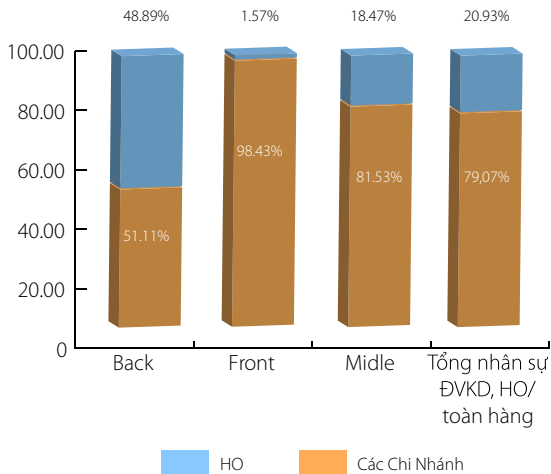
Cơ cấu nhân sự theo trình độ



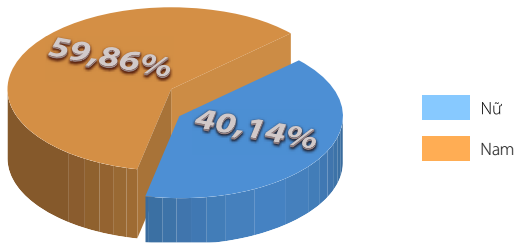
Cơ cấu nhân sự theo thâm niên



Cơ cấu nhân sự theo mảng nghiệp vụ HO với ĐVKD



Cơ cấu nhân sự theo giới tính



8.1.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Với mục tiêu xây dựng lực lượng lao động có kinh nghiệm, tâm huyết và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, năm 2020, SHB đã xác định 4 Giá trị thu hút người lao động (hay Các giá trị cốt lõi của SHB). 4 giá trị không chỉ là lợi thế cạnh tranh của SHB) trên thị trường tuyển dụng, còn là kim chỉ nam cho hoạt động phát triển nguồn nhân lực nỗ lực mỗi ngày để duy trì và phát huy các thế mạnh đó.

Giá trị 1: Phúc lợi cạnh tranh

SHB thấu hiểu và quan tâm tới đội ngũ CBNV bằng những phúc lợi thiết thực và cạnh tranh so với các ngân hàng và doanh nghiệp khác trên thị trường. Phúc lợi dành cho cán bộ nữ, cấp bậc nhân viên, lãnh đạo đều có những vượt trội, là giá trị số 1 thu hút người lao động.

Giá trị 2: Môi trường nhân văn và có trách nhiệm

Gia nhập SHB, người lao động sẽ được làm việc trong môi trường nhân văn, đề cao con người, môi trường làm việc lý tưởng để cống hiến tận tâm và phát triển sự nghiệp bền vững. SHB hiểu rằng, văn hóa từ tâm được xây dựng từ những “con người tử tế” chính là nền tảng cốt lõi và bền vững. Sau tất cả, tinh thần nhân văn của tổ chức mới là động lực lớn nhất để người lao động cống hiến và gắn bó lâu dài, vượt lên trên những giá trị về vật chất.

Giá trị 3: Ngân hàng tư nhân có tầm nhìn quốc tế

Với tầm nhìn vươn tầm khu vực và quốc tế, SHB đã và đang hợp tác với những tổ chức, thương hiệu hàng đầu thế giới như Amazon, CLB Barcelona, CLB ManCity và nhiều thương hiệu lớn khác. SHB

cũng là ngân hàng TMCP đầu tiên có văn phòng tại ASEAN. Thử thách bản thân và ghi danh với các dự án hợp tác lớn là cơ hội cho người lao động khi gia nhập SHB.

Giá trị 4: đồng hành cùng khát vọng của doanh nhân dân tộc Đỗ Quang Hiển

Phần lớn người lao động quan niệm rằng “Làm việc ở đâu không quan trọng bằng làm việc với ai?” Tại SHB, người lao động tự hào được truyền cảm hứng và đồng hành cùng khát vọng dẫn đầu của Doanh nhân Đỗ Quang Hiển tài năng trên thương trường, đầy đam mê và niềm tin trong cuộc sống.

“Đã là doanh nhân thì phải luôn có tư tưởng làm giàu. Song, không phải làm giàu bằng mọi giá, mà bằng cái tâm, sự cố gắng và phải có lòng tự tôn dân tộc” là câu nói nổi tiếng của Doanh nhân dân tộc Đỗ Quang Hiển, hiệu triệu được nhiều nhân tài trong nhiều lĩnh vực chuyên môn đồng hành cùng SHB.

• Chế độ lương và khen thưởng

“Sống nhờ lương, giàu nhờ thưởng” là phương châm SHB luôn nỗ lực thực hiện để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng.

Năm 2020, SHB đã hoàn thành xong việc điều chỉnh và xếp lại thu nhập theo chức danh cho người lao động toàn ĐVKD theo kết quả xếp hạng, bậc và vùng. Hệ thống bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) được tiếp tục hoàn thiện, hướng tới chi trả thu nhập hàng tháng công bằng, chính xác theo năng lực cống hiến của người lao động và chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận nghiệp vụ. Chính sách tiền lương được gắn với kết quả đánh giá thực hiện công việc định kỳ, tạo động lực làm việc, thúc đẩy CBNV hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra.

Với hệ thống KPIs cụ thể, thu nhập cao hay thấp là do chính người lao động quyết định. Việc nâng bậc lương định kỳ hàng năm được đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch, thể hiện được chính sách phát triển của SHB.

Chế độ thưởng được thực hiện đầy đủ với tất cả cán bộ, nhân viên vào các dịp lễ, tết của quốc gia và kỷ niệm ngày thành lập ngân hàng. Đặc biệt, chính sách thi đua khen thưởng phạm vi từng đơn vị, chi nhánh, khu vực và toàn hàng được cập nhật, đổi mới hằng năm là hoạt động thường kỳ được cán bộ nhân viên chờ đợi, phấn đấu làm việc và trân trọng ghi nhận như Bằng khen/Giấy khen hàng quý/năm do Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trao tặng và các chuyến du lịch nước ngoài (Châu Âu, Châu Á, ...) nhằm động viên, khuyến khích kịp thời cho tập thể/cá nhân người lao động có sáng kiến mới, vượt chỉ tiêu kế hoạch, đạt thành tích xuất sắc...

• Chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, an toàn và phúc lợi

Hiện nay, sự khác biệt giữa SHB và các ngân hàng khác là SHB đang chi trả thay người lao động các khoản trích nộp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và công đoàn phí. Đây là một trong những chính sách nổi bật, không chỉ giúp đảm bảo và cải thiện thu nhập cho người lao động mà còn là một trong những chính sách để thu hút nhân sự về làm việc tại ngân hàng.

Chế độ chăm sóc sức khỏe cho người lao động được SHB chú trọng với mức chi phí khá cao. SHB đã liên kết với các bệnh viện hàng đầu tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên định kỳ 1 năm/lần, với chi phí trung bình 1 triệu đồng/người. Đồng thời, người lao động được thụ hưởng bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện theo chương trình SHB Care liên kết với bảo hiểm BSH năm thứ 3 liên tiếp với các chính sách và giá trị bảo hiểm ngày càng có lợi cho người lao động. Cụ thể, với các chức danh lãnh đạo, giá trị bảo hiểm gần 1 tỷ đồng/người. Các chức danh khác, mức bảo hiểm trung bình 200 triệu đồng/người

Bên cạnh đó, ngân hàng luôn đảm bảo các chế độ phụ cấp đặc thù như phụ cấp độc hại, phụ cấp trang điểm đối với bộ phận ngân quỹ, kiểm đếm tiền, giao dịch trực tiếp với khách hàng; phụ cấp kiêm nhiệm, thu hút đối với lao động có năng lực tốt; phụ cấp xăng xe và gửi xe hàng tháng cho 100% người lao động. Ban lãnh đạo tại trụ sở chính cũng như tại các chi nhánh được bố trí xe ô tô riêng đưa đón đi làm việc và công tác bên ngoài, đảm bảo chi phí hợp lý.

Ngoài việc thực hiện chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, SHB còn áp dụng nhiều chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại phù hợp với nghiệp vụ công tác; tổ chức nghỉ mát hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên; chính sách cho nhân viên vay ưu đãi mua nhà, ô tô, cho vay tiêu dùng với lãi suất thấp,...

Các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức hội thao bóng đá và hội diễn văn nghệ quần chúng thường xuyên được tổ chức trên toàn hệ thống nhằm tạo sự đoàn kết, gắn kết người lao động với Ngân hàng, tạo không khí vui vẻ đầm ấm để tạo động lực cho cán bộ nhân viên.

Các chương trình hoạt động xã hội, ủng hộ từ thiện, bảo vệ môi trường,... luôn được SHB chú trọng, qua đó nhằm xây dựng tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của cán bộ nhân viên.

8.1.3. Hoạt động đào tạo và phát triển lao động

Luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất của ngân hàng, phát huy tối đa nguồn lực con người, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của ngân hàng

SHB tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp, chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao với kế hoạch đào tạo được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển kinh doanh của ngân hàng, theo phân tích xu thế phát triển của thị trường tài chính, dựa trên khảo sát nhu cầu hàng năm của cán bộ nhân viên. Với chủ trương mọi người lao động đều có cơ hội được đào tạo và phát triển nên mọi chi phí các khóa đào tạo do SHB tổ chức cũng như các khóa đào tạo do SHB cử tham dự đều được ngân hàng tài trợ.

Trong năm 2020, SHB đã thực hiện được 71 chuyên đề/nội dung đào tạo cho các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, với tổng số 39.277 lượt cán bộ tham gia, tăng 15,9% so với năm 2019. Tổng số giờ học bình quân một học viên là 38 giờ/năm. Chất lượng đào tạo được các học viên đánh giá đạt 4,32/5 (so với yêu cầu chất lượng tối thiểu là 3,75/5).

SHB đã thực hiện ứng dụng tối đa công nghệ trong hoạt động đào tạo theo khả năng và điều kiện cho phép nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng bài giảng trực tuyến với 29 chuyên đề/nội dung đào tạo đã được số hóa, chuyển đổi hình thức thể hiện và đưa vào phục vụ học tập/đào tạo trên hệ thống elearning. Trong bối cảnh dịch Covid lan rộng tại nhiều tỉnh thành, tác động tiêu cực và gây ảnh hưởng lớn đến công tác tổ chức lớp học, SHB đã triển khai thành công ứng dụng QR code vào việc điểm danh học viên và thực hiện các bài khảo sát, đánh giá cuối khóa học, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí văn phòng phẩm và tăng tính hiệu quả của công tác quản lý đào tạo, đồng thời giảm nguy cơ lây nhiễm do tiếp xúc, gia tăng mức độ an toàn trong phòng chống dịch Covid.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo từng nhóm đối tượng

SHB thực hiện đào tạo trên cơ sở khung tiêu chuẩn năng lực của từng chức danh và theo cấp độ năng lực yêu cầu của từng vị trí. Các chương trình đào tạo tại SHB đa dạng, liên tục cải tiến, cập nhật về nội dung, hình thức, phù hợp với nhiều đối tượng.

- Với cán bộ nhân viên tân tuyển, SHB xây dựng các chương trình đào tạo hội nhập cùng với bố trí cán bộ có kinh nghiệm lâu năm

kèm cặp nhằm cung cấp cho người lao động các kiến thức tổng quan về SHB, các kiến thức nền tảng trong công việc, nhanh chóng hội nhập và làm quen với văn hóa của SHB. Số học viên tham gia đào tạo hội nhập năm 2020 là 448 lượt.

- Với cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, năng lực, SHB chú trọng đào tạo nghiệp vụ nâng cao, chuyên sâu nhằm mục đích quy hoạch cán bộ nguồn, tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp. Số học viên tham gia đào tạo chuyên sâu sản phẩm và kỹ năng nghiệp vụ năm 2020 là 38.671 lượt.

- Với các cấp quản lý, SHB triển khai các chương trình đào tạo nâng cao khả năng quản lý, điều hành, kỹ năng xây dựng, hoạch định chiến lược, quản lý sự thay đổi,... Hàng năm SHB tạo điều kiện để cán bộ quản lý có điều kiện tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nước ngoài. Năm 2020 có 158 lượt học viên tham gia đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm và hội thảo chuyên đề.

Công tác đánh giá hiệu quả cuối khóa học được định kỳ tổ chức bằng các đợt kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ trên toàn hệ thống để khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, bổ sung các nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng còn yếu và thiếu.

Các ứng dụng công nghệ trong đào tạo luôn được chú trọng phát triển thông qua việc vận hành hệ thống Học-Thi (SHB-LMS) và Khảo sát trực tuyến (SHB-Survey, Google Docs. Hệ thống LMS, Survey được đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, phục vụ các hoạt động học-thi, khảo sát/đánh giá chất lượng dịch vụ đào tạo online, góp phần tiết giảm chi phí hoạt động (in ấn tài liệu, quản lý hồ sơ, chấm bài thi...).. Hệ thống đào tạo hiện đại đã giúp việc học tập của các cán bộ nhân viên trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Chính sách tuyển dụng

Công khai, minh bạch cùng với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp là căn cứ để tuyển dụng

Công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ được ban lãnh đạo chú trọng, ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển. Đối với ứng viên từ nguồn bên ngoài, SHB ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm, các ứng viên tốt nghiệp học lực khá, giỏi các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước và được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

Tại các tỉnh/thành trong nước và nước ngoài có sự hiện diện của SHB, lao động địa phương được ưu tiên tuyển dụng bởi nền tảng am hiểu thị trường địa phương một cách cặn kẽ và sự gắn bó, tâm huyết của người lao động.

Bên cạnh đó, SHB ký kết hợp tác với các đối tác cung cấp các dịch vụ tuyển dụng lớn như Vietnamwork, Careerbuilder, Firt Alliance, Navigos nhằm tăng hiệu quả truyền thông tin tuyển dụng và bổ sung nguồn ứng viên cao cấp; đẩy mạnh việc hợp tác với các trường đại học lớn thông qua các chương trình tài trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc, trao đổi thông tin, tham gia hội chợ việc làm để mở rộng nguồn tuyển.

8.2. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hơn ¼ thế kỷ qua, từng người SHB đã nỗ lực không ngừng để sống, cống hiến, và kiến tạo một tương lai tươi sáng hơn cho chính bản thân, gia đình, tập thể và cả cộng đồng, dân tộc. Tinh thần nhân văn ấy xuất phát từ tâm lòng nhân ái của Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo ngân hàng, dẫn lan tỏa trở thành tinh thần chung đặc trưng và đẩy tự hào trong văn hóa doanh nghiệp của SHB.

Năm 2020, SHB đã dành tổng hơn 52,6 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, nhiều gấp đôi so với năm 2019; phần lớn được chi cho các hoạt động hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung trong trận lụt lịch sử tháng 11/2020. Các con số dành cho an sinh xã hội năm 2020 đã nói lên tất cả cho tấm lòng SHB dành cho cộng đồng và xã hội.

Chung tay phòng chống dịch Covid-19



Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn với cả thế giới và Việt Nam khi phải vừa duy trì sinh hoạt, sản xuất kinh doanh, vừa ngăn chặn dịch bệnh lây lan. Trong những thời điểm khó khăn nhất, SHB luôn kịp thời sát cánh cùng các cơ quan, đoàn thể TW và địa phương với tổng ngân sách hỗ trợ chống Covid từ đầu năm lên tới hơn 12,5 tỷ đồng bao gồm các hoạt động ủng hộ bằng tiền mặt và cứu trợ trực tiếp như: Tặng đồ bảo hộ y tế, bộ kit test virus cho bệnh viện, tặng gạo và nhu yếu phẩm cho người dân vùng dịch. Ngân hàng mong muốn chia sẻ cùng Chính phủ, người dân cả nước yên tâm chống dịch cũng như san sẻ bớt gánh nặng về tài chính trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam miễn phí hoàn toàn viện phí cho người mắc bệnh và chi phí xét nghiệm, chi phí tổ chức cách ly cho người nghi nhiễm như hiện nay.

Xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai



Nối tiếp những hoạt động trách nhiệm xã hội của những năm trước, với tinh thần lá lành đùm lá rách, tương thân tương ái, trong năm 2020, SHB tiếp tục duy trì các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội thiết thực tới tận tay các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn tại nhiều tỉnh, thành như bệnh nhân hiểm nghèo, gia đình khó khăn, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, v.v...

Ngoài ra, SHB tiếp tục đồng hành cùng các Quỹ từ thiện của trung ương và địa phương như ủng hộ 5 tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo 2020; 2 tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo TP. Hà Nội; Quỹ vì người nghèo tỉnh Nghệ An (1 tỷ đồng); Quỹ vì người nghèo tỉnh Đồng Tháp (100 triệu đồng).

Đối với học sinh nghèo và các gia đình nghèo vùng cao, hoạt động nổi bật nhất năm 2020 của SHB là tài trợ 1 tỷ đồng xây dựng điểm trường và nhà tình nghĩa tại Cao Bằng.

Đặc biệt, trước thiên tai bão lũ lịch sử tại miền Trung, SHB triển khai chương trình «Hành trình từ Tâm» và ủng hộ thông qua các quỹ với số tiền hơn 21 tỷ đồng nhằm giúp bà con tái ổn định cuộc sống.

Và còn rất nhiều các hoạt động từ thiện ý nghĩa khác với các quy mô khác nhau từ Bắc và Nam.

Hỗ trợ sức khỏe, y tế cho cộng đồng – xã hội



Nâng cao chất lượng sức khỏe y tế cho cộng đồng là một trong các nhiệm vụ an sinh xã hội được lãnh đạo cũng như tập thể người lao động SHB quan tâm, dành nhiều thời gian, tâm sức và nguồn lực thực hiện. SHB góp phần sẻ chia với những khó khăn vất vả của đội ngũ y bác sĩ trên tuyến đầu chống dịch như đội ngũ y bác sĩ bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện Đà Nẵng trong hai đợt bùng phát dịch Covid 19.

Ngoài ra, SHB còn chi hơn 1 tỷ đồng hỗ trợ các trường hợp người nghèo cụ thể khi khám chữa bệnh tại các địa phương. Đây là món quà thể hiện sự chia sẻ, là tấm lòng của cán bộ nhân viên người lao động trong hệ thống SHB với những hoàn cảnh khó khăn, đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, đặc biệt là những người có hoàn cảnh yếu thế, khó khăn.

Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ



Năm 2020, SHB chi 1,5 tỉ đồng cho các hạng mục đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ - một trong những mục đích an sinh xã hội lâu dài được lãnh đạo SHB định hướng duy trì trong nhiều năm. Khóa đào tạo ý nghĩa «Nhà lãnh đạo trẻ» (Young Leader) tổ chức cùng CLB ManCity dành cho trẻ em đến từ các Làng trẻ SOS tiếp tục được tổ chức 2 lần trong năm, trong đó chương trình đào tạo lần 2 trong năm lần đầu tiên được tổ chức trên nền tảng kỹ thuật số từ xa, để trang bị kĩ năng Chủ động thích ứng cho các nhà lãnh đạo trẻ đến từ các làng trẻ SOS với các nội dung và chương trình đào tạo các kĩ năng phù hợp bối cảnh dịch COVID-19 bùng phát. Mục đích chính của khóa học nhằm thông qua việc sử dụng bóng đá để giải quyết các vấn đề tác động đến thanh thiếu niên. Trong bối cảnh COVID, chương trình được điều chỉnh phong trào bóng đá cộng đồng chủ động thích ứng với cách ly xã hội, xây dựng các chương trình cụ thể để ứng phó với COVID-19 và giáo dục về WASH, các kỹ năng tính toán và đọc viết thông qua bóng đá. Các nội dung đào tạo đều nhằm mục đích nâng cao năng lực, kỹ năng mềm cho các Nhà lãnh đạo trẻ, chủ động thích ứng trong những giai đoạn khó khăn và hợp tác

Ngoài ra, trong năm học 2019 – 2020, SHB đã hỗ trợ nhiều trường hợp trẻ em khó khăn vượt khó học tập tại các điểm trường Thác Đất, Cầu Cao xã Minh Dân và Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; Huyện Thanh Hòa và Huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; đồng thời tài trợ nhiều phần quà, suất học bổng tổng kết năm học cho

các em học sinh cũng như trực tiếp khảo sát và tài trợ cho các điểm trường có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Cao Bằng.

Với vai trò nhà tài trợ của CLB SHB Đà Nẵng, SHB tiếp tục hỗ trợ hết mình để động viên CLB Đà Nẵng, góp phần duy trì sự phát triển bóng đá tại Đà Nẵng, đồng thời góp phần vào thành công chung của bóng đá Việt Nam, .

Các hoạt động khác

Trách nhiệm xã hội không chỉ dừng ở việc hỗ trợ tài chính, SHB đồng thời thực hiện các chương trình tuyên truyền cho cộng đồng về nhiều chủ đề hữu ích trong đó có “Mở rộng tín dụng ngân hàng, ngăn chặn tín dụng đen” tại Hòa Bình; và tài trợ nhiều chương trình an sinh xã hội nhân dịp Tết Nguyên Đán.

Tinh thần nhân văn, nhân ái của SHB còn được thể hiện qua tấm lòng dành cho các trường hợp cán bộ nhân viên không may tử nạn do tai nạn giao thông trong quá trình đi thăm định hồ sơ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Nghệ An với các phần hỗ trợ cho gia đình lên tới 1 tỷ đồng mỗi trường hợp.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI NĂM 2020

STT	TRƯỜNG HỢP	SỐ TIỀN HỖ TRỢ
I	PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC	1,465,160,000
1	Hỗ trợ các điểm trường Thác Đất, Cầu Cao xã Minh Dân và Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	87,880,000
2	Chương trình đào tạo nhà lãnh đạo trẻ Young Leader cho trẻ em SOS	52,800,000
3	Hỗ trợ 50 học sinh khó khăn của THCS Tân Đông và TH Hưng Điền B	50,000,000
4	Hỗ trợ Liên đoàn Lao động tỉnh An Giang giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn An Giang và đóng góp Hội khuyến học tỉnh An Giang	24,480,000
5	Hỗ trợ đồ dùng học tập, hỗ trợ học bổng tổng kết năm học 2019 - 2020 và học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tỉnh Cà Mau tại 7 điểm trường khác nhau.	50,000,000
6	Quý Bảo trợ trẻ em TP Hà Nội	200,000,000
7	Tài trợ công trình trường học và nhà tình nghĩa tại Thác Bản Giốc - Cao Bằng	1,000,000,000
II	HỖ TRỢ SỨC KHỎE, Y TẾ	12,594,202,500
A	Tài trợ tổ chức y tế thực hiện Hội thảo khoa học giải pháp chữa bệnh và các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí	11,553,202,500
1	Ủng hộ Quỹ MTTQ chống dịch Covid-19	5,000,000,000
2	Ủng hộ Bệnh viện Bạch Mai phòng chống dịch Covid - 19	1,000,000,000
3	Ủng hộ phong trào chung tay phòng chống dịch COVID-19 theo lời kêu gọi của Công đoàn ngành Ngân hàng	500,000,000
4	Hỗ trợ 3 tỉnh Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi bị ảnh hưởng bởi Covid-19 thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc.	2,000,000,000
5	Tài trợ sinh phẩm, thiết bị y tế cho Sở Y Tế tỉnh Quảng Nam chống Covid-19	2,500,240,000
6	Ủng hộ phòng chống dịch Covid-19 theo công văn kêu gọi tài trợ của BV Bạch Mai	550,462,500
7	Trao tặng khẩu trang y tế phòng chống Covid-19 tại Huyện An Lão theo Chương trình vận động của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hải Phòng	2,500,000
B	Hỗ trợ cá nhân khám chữa bệnh	1,041,000,000
1	Hỗ trợ chi phí điều trị cho bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại các địa phương	1,041,000,000
III	HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO	14,213,200,000
A	Hỗ trợ người nghèo thông qua các tổ chức Quý	12,581,800,000
1	Tặng quà cho hộ nghèo tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	250,000,000
2	Tặng quà cho hộ nghèo tại địa bàn tỉnh Cà Mau	250,000,000
3	Tặng quà cho hộ nghèo tại địa bàn tỉnh Hà Nam	250,000,000
4	Tặng quà cho hộ nghèo tại địa bàn tỉnh Bình Định	120,000,000

5	Tặng quà cho hộ nghèo tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa	100,000,000
6	Tặng quà cho hộ nghèo tại các địa phương khác (Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Ninh Bình, Quảng Ninh, Hải Dương, Đắk Lắk, ...)	317,800,000
7	Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo tỉnh Nghệ An	1,000,000,000
8	Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo tỉnh Đồng Tháp	100,000,000
9	Quỹ vì người nghèo 2019	
10	Nạn nhân chất độc màu da cam Quận HBT, Hà Nội	54,000,000
11	Tặng quà Tết (tiền mặt, xe đạp và các phần quà khác) cho các em học sinh khó khăn tại tỉnh Sơn La	65,000,000
12	Tặng quà cho các em học sinh khó khăn tại tỉnh Tuyên Quang	88,000,000
13	Hỗ trợ chùa Bửu Thắng II chăm sóc trẻ mồ côi và khuyết tật	60,000,000
14	Hỗ trợ hội người mù tỉnh Bến tre	60,000,000
15	Hỗ trợ Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Thái Bình	32,000,000
16	Tặng nhu yếu phẩm cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn tại 18 điểm trên 12 tỉnh thành có nguy cơ cao trong dịch Covid 19 trên toàn quốc: Hà Nội, HCM, Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Ninh Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Khánh Hòa, Tây Ninh, Hà Tĩnh	600,000,000
17	Hỗ trợ hội chữ thập đỏ tỉnh Khánh Hòa	1,000,000,000
18	Phối hợp với Ngân hàng nhà nước tỉnh Long An xây nhà cho người nghèo trên địa bàn tỉnh	120,000,000
19	Phối hợp với Ngân hàng nhà nước tỉnh Đồng Tháp xây nhà cho người nghèo trên địa bàn tỉnh	90,000,000
20	Quỹ Vì người nghèo TP Hà Nội	2,000,000,000
21	Quỹ Vì người nghèo 2020	5,000,000,000
22	Tài trợ điểm trường và nhà tình nghĩa cho hộ nghèo tỉnh Cao Bằng	1,000,000,000
23	Mua vé biểu diễn nghệ thuật ủng hộ Quỹ chất độc da cam TP. Hà Nội	25,000,000
B	Hỗ trợ trực tiếp các hoàn cảnh nghèo, khó khăn	1,631,400,000
1	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho các gia đình có hoàn cảnh nghèo, khó khăn tại các địa phương	1,631,400,000
IV	KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI	21,083,800,000
1	Ủng hộ miễn Trung bị ảnh hưởng bão, lũ tại Đầm Doanh Nghiệp	1,000,000,000
2	Hoạt động Chung tay cùng các doanh nghiệp của bầu Hiển và các mạnh thường quân giúp Miền Trung vượt qua khó khăn, khắc phục hậu quả lũ lụt - Chương trình "Hành trình từ tâm"	20,083,800,000
VI	MỤC ĐÍCH KHÁC (HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔNG, CƠ SỞ Hạ TẦNG, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ...)	600,000,000
1	Tài trợ kinh phí lắp đặt công trình chiếu sáng tại xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	300,000,000
2	Tài trợ chi phí tổ chức chương trình Tuyên truyền mở rộng tín dụng ngân hàng, ngăn chặn tín dụng đen và trao tặng ASXH tại Hòa Bình	200,000,000
3	Tài trợ "Giải cờ vua trẻ xuất sắc toàn quốc" năm 2020	100,000,000
VII	CÁC MỤC ĐÍCH ASXH TỪ THIỆN KHÁC	2,635,000,000
1	Triển khai các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội trong dịp Tết Nguyên đán năm 2020 tại tỉnh Tiền Giang	200,000,000
2	Triển khai các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội trong dịp Tết Nguyên đán năm 2020 tại tỉnh An Giang	250,000,000
3	Hỗ trợ gia đình Chuyên viên tín dụng tử nạn do tai nạn giao thông trong quá trình đi thẩm định hồ sơ tại TP Hồ Chí Minh	1,282,000,000
4	Hỗ trợ gia đình Chuyên viên tín dụng tử nạn do tai nạn giao thông trong quá trình đi thẩm định hồ sơ tại tỉnh Nghệ An	903,000,000
VIII	TỔNG NGÂN SÁCH AN SINH XÃ HỘI	52,591,362,500

Và nhiều hoạt động ủng hộ ngày công, vật chất ý nghĩa khác...

8.3. Trách nhiệm đối với môi trường

Trong thời đại các hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của con người có ảnh hưởng rất lớn tới môi trường và thiên nhiên, SHB từ lâu đã ý thức trách nhiệm của một trong những ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất Việt Nam là nỗ lực hết mình giảm thiểu tác động tới môi trường và góp phần tái tạo gìn giữ hành tinh xanh. SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ có tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn của chính ngân hàng mà còn thực hiện khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

8.3.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

SHB là đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, vì vậy, nguyên vật liệu chính cho quá trình kinh doanh chủ yếu là giấy in, mực in, văn phòng phẩm,...

Tổng chi phí sử dụng vật liệu của SHB hàng năm tăng theo quy mô hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Tuy nhiên nhờ những biện pháp tiết kiệm hiệu quả, chi phí sử dụng vật liệu trên đầu cán bộ lại giảm qua từng năm. Chi phí sử dụng vật liệu năm 2020 là 1 triệu đồng/01 lao động/năm, giảm 17,4% so với năm 2019.

CHI PHÍ VẬT LIỆU CỦA SHB

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Chi phí văn phòng phẩm, giấy in, mực in	9.370	9.945	8.292
Chi phí văn phòng phẩm trên 1 lao động trong 1 năm	1,24	1,21	1,00

Nhiều biện pháp được SHB sử dụng nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường như:

- Định hướng trở thành Ngân hàng số bán lẻ đa năng, hiện đại, SHB tăng cường phát triển các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời giảm thiểu quy trình sử dụng giấy tờ rườm rà nhằm đem đến những tiện ích cho khách hàng, tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch, chi phí văn phòng phẩm. Các công đoạn nghiệp vụ ngân hàng hay các quy trình tài liệu vận hành phần lớn đã chuyển sang giao dịch, phê duyệt online nhờ hệ thống lưu trữ văn bản và phê duyệt online; ứng dụng nhận diện thông tin cá nhân khách hàng tự động online (eKyc) được đưa vào hoạt động năm 2020, vì vậy, số lượng giấy tờ, bút mực... các công cụ lao động khác đã giảm đáng kể qua từng năm đặc biệt trong năm 2020.

- Hệ thống trao đổi thông tin điện tử được nâng cấp, mở rộng từ trụ sở chính tới các chi nhánh như họp, phỏng vấn tuyển dụng qua cầu truyền hình, thi tuyển trực tuyến, phát hành bản tin và tạp chí điện tử,... góp phần quan trọng giảm thiểu lượng giấy tờ in ấn và nâng cao hiệu suất lao động.

- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt; Đăng ký định mức sử dụng cho từng phòng/ban hàng năm; Phân loại văn phòng phẩm theo các dạng cấp 1 lần, cấp theo đề nghị hàng tháng, theo yêu cầu sử dụng bất thường; Theo dõi và so sánh việc sử dụng định kỳ.

- Hoạt động truyền thông nội bộ của ngân hàng cũng dành nhiều nội dung, để tài để ngân truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa và tăng cường trao đổi thông tin, công văn, báo cáo thông qua email nội bộ, tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

8.3.2. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng cho quá trình hoạt động kinh doanh tại SHB chủ yếu là điện năng cho việc thắp sáng, duy trì hoạt động của máy tính, điều hòa nhiệt độ, xăng dầu phục vụ cho xe đưa đón cán bộ nhân viên,...

Trước những tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu gây ra ảnh hưởng không chỉ hiện tại mà còn đến thế hệ tương lai, SHB luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường.

Lượng xăng tiêu thụ

Nguồn tiêu thụ xăng của SHB chủ yếu là từ các xe ô tô hoạt động nghiệp vụ, xe chở tiền, và xe chở cán bộ nhân viên,.... Chi phí xăng dầu được giao định mức và kiểm tra lịch trình cụ thể đối với các lãnh đạo đơn vị thường xuyên có hoạt động đi lại bằng xe cơ quan. Các hoạt động khác sẽ phải đăng ký trước lộ trình và thời gian nhằm đảm bảo phục vụ được tối đa công việc của cán bộ nhân viên mà vẫn tiết kiệm được chi phí xăng dầu và hao mòn xe. Lượng tiêu thụ xăng trên 01 lao động của SHB năm 2020 là 0,76 triệu đồng, giảm 24% so với năm 2019.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Chi phí xăng dầu (triệu đồng)	7.644	8.281	6.295
Chi phí xăng dầu trên 1 lao động trong 1 năm (trđ/người/năm)	1,01	1,00	0,76

Năng lượng điện

SHB đã thực hiện tiết kiệm tối đa năng lượng điện tiêu thụ cũng chính là biện pháp giảm thiểu chi phí kinh doanh thông qua việc trang bị các bóng đèn tiết kiệm năng lượng, điều hòa nhiệt độ đáp ứng các tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính và được bảo dưỡng liên tục. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm năng lượng được lãnh đạo và các cán bộ nhân viên nghiêm túc thực hiện như tắt cầu dao điện khi ra về, chú ý đóng cửa ra vào để điều hòa hoạt động hiệu quả, bố trí chỗ ngồi hợp lý để tiết kiệm điện cho thiết bị chiếu sáng...;

8.3.3. Tiêu thụ nước

SHB sử dụng nước chủ yếu dùng cho hoạt động sinh hoạt của toàn thể cán bộ nhân viên và toà nhà như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động,..và nằm trong chi phí thuê toà nhà. Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của Tòa nhà.

Chi phí nước uống cho cán bộ, nhân viên và tiếp khách do SHB chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ. Với các cuộc họp, tiếp khách bên ngoài, ngân hàng trang bị các chai nước có dung tích nhỏ để tránh lãng phí.

8.3.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nguồn chất thải có khả năng gây hại cho môi trường tại SHB chủ yếu là các chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động văn phòng như giấy in hỏng, bìa carton, dụng cụ văn phòng phẩm không còn sử dụng được,.... và nguồn chất thải khí chủ yếu đến từ các phương tiện giao thông ra vào, lưu thông qua tòa nhà. Vì vậy, SHB đã bố trí nhân sự phụ trách về môi trường và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường.

- *Công tác vệ sinh môi trường bên ngoài* khu làm việc do công ty môi trường thuê ngoài đảm nhiệm (tính trong chi phí thuê tòa nhà) với hoạt động chính:

- Dọn dẹp, lau chùi nền nhà vệ sinh, bồn cầu, sảnh, cầu thang, hành lang, tường nhà, tầng hầm....với tần suất khoảng 1 tiếng một lần để đảm bảo những khu vực này luôn luôn sạch sẽ.

- Trang bị nước rửa tay tại khu vệ sinh để đảm bảo việc khử trùng cho người lao động.

- Đảm bảo việc cấp nước xả bồn cầu và nước rửa tay khu vệ sinh hoạt động tốt.

- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ phân loại rác thu gom tất cả rác trong thùng ra điểm tập kết rác trước cửa tòa nhà.

- *Công tác vệ sinh, dọn dẹp bên trong* các phòng làm việc do bộ phận hành chính quản trị của ngân hàng đảm nhiệm với các hoạt động chính:

- Dọn dẹp các thùng rác đựng giấy in, tài liệu, bìa carton, bút mực hỏng, vỏ chai nước, vỏ hoa quả....trong các phòng làm việc, phòng họp. Tần suất dọn dẹp khoảng 3 lần/ngày hoặc hơn tùy theo lượng khối lượng rác thải.

- Chăm sóc, cắt tỉa cây cảnh trong các khu, phòng làm việc của tòa nhà đảm bảo tươi xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.

- Tại các tầng hầm, và trước cửa khu nhà làm việc, SHB bố trí nhân viên bảo vệ nhắc nhở, yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi vào cổng tòa nhà để giảm khí thải và tiếng ồn. Hệ thống quạt thông gió tại tầng hầm lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo không khí thông thoáng.

- Các kỹ thuật thông tin hiện đại như cầu truyền hình, điện thoại, video được ứng dụng tối đa để tổ chức các cuộc họp nội bộ, phỏng vấn nhân sự trên toàn quốc nhằm giảm thiểu thời gian đi lại cũng như tần suất sử dụng các phương tiện máy bay, tàu xe, góp phần giảm lượng thải khí CO₂ ra môi trường.

- Bên cạnh đó, mỗi cán bộ ngân hàng luôn nêu cao tinh thần tự giữ gìn, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ bàn làm việc của chính mình và khu vực xung quanh; Tăng cường trao đổi tài liệu, công văn qua email nội bộ nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa; tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

- Với ý thực chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, trong suốt chặng đường hoạt động, SHB không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.

8.4. Hoạt động thị trường vốn xanh

Ngoài việc phát triển hoạt động kinh doanh ngân hàng truyền thống, SHB rất quan tâm, coi trọng việc phát triển các hoạt động ngân hàng - tín dụng xanh, hướng đến sự phát triển bền vững.

Nhận thức rõ hệ thống ngân hàng đóng vai trò như một mắt xích trung gian có tác động đến môi trường thông qua hoạt động của khách hàng, SHB đã xanh hóa dòng vốn đầu tư thông qua việc hướng các nguồn lực tài chính vào những lĩnh vực xanh như doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp nông thôn, các dự án thủy điện nhỏ và vừa, sinh khối, xử lý nước thải, rác thải... nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng, góp phần thúc đẩy khách hàng vay vốn chuyển đổi dự án và mục đích sử dụng vốn vay sang các dự án thân thiện với môi trường. **Với những đóng góp trong hoạt động tín dụng xanh, năm 2020, SHB vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng Tiêu biểu về Tín dụng Xanh” do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) tổ chức.** Một số dự án tiêu biểu như:

- SHB trở thành một trong 07 ngân hàng thương mại cổ phần Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Techcombank, Sacombank, ACB) tham gia giải ngân Dự án REDP do WB tài trợ từ năm 2014. Cùng những nỗ lực và sự chủ động trong việc triển khai, đến nay SHB đã có 4 tiểu dự án thủy điện nhỏ (<30M) hợp lệ với tổng số tiền vay lại được phê duyệt sử dụng nguồn vốn REDP gần 1.000 tỷ đồng, đứng thứ 3 trên tổng số 7 NHTM tham gia (sau Vietcombank, BIDV). Với lợi thế tham gia Dự án REDP, SHB có thể mang lại lợi ích vượt trội cho chủ đầu tư các dự án Xanh như: Lãi suất cho vay thấp hơn từ 1,5 – 3% so với lãi suất vay vốn thông thường; Dự án hỗ trợ thực hiện và bồi hoàn 100% chi phí tư vấn an toàn đập, 50% chi phí tư vấn môi trường xã hội; Tham gia vào Chương trình tài chính các-bon; Tham gia vào các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, xây dựng năng lực Chủ đầu tư...

- Song song với việc triển khai hiệu quả Dự án REDP, Cuối năm 2020, SHB sẽ được WB và Bộ Công thương lựa chọn trở thành Đơn vị quản lý vận hành (PIE) Quý chia sẻ rủi ro Dự án Thúc đẩy hiệu quả năng lượng Việt Nam do GCF tài trợ thông qua WB nhằm góp phần đạt được các mục tiêu tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính của chính phủ. Nổi bật nhất, SHB đã chú trọng phát triển sản phẩm tài trợ trọn gói Dự án điện mặt trời với những giải pháp đa dạng theo nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Cụ thể, SHB mang đến rất nhiều ưu đãi vượt trội: Ưu đãi về thời hạn cho vay (tối đa 15 năm); Ưu đãi về lãi suất (thấp hơn 1%-1.5% so với lãi suất thông thường, tùy loại hình doanh nghiệp); Ưu đãi về tài sản đảm bảo...

- Năm 2020, SHB đã được cấp tăng thêm hạn mức tín dụng 300 tỷ đồng của Dự án Phát triển nông nghiệp bền vững (VnSAT) do WB tài trợ, nâng tổng hạn mức dự án lên 700 tỷ đồng, đứng đầu các NHTMCP tham gia triển khai dự án.

- Đồng hành cùng Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030 với mục tiêu đạt tỷ lệ điện năng sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo (không bao gồm nguồn thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng) khoảng 7% vào năm 2020 và trên 10% vào năm 2030, SHB đã tích cực tham gia là ngân hàng cho vay lại chịu và không rủi ro tín dụng các dự án ODA do Chính phủ Đức tài trợ thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức như: Dự án “Lưới điện thông minh - Hiệu quả trong truyền tải điện” (giai đoạn 1) trị giá 65 triệu EUR và Dự án “Lưới điện hiệu quả tại các thành phố nhỏ và vừa” (giai đoạn 1 và 2) trị giá 350 triệu EUR Mục tiêu của hai dự án nhằm mở rộng và phát triển hệ thống lưới truyền tải điện, giảm quá tải cho lưới điện quốc gia, đáp ứng nhu cầu điện năng đang cấp bách hiện nay, duy trì độ an toàn, nâng cao độ tin cậy và chất lượng của hệ thống truyền tải điện quốc gia.

- Hiện nay, SHB cũng đang tài trợ một số dự án điện mặt trời với quy mô vừa phải, các dự án thủy điện, năng lượng gió,... từ nguồn vốn huy động dân cư. Một số dự án điển hình như công trình nhà máy thủy điện Nậm Lức (tỉnh Lào Cai), Nhà máy thủy điện Đăk Sin 1 (tỉnh Đắk Nông), Dự án Thủy điện Bái Thượng (Tỉnh Thanh Hóa).

SHB luôn kiểm soát an toàn, bền vững khi tài trợ các dự án. Các dự án phải đáp ứng được các điều kiện khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Vì vậy, khi đánh giá các dự án, SHB dựa vào bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường xã hội do NHNN phối hợp với IFC ban hành. Theo đó, với việc ra quyết định tín dụng, SHB sẽ thường bổ sung trong hợp đồng vay vốn: trách nhiệm và cam kết của khách hàng trong việc cải thiện quản lý rủi ro môi trường xã hội, một kế hoạch hành động và thời gian biểu để giảm thiểu rủi ro trước hoặc sau khi giải ngân khoản vay, những hành động của SHB để giới hạn trách nhiệm liên quan tới môi trường xã hội do các giao dịch gây ra. Ngoài ra, SHB hỗ trợ các chủ dự án bằng cách tư vấn an toàn kỹ thuật theo các quy định của nhà tài trợ, hỗ trợ cung cấp chương trình tài chính cacbon, các chương trình đào tạo, bảo lãnh khoản vay... là một số công cụ có thể giúp nâng cao tính khả thi của việc tài trợ cho các lĩnh vực xanh và phát triển bền vững.

Với chiến lược tín dụng xanh, SHB hiện đã và sẽ phấn đấu duy trì vị trí top 1 trong số các Ngân hàng TMCP tư nhân về tín dụng xanh. Những năm gần đây, Ngân hàng luôn tích cực, chủ động tiếp cận các nguồn vốn xanh của các định chế tài chính quốc tế (WB, ADB, KfW, IIB...), xem xét phát hành trái phiếu xanh,... nhằm tài trợ cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng của Việt Nam, đặc biệt là các dự án năng lượng xanh. SHB cũng tập trung hỗ trợ khách hàng nâng cao nhận thức về hoạt động kinh tế xanh, đặc biệt là tuân thủ các yêu cầu về đánh giá tác động môi trường của các dự án xin vay vốn. Đối với các dự án tài trợ nước ngoài, Ngân hàng tham gia hỗ trợ cung cấp tư vấn an toàn kỹ thuật, đào tạo về yêu cầu và việc đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn E&S của nhà tài trợ.

Khi ngân hàng tăng cường quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất theo hướng sạch hơn. Từ đó, nâng cao nhận thức của khách hàng về tài chính và dịch vụ ngân hàng, các vấn đề về bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển bền vững. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp, hộ nông thôn mở rộng hoạt động kinh doanh, thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng hiệu quả tại Việt Nam. Đồng thời kết nối các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu; tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động;



10. Mạng lưới điểm giao dịch

Tính đến 31/12/2020, SHB có 532 điểm giao dịch

Trong đó:

Miền Bắc: 280 điểm giao dịch

Miền Trung: 61 điểm giao dịch

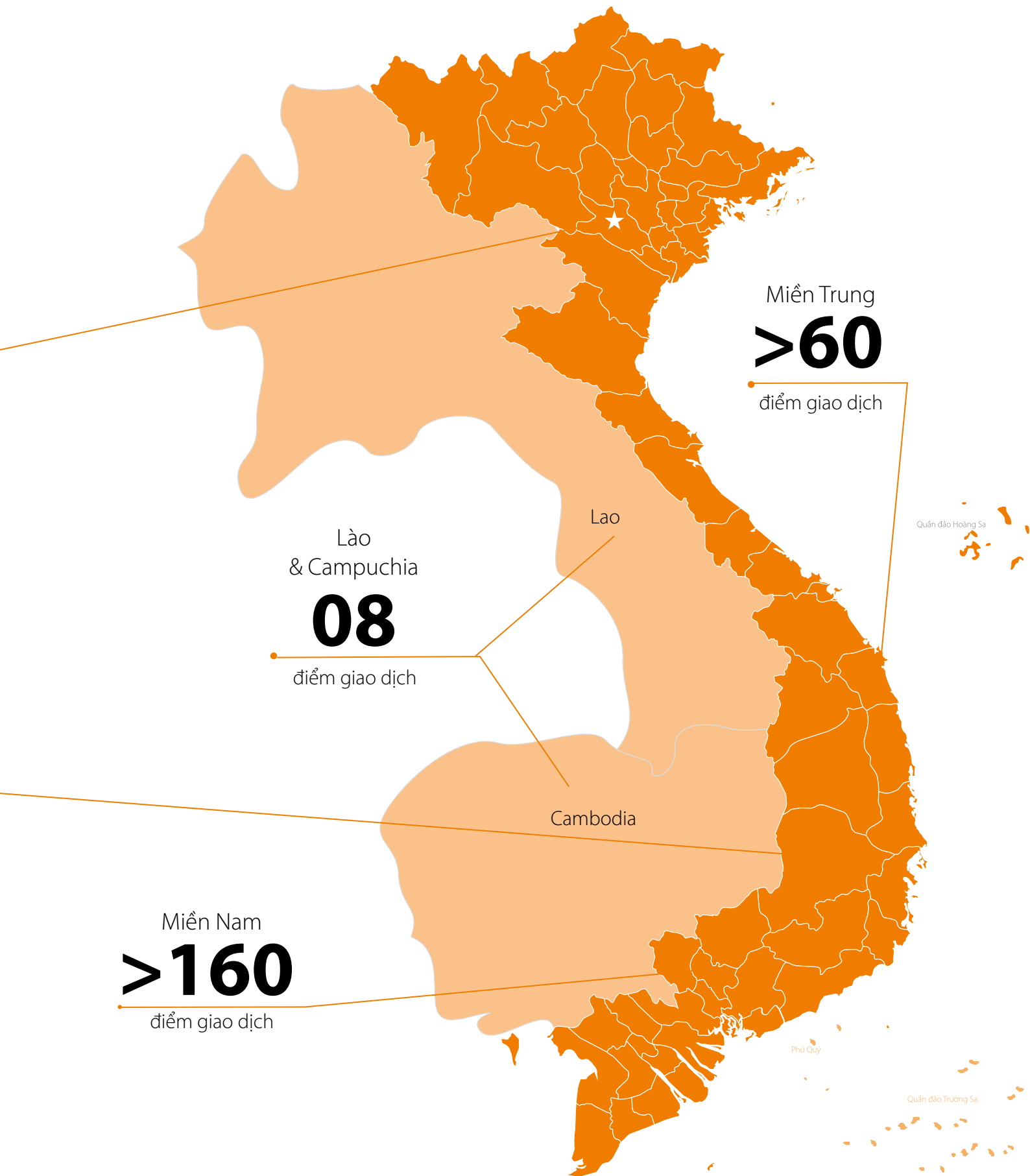
Tây Nguyên: 14 điểm giao dịch

Miền Nam: 169 điểm giao dịch

Nước ngoài (Lào, Campuchia): 8 điểm giao dịch.

Miền Bắc
~300
điểm giao dịch

Tây Nguyên
14
điểm giao dịch



DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH CỦA SHB

(Đến ngày 31/12/2020)

STT	TÊN CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÂN HÀNG	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
	Hội sở	Số 77 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội	(024) 3942 3388	(024) 3941 0944
	Trung tâm kinh doanh (Hội sở)	Số 77 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội	(024) 3942 3388	(024) 3941 0944
1	Chi nhánh Hà Nội	Số 49 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	(024) 6256 3666	(024) 6256 3616
2	Chi nhánh Thăng Long	Số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	(024). 6 276 9189	(024). 6 279 6167
3	Chi nhánh Ba Đình	Số 21 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	(024) 3 8460 135	(024) 3 7263 595
4	Chi nhánh Hàng Trống	Số 71B Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	(024) 3 9289 175	(024) 3 9289 262
5	Chi nhánh Đông Đô (Hàm Long cũ)	Tầng 1,2,3 tòa nhà 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	(024) 3 9432 958	(024) 3 9432 436
6	Chi nhánh Hoàn Kiếm	Số 40 phố Hàng Giấy, phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	(024) 3825 8926 (024) 3928 3054	(024) 3825 8745
7	Chi nhánh Tây Hà Nội	Căn dịch vụ số 101, Lô C, Khu D5, Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội	(024) 6 2690 530	(024) 6 2690 531
8	Chi nhánh Hà Thành (Tây Nam Hà Nội cũ)	Số 98 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	(024)3.7552510	(024) 3 7563 120
9	Chi nhánh Vạn Phúc	Số 34 - 36 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	(024) 3 7262 025	(024) 3 7262 236
10	Chi nhánh Hàn Thuyên	Số 11 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	(024) 3 6248 028	(024) 3 6248 029
11	Chi nhánh Kinh Đô (Trung Hòa Nhân Chính cũ)	Tầng 1, Tòa nhà 17T1, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	(024) 6 2815 158	(024) 6 2815 159
12	Chi nhánh Hà Đông	Số 16-18, đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội.	(024) 3 3516688	(024) 3 3546 513
13	Chi nhánh Lào Cai	Phố Lý Công Uẩn, ngã 6, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	(021) 4389 9696	(021) 4389 9695
14	Chi nhánh Lạng Sơn	Số 133 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	(0205) 389 8222	(0205) 389 8212
15	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số 361 đường Mê Linh, phường Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	(0211) 3 710 145	(0211) 3 710 146
16	Chi nhánh Bắc Ninh	Tầng 1-2 Toà nhà Viglacera, Ngã 6, Phường Đại Phúc, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	(0222) 3874636	(0222) 3874959
17	Chi nhánh Kinh Bắc	Đường Lý Thái Tổ, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	(0222) 3 743 036	(0222) 3 742 444
18	Chi nhánh SHB Hưng Yên	Số 1-3 đường Nguyễn Bình, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	(0221) 3742 688	(0221) 3742 886
19	Chi nhánh Quảng Ninh	Số 488 Trần Phú, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	(0203) 3723 855	(0203) 3723 866
20	Chi nhánh Hải Phòng	Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	(0225) 3652 668	(0225)3652 669
21	Chi nhánh Thanh Hóa	Trung tâm thương mại Thanh Hóa số 27 – 29 Đường Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành Phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	(0237) 3855111	(0237) 3752555

22	Chi nhánh Nghệ An	Chung cư Tecco Tower số 215 đường Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	(0238) 3560388	(0238)356 0399
23	Chi nhánh Huế	Số 28 đường Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	(0234) 3966688	(0234) 3944666
24	Chi nhánh SHB Đà Nẵng	Số 205-207 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	(0236) 3584 599	(0236) 3655 399
25	Chi nhánh Quảng Nam	Số 215 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	(0235) 3815888	(0235) 3815777
26	Chi nhánh Khánh Hòa	Số 175 -177 đường Thống Nhất, phường Phương Sài, thành phố Nhà Trang, tỉnh Khánh Hòa	(0258) 3828777	(058 3828766
27	Chi nhánh Lâm Đồng	135-145 Phan Đình Phùng, phường 2, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	(0263) 3512251	(0263) 3512000
28	Chi nhánh Gia Lai	Số 87 Hoàng Văn Thụ, phường Diên Hồng, thành phố TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	(0269) 3828333	(0269)3828499
29	Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 41-43-45 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.	(028) 3821 1112	(028) 3823 0204
30	Chi nhánh Sài Gòn	Lô H3, Đường Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, TP.Hồ Chí Minh	(028) 3 9434 224	(028) 3 9434 299
31	Chi nhánh Phú Nhuận	Số 127 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	(028). 3997 1122	(028). 3997 1133
32	Chi nhánh Bình Dương	Số 481, khu 01, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	(0274) 3834 101	(0274) 3834 100
33	Chi nhánh Đồng Nai	Số 10-11, đường Nguyễn Ái Quốc, KP 8, phường Tân Phong, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	(0251) 8871 666	(0251) 8871 670
34	Chi nhánh Vũng Tàu	12G3 Khu Trung Tâm Thương mại, đường Nguyễn Thái Học, phường 7, Tp Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	(0254) 3577676	(0254) 3577686
35	Chi nhánh Bình Phước	Số 147 đường Hùng Vương, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	(0271) 3 838 123	(0271) 3 838 126
36	Chi nhánh Long An	Số 135 – 137, đường Hùng Vương, Phường 2, Tp Tân An, tỉnh Long An	(0272) 3 567 567	(0272) 3 567 667
37	Chi nhánh Cần Thơ	Số 138 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quân Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.	(0292) 3838 389	(0292) 3839 987
38	Chi nhánh Kiên Giang	Lô C10 – 50 + 51 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	(0297) 3.947303	(0297)3947313
39	Chi nhánh An Giang	Số 6-8 Nguyễn Huệ A, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	(0296) 3940 309	(0296) 3941 969
40	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia	Số 107, đại lộ Norodom, phường Boeng Reang, quận Don Penh, Phnom Penh, Cambodia	+855 23 221 900	+855 23 224 151
41	Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Lào	Tổ 01 đường Lanexang, bản Hatsady, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	+856 21 96 8888	+856 21 96 88 99
42	Chi nhánh Thái Bình	Tòa nhà Viettel Thái Bình, Số 431 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam	(0227) 6278555	(0227) 6252626
43	Chi nhánh Sóc Trăng	Số 2 Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	(0299) 3819 888	(0299) 3819 666
44	Chi nhánh Ninh Bình	Số 55 đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	(0229) 3888 542	(0229) 3888 543
45	Chi nhánh Tuyên Quang	Số 138 đường Nguyễn Trãi, tổ 14, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	(0207) 3827 579	(0207) 3827 588

46	Chi nhánh Thái Nguyên	Trung tâm thương mại Chợ Minh Cầu, số 2, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.	(0208) 3655 588	(0208) 3756 866
47	Chi nhánh Tiền Giang	Số 210, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	(0273) 3877 789	(0273) 3877 669
48	Chi nhánh Đồng Tháp	Số 168-170 Nguyễn Huệ, Phường 2, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.	(0277) 353 4488	(0277) 353 8788
49	Chi nhánh Cà Mau	Số 132A, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	(0290) 3582592	(0290) 3582593
50	Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 252-254-256 Đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	(0255) 3739777	(0255) 3739775
51	Chi nhánh Hà Nam	PG1 – 05, PG1 – 06 Vincom Shophouse Phủ Lý, Đường Biên Hòa, Phường Minh Khai, Thành Phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	(0226) 2460909	(0226) 2460011
52	Chi nhánh Hà Tĩnh	Số 52 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	(0239) 373766	(0239) 3668877
53	Chi nhánh Bình Định	85 Mai Xuân Thưởng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	(0256) 3636688	
54	Chi nhánh Đắk Lắk	18A Nguyễn Tất Thành, Phường Tự An, TP BMT, tỉnh Đắk Lắk	(0262) 369 7979	(0262) 357 6879
55	Chi nhánh Tây Ninh	Số 409 đường 30 tháng 04 , khu phố 1, phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.	(0276) 3898 999	(0276) 3898 988
56	Chi nhánh Sơn La	Số 375, đường Chu Văn Thịnh, Phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La	(0212) 3 856 666	(0212) 3 830 888
57	Chi nhánh Nam Định	Số CL14 - 24,25,26 Khu đô thị Dệt may Nam Định, đường Trần Phú, Phường Trần Đăng Ninh, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	(0228) 3898999	(0228) 3898998
58	Chi nhánh Hải Dương	Số 1 đường Thống Nhất, Phường Lê Thanh Nghi, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	(0220) 3830688	(0220) 3860979
59	Chi nhánh Bình Thuận	Số 187 – 189 Tôn Đức Thắng, Khu phố 7, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	(84-252) 3523 888	(84-252) 3523 999
60	Chi nhánh Vĩnh Long			



Đôi tác tin cậy, giải pháp phù hợp



11. Báo cáo Tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

10.1 Thông tin chung

Giấy phép Hoạt động số	0041/NH-GP Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp.	ngày 13 tháng 11 năm 1993
<hr/>		
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	1800278630 Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 27 tháng 5 năm 2019.	ngày 17 tháng 6 năm 2013
<hr/>		
Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Quang Hiến Ông Võ Đức Tiến Ông Nguyễn Văn Lê Ông Thái Quốc Minh Ông Đỗ Quang Huy Ông Phạm Công Đoàn Bà Nguyễn Thị Hoạt Ông Trịnh Thanh Hải	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020) Thành viên Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020) Thành viên độc lập
<hr/>		
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Hòa Bình Bà Nguyễn Thị Hoạt Ông Nguyễn Hữu Đức Bà Phạm Thị Bích Hồng Bà Lê Thanh Cẩm	Trưởng ban Phó ban (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020) Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020) Thành viên Thành viên
<hr/>		
Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Văn Lê Ông Lê Đăng Khoa Ông Nguyễn Huy Tài Bà Ngô Thu Hà Bà Ninh Thị Lan Phương Bà Đặng Tố Loan Bà Ngô Thị Vân	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2020) Kế toán trưởng
<hr/>		
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc
<hr/>		
Trụ sở đăng ký	Số 77 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
<hr/>		
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



10.2 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "SHB") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày từ trang 5 đến trang 78 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SHB tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng SHB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The image shows a red circular official stamp of the Saigon-Hanoi Joint Stock Commercial Bank (SHB). The stamp contains the text: "M.S.D.N: 1800278630", "NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI", and "Q. HOÀN KIẾM TP. HÀ NỘI". A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Văn Lễ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2021

10.3 Báo cáo Kiểm toán độc lập



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “SHB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 78.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(c) của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án "Sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội 2016 - 2020" ("Đề án"). Đối với các khoản tổn động tài chính, chủ yếu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("HBB"), Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cho phép áp dụng các chính sách kế toán riêng trên cơ sở các giải pháp xử lý tài chính kiến nghị trong Đề án chỉnh sửa, bổ sung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt ngày 8 tháng 11 năm 2016. Đối với các khoản tổn động tài chính này, Ngân hàng được phép phân bổ dự phòng rủi ro theo lộ trình được xác định trong Đề án. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00121-21-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2021

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

10.4 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt và vàng	4	1.619.927	1.754.801
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	14.806.140	10.163.244
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	31.250.514	33.708.490
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		31.153.939	33.617.238
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		96.575	91.252
IV Chứng khoán kinh doanh	7	960	502
1 Chứng khoán kinh doanh		3.889	3.889
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(2.929)	(3.387)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	133.872	172.946
VI Cho vay khách hàng		302.199.056	262.031.207
1 Cho vay khách hàng	9	305.637.310	265.161.676
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(3.438.254)	(3.130.469)
VIII Chứng khoán đầu tư		28.639.598	21.604.317
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11	16.386.007	6.558.244
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11	13.132.592	15.780.793
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12	(879.001)	(734.720)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	133.140	133.140
4 Đầu tư dài hạn khác		165.891	165.891
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(32.751)	(32.751)
X Tài sản cố định		4.866.063	4.817.506
1 Tài sản cố định hữu hình	14	532.986	498.334
a Nguyên giá		1.288.934	1.222.534
b Giá trị hao mòn lũy kế		(755.948)	(724.200)
3 Tài sản cố định vô hình	15	4.333.077	4.319.172
a Nguyên giá		4.623.350	4.590.235
b Giá trị hao mòn lũy kế		(290.273)	(271.063)
XII Tài sản Có khác	16	29.030.323	30.868.165
1 Các khoản phải thu		20.234.488	15.804.386
2 Các khoản lãi, phí phải thu		7.560.625	8.065.177
4 Tài sản Có khác		1.582.399	7.510.779
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(347.189)	(512.177)
TỔNG TÀI SẢN		412.679.593	365.254.318

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

		Thuyết minh	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	17	609.712	725.071
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	38.962.390	48.623.749
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		21.837.944	31.625.632
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		17.124.446	16.998.117
III	Tiền gửi của khách hàng	19	303.581.729	259.236.746
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	3.512.967	2.509.687
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	31.034.079	26.732.764
VII	Các khoản nợ khác	22	10.942.496	8.918.858
1	Các khoản lãi, phí phải trả		8.633.097	8.428.063
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		34.837	36.599
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		2.274.562	454.196
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		388.643.373	346.746.875
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn và các quỹ	23	24.036.220	18.507.443
1	Vốn		17.606.547	12.132.617
a	Vốn điều lệ	24	17.510.091	12.036.161
c	Thặng dư vốn cổ phần		101.716	101.716
d	Cổ phiếu quỹ		(5.260)	(5.260)
2	Các quỹ của tổ chức tín dụng		2.204.210	1.816.953
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(97.830)	(49.820)
5	Lợi nhuận chưa phân phối		4.323.293	4.607.693
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.036.220	18.507.443
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		412.679.593	365.254.318

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
--	-------------------------	-------------------------

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN

1	Bảo lãnh vay vốn	22.695	132.784
2	Cam kết giao dịch hối đoái	15.068.742	45.299.719
	<i>Cam kết mua ngoại tệ có kỳ hạn</i>	<i>1.046.075</i>	<i>4.900.326</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ có kỳ hạn</i>	<i>473.179</i>	<i>1.392.000</i>
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	<i>13.549.488</i>	<i>39.007.393</i>
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	16.434.126	12.906.854
5	Bảo lãnh khác	11.034.636	14.253.370

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Liên

Trưởng phòng kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát



Ngô Thị Vân

Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Lê

Tổng Giám đốc



Ngô Thu Hà

Phó Tổng Giám đốc

10.5 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

		Thuyết minh	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		31.287.120	27.682.704
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(21.353.921)	(19.852.265)
I	Thu nhập lãi thuần	26	9.933.199	7.830.439
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		749.200	883.881
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(226.451)	(189.775)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	522.749	694.106
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	124.713	156.272
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	1.293.111	464.149
5	Thu nhập từ hoạt động khác		452.687	378.101
6	Chi phí hoạt động khác		(104.117)	(136.365)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	348.570	241.736
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		(14.931)	2.334
VIII	Chi phí hoạt động	31	(4.299.189)	(3.951.732)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		7.908.222	5.437.304
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(4.640.222)	(2.410.964)
	• Chi phí dự phòng tín dụng		(4.569.270)	(2.410.964)
	• Trích lập bổ sung dự phòng cho các khoản thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy do lợi nhuận thực hiện vượt quá lợi nhuận kế hoạch	3(c)	(70.952)	-
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		3.268.000	3.026.340

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

		Thuyết minh	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)		3.268.000	3.026.340
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(662.750)	(571.851)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	1.762	(36.599)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(660.988)	(608.450)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		2.607.012	2.417.890
				(Đã điều chỉnh lại)
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33	1.514	1.563

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:  Người kiểm soát:  Người duyệt: 



Nguyễn Thị Liên Ngô Thị Vân Ngô Thu Hà Nguyễn Văn Lê
Trưởng phòng kế toán Tổng hợp Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc

10.6 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm




kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	31.775.999	28.808.225
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(21.074.082)	(16.774.395)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	537.007	560.951
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	1.355.959	731.395
05 Thu nhập khác	257.524	79.769
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	91.046	161.967
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(4.229.623)	(3.833.891)
08 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(439.256)	(741.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	8.274.574	8.992.282
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(5.292.424)	5.743.306
10 (Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(7.179.562)	27.615.108
11 Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	39.074	(114.718)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(40.475.634)	(48.172.795)
13 Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất	(3.872.177)	(3.738.522)
14 Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	967.592	(11.103.999)
Những thay đổi về nợ hoạt động		
15 Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(115.359)	(11.486.166)
16 (Giảm)/tăng tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(9.661.359)	3.689.960
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	44.344.983	34.012.605
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	4.301.315	10.011.028
19 Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	1.003.280	1.035.976
21 Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	1.594.605	(506.188)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(6.071.092)	15.977.877

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

		2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(116.006)	(146.714)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	536	1.892
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	21.000
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	(14.931)	2.334
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(130.401)	(121.488)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn điều lệ	2.959.560	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(445)	(436)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2.959.115	(436)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	(3.242.378)	15.855.953
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	50.822.384	34.966.431
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 34)	47.580.006	50.822.384

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:	Người kiểm soát	Người duyệt:
		
Nguyễn Thị Liên	Ngô Thị Vân	Nguyễn Văn Lê
Trưởng phòng kế toán Tổng hợp	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc



10.7 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

a. Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ("Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0041/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 13 tháng 11 năm 1993 với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNNVN ngày 11 tháng 9 năm 2009. Ngân hàng đã sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("HBB") và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel ("VVF") tương ứng vào các năm 2012 và 2017 theo đề án tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1800278630 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, được điều chỉnh lần thứ 27 vào ngày 27 tháng 5 năm 2019.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

b. Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 20, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi tám (58) chi nhánh, hai trăm lẻ năm (205) phòng giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1 Hội sở chính, 58 chi nhánh và 205 phòng giao dịch).

c. Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có bốn (4) công ty con như sau (31 tháng 12 năm 2019: bốn (4) công ty con):

Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB AMC")	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB FC")	Tài chính/Ngân hàng	100%

Tên công ty	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Lào ("SHB Lào")	Tài chính/ Ngân hàng	100%
Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Campuchia ("SHB Campuchia")	Tài chính/ Ngân hàng	100%

d. Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, SHB có 8.435 nhân viên (31/12/2019: 8.216 nhân viên).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của SHB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

c. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của SHB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của SHB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("triệu VND").

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được SHB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngoại trừ việc áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 như được mô tả trong thuyết minh 3(j)(ii), những chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

a. Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của SHB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ SHB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được SHB áp dụng.

b. Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

c. Chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án Sáp nhập HBB vào Ngân hàng 2016 - 2020

Đối với các khoản tổn động tài chính, chủ yếu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("HBB"), Ngân hàng đã được NHNNVN cho phép áp dụng các chính sách kế toán riêng trên cơ sở các giải pháp xử lý tài chính kiến nghị trong Đề án Sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016 - 2020 ("Đề án"). Các khoản tổn động tài chính được trích lập dự phòng theo chính sách kế toán riêng trong năm 2020 bao gồm:

- các khoản dư nợ cho vay tổn động của HBB (Thuyết minh 3(j)(ii) và 10(ii));
- các khoản góp vốn, mua cổ phần kém hiệu quả của HBB (Thuyết minh 3(h)(ii), 13(ii)). Từ năm 2020, theo phê duyệt của NHNNVN tại Công văn số 1007/NHNN-TTGSNH ngày 17 tháng 12 năm 2020 về phương án cơ cấu lại gắn với nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 của Ngân hàng, Ngân hàng trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật cho các khoản này;
- các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB (Thuyết minh 3(n) và 16(ii)).

Đối với các khoản tổn động tài chính này, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2020, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn số 856/NHNN-TTGSNH ngày 8 tháng 11 năm 2016 ("Công văn 856") về việc phê duyệt Đề án.

Ngoài ra, đối với các khoản dư nợ thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin") (được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - "SBIC"), một số công ty thành viên thuộc SBIC và các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines"), bao gồm các khoản dư nợ đã được hoán đổi (Thuyết minh 3(j)(ii) và Thuyết minh 10(ii) và các khoản dư nợ chưa được hoán đổi (Thuyết minh 3(n) và Thuyết minh 16(i)), theo Công văn 856, dự phòng trích lập cho

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

các khoản nợ này được phân bổ trong vòng 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024, theo chấp thuận tại Công văn số 559/NHNN-TTGSNHNN ngày 17 tháng 10 năm 2014 (“Công văn 559”).

Cuối năm, nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao thì Ngân hàng sẽ trích lập bổ sung dự phòng rủi ro trong phạm vi số lợi nhuận vượt kế hoạch nhưng không vượt quá mức quy định pháp lý hiện hành về trích lập dự phòng để rút ngắn thời gian trích lập dự phòng rủi ro.

d. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

e. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”) có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, SHB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại thuyết minh 3(j).

Theo Thông tư 02, SHB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

f. Chứng khoán kinh doanh

(i). Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán vốn chưa niêm yết được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

SHB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày SHB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii). Đo lường

Chứng khoán vốn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (“OTC”) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ kinh doanh sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SHB mua chứng khoán nợ kinh doanh sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iii). Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

g. Chứng khoán đầu tư

(i). Phân loại

Tại thời điểm mua, chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, SHB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà SHB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

(ii). Ghi nhận

SHB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày SHB nhận phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu chứng khoán này. Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(iii). Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được xác định là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán, bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(j). SHB không phải trích lập dự phòng chung cho các khoản mua giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam phát hành.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SHB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iv). Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(v). Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, Ngân hàng trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 ("Thông tư 14"). Theo đó, dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành được tính và trích lập theo nguyên tắc phân bổ đều hàng năm sao cho đến khi trái phiếu đặc biệt đáo hạn. Việc lập dự phòng được thực hiện mỗi năm trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày mỗi trái phiếu đặc biệt đến hạn theo công thức như sau:

$$X(m) = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X(m)$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m ;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ $m-1$;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m).

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq \frac{Y}{n} \times m$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng".

Theo quy định tại Thông tư 19 và Thông tư 14, Ngân hàng không trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Tại ngày trái phiếu được tắt toán, các khoản lãi phải phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ các khoản nợ được hạch toán vào khoản mục "Thu nhập từ hoạt động khác".

h. Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và SHB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà SHB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của SHB tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Áp dụng Chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tồn đọng tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 30, đối với các khoản góp vốn, mua cổ phần kém hiệu quả của HBB, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2020, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án. Từ năm 2020, theo phê duyệt của NHNNVN tại Công văn số 1007/NHNN-TTGSNH ngày 17 tháng 12 năm 2020 về phương án cơ cấu lại gắn với nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 của Ngân hàng, đối với các khoản góp vốn, mua cổ phần này, Ngân hàng trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật cho các khoản này.

(iii) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của SHB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi SHB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Đối với các khoản vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), SHB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(j).

j. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Ngoại trừ các khoản cho vay SBIC, một số công ty thành viên thuộc SBIC, các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang PVN, Vinalines và các khoản dư nợ cho vay tồn đọng của HBB, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với khoản nợ vay gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc	0%
	(b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc	5%
	(b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc	20%
	(b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc	
	(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. 	
	(e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc	50%
	(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc	
	(d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
	(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc	100%
	(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
	(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc	
	(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc	
	(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
	(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc	
	(g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 01 do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng chính phủ công bố hết dịch Covid-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn, giảm lãi, phí cho các khoản nợ này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- Tài sản đảm bảo có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của SHB, các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.
- Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của SHB.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
Vàng miếng, không bao gồm vàng miếng không có giá niêm yết, tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
Trái phiếu chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do SHB phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	95%
• Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	85%
• Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	80%
• Có thời hạn còn lại trên 5 năm	
Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
Bất động sản	50%
Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

SHB thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. SHB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như các khoản cho vay này được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c), đối với dư nợ cho vay tổn động của HBB, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2020, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án. Đối với các khoản cho vay SBIC, một số công ty thành viên thuộc SBIC, các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang PVN, Vinalines, Ngân hàng phân bổ dự phòng trích lập cho các khoản cho vay này trong vòng 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024 theo chấp thuận tại Công văn 559.

(iii) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(iv) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SHB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(j).

k. Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

SHB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của SHB.

Các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi hoặc lỗ từ hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

I. Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 7 năm

m. Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 - 46 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản vô hình khác được khấu hao trong vòng từ 4 đến 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

n. Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Ngoại trừ các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB và các khoản phải thu từ hoán đổi nợ SBIC, SHB xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí dự phòng rủi ro” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được xác định như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng theo Đề án nêu tại Thuyết minh 3(c), đối với các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2020, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án. Đối với khoản phải thu từ hoán đổi nợ SBIC, Ngân hàng phân bổ dự phòng cho khoản phải thu này trong vòng 10 năm từ năm 2014 đến năm 2024 theo chấp thuận tại Công văn 559.

o. Dự phòng khác

Một khoản dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 3(e), 3(g), 3(h), 3(j) và 3(n) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, SHB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

p. Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo nguyên giá.

q. Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

r. Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

s. Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi căn trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu.

t. Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và SHB FC

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng và SHB FC phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) SHAMC

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được SHB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng mẹ. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

(iii) SHB Lào

Theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi sửa đổi Số 46/NA ngày 26 tháng 12 năm 2013, SHB Lào phải trích lập các quỹ bắt buộc theo tỷ lệ sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ theo luật định	10% lợi nhuận sau thuế	50% vốn đăng ký
Quỹ phát triển kinh doanh và các quỹ khác	Theo quyết định của Ban Giám đốc	Không giới hạn

(iv) SHB Campuchia

Không có quy định về trích lập các quỹ bắt buộc.

u. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của SHB.

v. Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(j) và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước được ghi nhận khi SHB thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(j) hoặc được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước thì số lãi dự thu

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của SHB được xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, SHB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

w. Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

x. Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

y. Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

z. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

aa. Các bên liên quan

Các bên liên quan của SHB bao gồm các trường hợp sau đây:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của SHB;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SHB;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho SHB.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

bb. Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào SHB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SHB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

cc. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

SHB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của SHB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

dd. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SHB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SHB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	1.108.582	1.095.064
Tiền mặt bằng ngoại tệ	511.345	659.248
Vàng tiền tệ	-	489
	1.619.927	1.754.801

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN (i)	14.029.805	9.221.799
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	235.488	190.588
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	540.847	750.857
	14.806.140	10.163.244

(i) Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2020	31/12/2019
Số dư bình quân tháng trước của:		
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào ("LAK") và đồng tiền khác liên quan đến việc thành lập Công ty con của SHB tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi bằng đồng tiền khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng	10,00%	10,00%
Tiền gửi bằng đồng tiền khác LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5,00%	5,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	0,00%

Các khoản tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Campuchia Riels ("KHR") và đồng tiền khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi bằng đồng tiền khác KHR	12,50%	12,50%
Tiền gửi bằng KHR	8,00%	8,00%

Khoản dự trữ 8,00% bằng KHR không được hưởng lãi suất. Khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ, trong đó, khoản dự trữ 8,00% không được hưởng lãi suất và 4,50% còn lại được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.589.235	31.141.297
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.242.814	685.284
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	13.848.050	956.800
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.473.840	833.857
Cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		
Cho vay bằng VND	676	-
Cho vay bằng ngoại tệ khác	95.899	91.252
	31.250.514	33.708.490

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác thuộc Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	3.889	3.889
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (i)	(2.929)	(3.387)
	960	502

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	3.387	3.234
Trích lập dự phòng trong năm	(458)	153
Số dư cuối năm	2.929	3.387

8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(nợ phải trả) tài chính khác

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán)		
		Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.519.254	14.580	(400)	14.180
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	13.433.431	144.601	(24.909)	119.692
	14.952.685	159.181	(25.309)	133.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	6.292.326	58.767	(2.100)	56.667
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	39.007.521	161.546	(45.267)	116.279
	45.299.847	220.313	(47.367)	172.946

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	299.831.115	261.841.731
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	5.538.832	3.286.424
Các khoản trả thay khách hàng	266.033	32.191
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	1.330	1.330
	305.637.310	265.161.676

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	293.343.282	255.330.034
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	6.695.243	4.775.894
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	704.066	1.069.368
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	1.092.911	463.560
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	3.801.808	3.522.820
	305.637.310	265.161.676

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	123.223.955	105.434.514
Nợ trung hạn	89.780.591	80.133.227
Nợ dài hạn	92.632.764	79.593.935
	305.637.310	265.161.676

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2020 Triệu VND	%	31/12/2019 Triệu VND	%
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty Nhà nước	5.866.302	1,92	15.875.254	5,99
Công ty TNHH	83.807.007	27,42	49.455.701	18,65
Công ty cổ phần có hơn 50% vốn Nhà nước (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)	9.162.590	3,00	11.010.448	4,15
Công ty cổ phần khác	136.313.173	44,60	119.620.270	45,11
Công ty hợp danh	293.831	0,10	169.067	0,06
Doanh nghiệp tư nhân	5.007.422	1,64	3.883.948	1,46
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	364.178	0,12	431.670	0,16
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	53.209	0,02	370.416	0,14
Cho vay cá nhân				
Hộ kinh doanh, cá nhân	64.669.348	21,16	63.801.902	24,07
Cho vay khác				
Thành phần kinh tế khác	100.250	0,02	543.000	0,21
	305.637.310	100,00	265.161.676	100,00

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2020 Triệu VND	%	31/12/2019 Triệu VND	%
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	68.944.538	22,56	44.733.777	16,87
Nông lâm nghiệp, thủy sản	51.075.031	16,71	43.243.886	16,31
Công nghiệp chế biến, chế tạo	42.392.388	13,87	39.292.368	14,82
Xây dựng	42.258.279	13,83	36.771.735	13,87
Hoạt động kinh doanh bất động sản	23.671.149	7,74	22.302.690	8,41
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	16.883.004	5,52	18.262.849	6,89
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.780.208	2,55	4.438.261	1,67
Khai khoáng	2.638.804	0,86	3.225.156	1,22
Vận tải, kho bãi	4.257.505	1,39	2.379.839	0,90
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.775.533	0,58	1.696.564	0,64
Hoạt động tài chính, bảo hiểm	1.139.964	0,37	1.542.296	0,58
Thông tin và truyền thông	138.481	0,05	507.655	0,19
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	398.846	0,13	414.001	0,16
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	197.529	0,06	211.064	0,08
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	92.479	0,03	121.841	0,05
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	72.447	0,02	103.752	0,04
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	67.171	0,02	74.934	0,03
Giáo dục và đào tạo	275.261	0,09	226.017	0,09
Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	35.173	0,01	19.346	0,01
Hoạt động dịch vụ khác	41.543.520	13,61	45.593.645	17,17
	305.637.310	100,00	265.161.676	100,00

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Cho vay bằng VND	3,50% - 10,35%	6,00% - 12,05%
Cho vay bằng USD	1,80% - 4,40%	2,10% - 5,30%
Cho vay bằng ngoại tệ khác	1,50% - 2,50%	2,10% - 5,30%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	2.186.737	1.931.791
Dự phòng cụ thể (ii)	1.251.517	1.198.678
	<u>3.438.254</u>	<u>3.130.469</u>

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.931.791	1.492.247
Dự phòng trích lập trong năm	256.952	439.910
Chênh lệch tỷ giá	(2.006)	(366)
	<u>2.186.737</u>	<u>1.931.791</u>

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.198.678	1.509.982
Dự phòng trích lập trong năm	3.032.740	2.489.250
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.979.772)	(2.799.374)
Chênh lệch tỷ giá	(129)	(1.180)
	<u>1.251.517</u>	<u>1.198.678</u>

Bao gồm trong dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng và dự phòng rủi ro cho các khoản dư nợ cho vay tồn đọng của HBB là dự phòng rủi ro cho các khoản dư nợ thuộc SBIC, một số công ty thành viên thuộc SBIC, các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang PVN, Vinalines. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 3(c) để ghi nhận dự phòng rủi ro cho các khoản nợ này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	16.386.007	6.558.244
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	13.132.592	15.780.793
	29.518.599	22.339.037

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	4.221.179	1.719.179
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.597.469	4.276.985
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	10.505.905	500.626
Chứng khoán vốn		
Cổ phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	796	796
Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	60.658	60.658
	16.386.007	6.558.244

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán				
Trái phiếu Chính phủ	5 - 15 năm	4,30% - 15,00%	5 - 15 năm	3,90% - 15,00%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	1 - 10 năm	5,50% - 8,80%	1 - 10 năm	5,50% - 9,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1 - 15 năm	9,00% - 12,20%	1 - 15 năm	9,00% - 11,30%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ	8.359.146	7.700.901
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	3.049.371
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	526.536	526.536
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	4.246.910	4.503.985
	13.132.592	15.780.793

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn				
Trái phiếu Chính phủ	5 - 15 năm	4,30% - 11,50%	5 - 15 năm	4,30% - 8,90%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	1 - 10 năm	Không có	1 - 10 năm	7,00% - 8,20%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	10 năm	8,90%	5 - 10 năm	8,90%

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính phủ bảo lãnh) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.724.910	7.915.518
Nợ có khả năng mất vốn	817.000	350.000
	12.541.910	8.265.518

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

12. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (i)	117.966	212.437
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (ii)	761.035	522.283
	879.001	734.720

(i) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn Triệu VND	Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	32.993	30.510	148.934	212.437
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(14.596)	(111.000)	(125.596)
Biến động khác	-	31.125	-	31.125
	32.993	47.039	37.934	117.966

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn Triệu VND	Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	33.036	83.037	75.000	191.073
Dự phòng (hoàn nhập)/ trích lập trong năm	(43)	(52.527)	73.934	21.364
	32.993	30.510	148.934	212.437

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC Triệu VND	Dự phòng rủi ro trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	499.209	23.074	522.283
Trích lập trong năm	257.877	12.000	269.877
Biến động khác	-	(31.125)	(31.125)
	757.086	3.949	761.035

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC (*) Triệu VND	Dự phòng rủi ro trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	1.670.698	65.449	1.736.147
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.171.489)	(42.375)	(1.213.864)
	499.209	23.074	522.283

13. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Đầu tư góp vốn dài hạn khác - giá gốc (i)	165.891	165.891
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn (ii)	(32.751)	(32.751)
	133.140	133.140

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	121.877	121.877
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	44.014	44.014
	165.891	165.891

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số dư đầu năm	32.751	5.983
Dự phòng trích lập trong năm	-	27.731
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(963)
Số dư cuối năm	32.751	32.751

Bao gồm trong dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng rủi ro cho các khoản góp vốn, mua cổ phần kém hiệu quả của HBB. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 3(c) để ghi nhận dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

14. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Các tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	478.467	325.299	226.696	190.940	1.132	1.222.534
Tăng trong năm	10.166	22.674	22.154	38.914	776	94.684
Thanh lý, nhượng bán	(5.801)	(2.040)	(4.258)	(1.265)	-	(13.364)
Phân loại lại	(7.508)	(58.463)	2.394	50.080	(472)	(13.969)
Chênh lệch tỷ giá	(53)	(397)	(324)	(139)	(38)	(951)
Số dư cuối năm	475.271	287.073	246.662	278.530	1.398	1.288.934
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	170.390	243.185	152.965	157.367	293	724.200
Khấu hao trong năm	10.179	10.359	16.830	16.771	224	54.363
Thanh lý, nhượng bán	(5.566)	(2.033)	(4.165)	(1.236)	-	(13.000)
Phân loại lại	(921)	(18.911)	2.086	8.814	(98)	(9.030)
Chênh lệch tỷ giá	(37)	(257)	(212)	(71)	(8)	(585)
Số dư cuối năm	174.045	232.343	167.504	181.645	411	755.948
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	308.077	82.114	73.731	33.573	839	498.334
Số dư cuối năm	301.226	54.730	79.158	96.885	987	532.986

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá là 371.518 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 397.341 triệu VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	396.154	383.683	232.312	90.787	37.699	1.140.635
Tăng trong năm	42.402	37.863	14.637	12.874	3.868	111.644
Biến động khác	39.985	(95.898)	(19.967)	87.365	(40.430)	(28.945)
Chênh lệch tỷ giá	(74)	(349)	(286)	(86)	(5)	(800)
Số dư cuối năm	478.467	325.299	226.696	190.940	1.132	1.222.534
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	110.410	286.314	148.514	83.054	26.669	654.961
Khấu hao trong năm	33.777	24.641	19.256	19.572	907	98.153
Biến động khác	26.248	(67.568)	(14.736)	54.791	(27.281)	(28.546)
Chênh lệch tỷ giá	(45)	(202)	(69)	(50)	(2)	(368)
Số dư cuối năm	170.390	243.185	152.965	157.367	293	724.200
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	285.744	97.369	83.798	7.733	11.030	485.674
Số dư cuối năm	308.077	82.114	73.731	33.573	839	498.334

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

15. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.280.834	278.157	31.244	4.590.235
Tăng trong năm	6	21.316	-	21.322
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.214)	-	(1.214)
Biến động khác	-	16.492	(2.949)	13.543
Chênh lệch tỷ giá	-	(239)	(297)	(536)
Số dư cuối năm	4.280.840	314.512	27.998	4.623.350
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.121	245.851	19.091	271.063
Khấu hao trong năm	158	10.678	1.580	12.416
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.139)	-	(1.139)
Biến động khác	-	8.594	(123)	8.471
Chênh lệch tỷ giá	-	(240)	(298)	(538)
Số dư cuối năm	6.279	263.744	20.250	290.273
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.274.713	32.306	12.153	4.319.172
Số dư cuối năm	4.274.561	50.768	7.748	4.333.077

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.281.049	219.319	44.292	4.544.660
Tăng trong năm	-	30.540	4.530	35.070
Biến động khác	(215)	28.515	(17.311)	10.989
Chênh lệch tỷ giá	-	(217)	(267)	(484)
Số dư cuối năm	4.280.834	278.157	31.244	4.590.235
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.963	199.642	32.295	237.900
Khấu hao trong năm	158	21.057	1.503	22.718
Biến động khác	-	25.369	(14.440)	10.929
Chênh lệch tỷ giá	-	(217)	(267)	(484)
Số dư cuối năm	6.121	245.851	19.091	271.063
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.275.086	19.677	11.997	4.306.760
Số dư cuối năm	4.274.713	32.306	12.153	4.319.172

16. Tài sản Có khác

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu VND	Triệu VND
Mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	264.562	190.192
Các khoản phải thu khác	19.969.926	15.614.194
<i>Trong đó:</i>		
• Phải thu liên quan đến thư tín dụng trả chậm	14.877.323	10.207.113
• Phải thu hợp đồng mua bán nợ	187.500	187.500
• Phải thu tiền bán trái phiếu	2.529.471	2.799.020
• Phải thu khác	2.375.632	2.420.561
Các khoản lãi, phí phải thu	7.560.625	8.065.177
Tài sản Có khác (i)	1.582.399	7.510.779
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác (ii)	(347.189)	(512.177)
	29.030.323	30.868.165

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(i) Tài sản Có khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tài sản gán nợ chờ xử lý	587.696	616.618
Chi phí chờ phân bổ	312.651	570.745
Chênh lệch từ hoán đổi nợ của SBIC lấy trái phiếu DATC (*)	382.632	708.584
Hàng hóa bất động sản	4.948	14.840
Các khoản ủy thác đầu tư	-	892.013
Tài sản Có khác	294.472	4.707.979
	1.582.399	7.510.779

(*) Ngày 12 tháng 9 năm 2013, Ngân hàng tiến hành hoán đổi các khoản nợ SBIC lấy các trái phiếu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam ("DATC"). Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản nợ đã hoán đổi và giá trị của các trái phiếu DATC được ghi nhận là tài sản Có khác. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 3(n) và phân bổ khoản nợ này trong vòng 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024.

(ii) Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác để bán bao gồm:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Dự phòng rủi ro các tài sản Có khác	347.189	70.219
Dự phòng rủi ro các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư	-	441.958
	347.189	512.177

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dự phòng rủi ro các khoản ủy thác đầu tư (*) Triệu VND	Dự phòng rủi ro các tài sản Có khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư đầu năm	441.958	70.219	512.177
Dự phòng trích lập trong năm	450.055	277.362	727.417
Sử dụng dự phòng trong năm	(892.013)	(392)	(892.405)
Số dư cuối năm	-	347.189	347.189

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dự phòng rủi ro các khoản ủy thác đầu tư (*)	Dự phòng rủi ro các tài sản Có khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	616.400	36.816	653.216
Dự phòng trích lập trong năm	759.853	37.293	797.146
Sử dụng dự phòng trong năm	(934.295)	(3.890)	(938.185)
Số dư cuối năm	441.958	70.219	512.177

(*) Đây là dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 3(c) để ghi nhận dự phòng cho các khoản ủy thác đầu tư này.

17. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền vay tại NHNNVN	609.712	725.071

18. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	9.445.283	23.034.754
Bằng ngoại tệ	230.572	199.205
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	9.745.260	5.920.619
Bằng ngoại tệ	2.416.829	2.471.054
	21.837.944	31.625.632
Vay các TCTD khác		
Vay các TCTD khác bằng VND	-	5.661.238
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	571.576	-
Tiền vay từ các dự án tài chính (*)	1.569.714	1.129.766
Phải trả trong nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm	14.983.156	10.207.113
	17.124.446	16.998.117
	38.962.390	48.623.749

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(*) Đây là các khoản vay theo Dự án Tài chính Nông thôn II và Dự án Tài chính Nông thôn III từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới để cho các hộ gia đình vay lại với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của SHB trong từng giai đoạn.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,40% - 5,90%	1,40% - 5,80%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 2,00%	0,00% - 2,40%
Tiền vay bằng VND	1,08% - 6,30%	1,40% - 6,28%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,80% - 3,70%	0,00% - 4,02%

19. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	26.601.626	17.553.358
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.529.891	1.354.645
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	263.414.503	226.424.366
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	10.641.658	12.813.131
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	1.366.802	1.053.929
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	24.667	36.945
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	2.474	338
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	108	34
	303.581.729	259.236.746

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	89.125.139	76.514.596
Tiền gửi của cá nhân	205.222.886	174.810.603
Tiền gửi của các đối tượng khác	9.233.704	7.911.547
	303.581.729	259.236.746

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,80% - 7,00%	1,00% - 7,80%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 1,80%	0,00% - 2,00%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn của SHB, phù hợp với quy định của NHNNVN.

20. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và III (i)	353.916	483.050
Vay dài hạn Dự án Phát triển Năng lượng tái tạo (ii)	806.381	861.994
Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ lưới điện thông minh (iii)	462.400	463.300
Dự án nhận vốn IIB (iv)	1.890.270	701.343
	3.512.967	2.509.687

- (i) Đây là các khoản vay theo Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III từ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thông qua Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA để cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp lệ vay lại. Lãi suất cho vay tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ tùy theo mức lãi suất áp dụng của SHB trong từng giai đoạn.
- (ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế thông qua Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, để cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo vay lại. Lãi suất cho vay tới các dự án do NHNNVN công bố hàng quý, được điều chỉnh bởi biên độ lãi suất và tỷ lệ giảm trừ do Bộ Tài chính quy định.
- (iii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) để tài trợ cho việc đầu tư mạng lưới điện cao thế tại Việt Nam. Cơ quan thực hiện dự án là Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVN NPT).
- (iv) Đây là khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Quốc Tế (IIB) để tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng tại Việt Nam và các hợp đồng xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa đến hoặc từ các quốc gia thành viên IIB. Lãi suất cho mỗi khoản vay của mỗi kỳ trả lãi là tỷ lệ phần trăm trên một năm, là tổng số của lợi nhuận biên và LIBOR.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

21. Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành được phân loại theo loại hình như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi	15.373.802	15.231.289
Kỳ phiếu	9.410.277	4.351.000
Trái phiếu	6.250.000	7.150.475
	31.034.079	26.732.764

22. Các khoản nợ khác

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	8.633.097	8.428.063
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.837	36.599
Các khoản phải trả nội bộ	58.576	58.222
• Các khoản phải trả công nhân viên	17.021	14.234
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.555	43.988
Các khoản phải trả bên ngoài	2.215.986	395.974
• Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước (i)	320.946	90.064
• Các khoản phải trả khác	1.895.040	305.910
	10.942.496	8.918.858

(i) Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	9.263	7.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	275.535	52.041
Các loại thuế khác	36.148	30.768
	320.946	90.064

Chi tiết biến động thuế phải nộp được trình bày tại Thuyết minh 37.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

23. Vốn và các quỹ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của SHB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	12.036.161	101.716	(5.260)	37.413	1.181.879	596.639	1.022	(49.820)	4.607.693	18.507.443
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập bổ sung dự phòng rủi ro theo Đ án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	12.036.161	101.716	(5.260)	37.413	1.181.879	596.639	1.022	(49.820)	4.607.693	18.507.443
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.607.012	2.607.012
Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức (Thuyết minh 25)	2.514.370	-	-	-	-	-	-	-	(2.514.370)	-
Phát hành cổ phiếu công chúng trong năm	2.959.560	-	-	-	-	-	-	-	-	2.959.560
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	6.589	248.984	132.994	-	-	(388.567)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(317)	-	(993)	-	(48.010)	11.525	(37.795)
Số dư tại ngày 31/12/2020	17.510.091	101.716	(5.260)	43.685	1.430.863	728.640	1.022	(97.830)	4.323.293	24.036.220

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

24. Vốn cổ phần

	31/12/2020		31/12/2019	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá Triệu VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	1.751.009.094	17.510.091	1.203.616.110	12.036.161
Số cổ phiếu được mua lại				
Cổ phiếu phổ thông	496.186	4.962	496.186	4.962
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.750.512.908	17.505.129	1.203.119.924	12.031.199

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của SHB là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của SHB. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

25. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 đã thông qua phương án cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và 2018 cho cổ đông. Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 21 tháng 2 năm 2020 gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành 251.437.035 cổ phiếu để trả cổ tức.

26. Thu nhập lãi thuần

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Tiền gửi tại các TCTD khác	185.627	547.703
Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	29.293.395	24.378.254
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	1.551.817	2.567.879
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	133.411	114.948
Các hoạt động tín dụng khác	122.870	73.920
	31.287.120	27.682.704
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Tiền gửi từ khách hàng và các TCTD khác	18.215.021	17.023.385
Tiền vay và vốn ủy thác	643.795	962.475
Giấy tờ có giá đã phát hành	2.476.723	1.845.538
Chi phí hoạt động tín dụng khác	18.382	20.867
	21.353.921	19.852.265
Thu nhập lãi thuần	9.933.199	7.830.439

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

27. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	262.149	222.264
Dịch vụ ngân quỹ	18.104	17.049
Dịch vụ khác	468.947	644.568
	<u>749.200</u>	<u>883.881</u>
Chi phí hoạt động dịch vụ cho		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	55.233	50.355
Dịch vụ ngân quỹ	27.072	30.275
Dịch vụ khác	144.146	109.145
	<u>226.451</u>	<u>189.775</u>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	<u>522.749</u>	<u>694.106</u>

28. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	483.015	697.165
Các công cụ phái sinh tiền tệ	599.932	731.084
Thu nhập kinh doanh vàng	385	90
	<u>1.083.332</u>	<u>1.428.339</u>
Chi phí về kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	470.692	583.461
Các công cụ phái sinh tiền tệ	487.685	688.584
Chi phí kinh doanh vàng	242	22
	<u>958.619</u>	<u>1.272.067</u>
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	<u>124.713</u>	<u>156.272</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

29. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	1.466.235	600.605
Lỗ từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(159.830)	(129.773)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư trích lập trong năm	(13.294)	(6.683)
	1.293.111	464.149

30. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu hồi nợ đã xử lý trong những năm trước	91.046	161.967
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	761	2.555
Thu nhập từ công vụ tài chính phái sinh	69.514	106.673
Thu nhập khác	291.366	106.906
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	452.687	378.101
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi hỗ trợ công tác xã hội	17.450	6.645
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	228	441
Chi phí từ công vụ tài chính phái sinh	49.175	104.807
Chi về hoạt động kinh doanh khác	37.264	24.472
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	104.117	136.365
	348.570	241.736

31. Chi phí hoạt động

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	66.299	70.335
Chi phí cho nhân viên	2.705.535	2.305.011
Chi về tài sản	446.779	504.694
<i>Trong đó:</i>		
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>	66.779	120.871
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	802.895	844.516
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	277.681	228.102
Hoàn nhập dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn khác	-	(926)
	4.299.189	3.951.732

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	662.750	571.851
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.762)	36.599
	660.988	608.450

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	3.268.000	3.026.340
Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng	653.600	605.268
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các ngân hàng con, công ty con	3.400	3.649
Chi phí không được khấu trừ	1.002	-
Thu nhập không bị tính thuế	2.986	(467)
	660.988	608.450

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Ngân hàng là 20% cho năm 2020 (Năm 2019: 20%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.607.012	2.417.890
Trích lập bổ sung dự phòng rủi ro theo Đề án	-	(143.853)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	2.607.012	2.274.037

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 VND	2019 (điều chỉnh lại) VND	2019 (theo báo cáo trước đây) VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.203.119.924	1.203.119.924	1.203.119.924
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	251.437.035	251.437.035	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	267.576.611	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	1.722.133.570	1.454.556.959	1.203.119.924

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 (điều chỉnh lại) VND	2019 (theo báo cáo trước đây) VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.514	1.563	1.890

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

34. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.619.927	1.754.801
Tiền gửi tại NHNNVN	14.806.140	10.163.244
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	14.832.049	31.826.581
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	16.321.890	7.077.758
	47.580.006	50.822.384

35. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2020 Triệu VND	2019 Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	8.435	8.216
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	2.143.466	2.003.219
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND)	21,18	20,32

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SHB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của SHB.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số dư	
	31/12/2020 Triệu VND Tài sản/ (Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu)	31/12/2019 Triệu VND Tài sản/ (Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu)
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn T&T</i>		
Nhận góp vốn	(1.750.461)	(1.199.768)
Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(390.657)	(111.859)
Lãi dự trả tiền gửi	(530)	(518)
<i>Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội</i>		
Góp vốn	42.857	42.857
Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(527.948)	(208.901)
Lãi dự trả tiền gửi	(15.867)	(3.814)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Giao dịch	
	2020 Triệu VND Doanh thu/ (chi phí)	2019 Triệu VND Doanh thu/ (chi phí)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành		
Thù lao của Hội đồng Quản trị	35.210	38.611
Lương, thưởng của Ban Điều hành	29.298	27.492

37. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	1/1/2020 Phải trả Triệu VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2020 Phải trả Triệu VND
		Phát sinh tăng Triệu VND	Phát sinh giảm Triệu VND	
Thuế giá trị gia tăng	7.255	91.690	(89.682)	9.263
Thuế TNDN	52.041	662.750	(439.256)	275.535
Các loại thuế khác	30.768	264.369	(258.989)	36.148
	90.064	1.018.809	(787.927)	320.946

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	1/1/2019 Phải trả Triệu VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2019 Phải trả Triệu VND
		Phát sinh tăng Triệu VND	Phát sinh giảm Triệu VND	
Thuế giá trị gia tăng	35.912	90.803	(119.460)	7.255
Thuế TNDN	221.929	571.851	(741.739)	52.041
Các loại thuế khác	18.156	187.111	(174.499)	30.768
	275.997	849.765	(1.035.698)	90.064

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

38. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thu nhập lãi thuần	7.089.560	567.470	1.891.371	384.798	9.933.199
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	392.170	24.471	73.260	32.848	522.749
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	105.829	2.675	16.316	(107)	124.713
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.289.370	302	3.439	-	1.293.111
Lãi thuần từ hoạt động khác	326.102	5.373	15.522	1.573	348.570
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(14.931)	-	-	-	(14.931)
Chi phí hoạt động	(3.244.917)	(275.658)	(633.099)	(145.515)	(4.299.189)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.943.183	324.633	1.366.809	273.597	7.908.222
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.389.051)	(64.618)	(162.459)	(24.094)	(4.640.222)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.554.132	260.015	1.204.350	249.503	3.268.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.089.485	130.661	333.951	65.830	1.619.927
Tiền gửi tại NHNNVN	14.016.581	8.831	5.536	775.192	14.806.140
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	30.406.027	1.853	1.973	840.661	31.250.514
Chứng khoán kinh doanh	960	-	-	-	960
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	133.872	-	-	-	133.872
Cho vay khách hàng	218.845.314	21.793.868	52.597.690	8.962.184	302.199.056
Chứng khoán đầu tư	28.639.538	-	60	-	28.639.598
Góp vốn, đầu tư dài hạn	133.140	-	-	-	133.140
Tài sản cố định	4.776.478	23.828	52.450	13.307	4.866.063
Tài sản Có khác	19.862.303	2.946.358	6.026.617	195.045	29.030.323
Tổng tài sản	317.903.698	24.905.399	59.018.277	10.852.219	412.679.593
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	609.712	-	-	-	609.712
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	32.163.530	5.745	875	6.792.240	38.962.390
Tiền gửi của khách hàng	234.426.331	18.141.943	49.217.823	1.795.632	303.581.729
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	3.512.967	-	-	-	3.512.967
Phát hành giấy tờ có giá	24.667.069	3.300.079	3.066.931	-	31.034.079
Các khoản nợ khác	8.391.403	597.616	1.128.299	825.178	10.942.496
Tổng nợ phải trả	303.771.012	22.045.383	53.413.928	9.413.050	388.643.373

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thu nhập lãi thuần	5.202.513	349.964	1.941.786	336.176	7.830.439
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	558.484	27.023	71.318	37.281	694.106
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	140.071	3.260	16.698	(3.757)	156.272
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	464.123	3	23	-	464.149
Lãi thuần từ hoạt động khác	128.748	13.061	87.880	12.047	241.736
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	2.334	-	-	-	2.334
Chi phí hoạt động	(2.881.691)	(281.448)	(636.110)	(152.483)	(3.951.732)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.614.582	111.863	1.481.595	229.264	5.437.304
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.807.292)	18.784	(645.487)	23.031	(2.410.964)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.807.290	130.647	836.108	252.295	3.026.340

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019					
	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.223.974	146.587	308.547	75.693	1.754.801
Tiền gửi tại NHNNVN	9.207.302	11.502	4.132	940.308	10.163.244
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	33.106.986	3.090	2.667	595.747	33.708.490
Chứng khoán kinh doanh	502	-	-	-	502
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	172.946	-	-	-	172.946
Cho vay khách hàng	181.429.238	21.038.267	51.106.771	8.456.931	262.031.207
Chứng khoán đầu tư	21.604.317	-	-	-	21.604.317
Góp vốn, đầu tư dài hạn	133.140	-	-	-	133.140
Tài sản cố định	4.722.689	24.065	52.220	18.532	4.817.506
Tài sản Có khác	29.441.874	784.014	466.326	175.951	30.868.165
Tổng tài sản	281.042.968	22.007.525	51.940.663	10.263.162	365.254.318
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	725.071	-	-	-	725.071
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	42.168.798	50.146	136	6.404.669	48.623.749
Tiền gửi của khách hàng	196.824.577	16.299.840	45.216.722	895.607	259.236.746
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	2.509.687	-	-	-	2.509.687
Phát hành giấy tờ có giá	23.027.976	1.955.973	1.748.815	-	26.732.764
Các khoản nợ khác	5.713.725	570.917	1.138.884	1.495.332	8.918.858
Tổng nợ phải trả	270.969.834	18.876.876	48.104.557	8.795.608	346.746.875

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động

	Tín dụng Triệu VND	Đầu tư Triệu VND	Dịch vụ Triệu VND	Kinh doanh và huy động vốn Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Doanh thu	29.549.676	2.954.710	582.914	804.600	33.891.900
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản bộ phận	309.476.991	29.443.602	242.746	47.408.108	386.571.447
Tài sản phân bổ	15.624.871	47.848	10.278.831	156.596	26.108.146
Tổng tài sản	325.101.862	29.491.450	10.521.577	47.564.704	412.679.593
Nợ phải trả bộ phận	(534.475)	-	(930.983)	(385.826.781)	(387.292.239)
Nợ phân bổ	(808.611)	(2.476)	(531.943)	(8.104)	(1.351.134)
Tổng nợ phải trả	(1.343.086)	(2.476)	(1.462.926)	(385.834.885)	(388.643.373)
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Doanh thu	24.567.122	3.190.634	679.419	1.130.266	29.567.441
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Tài sản bộ phận	270.233.255	22.901.446	205.923	45.452.598	338.793.222
Tài sản phân bổ	17.577.018	41.364	8.714.027	128.687	26.461.096
Tổng tài sản	287.810.273	22.942.810	8.919.950	45.581.285	365.254.318
Nợ phải trả bộ phận	(534.475)	-	(930.983)	(385.826.781)	(387.292.239)
Nợ phân bổ	(808.611)	(2.476)	(531.943)	(8.104)	(1.351.134)
Tổng nợ phải trả	(1.343.086)	(2.476)	(1.462.926)	(385.834.885)	(388.643.373)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

39. Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà SHB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SHB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Định hướng của SHB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp SHB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, SHB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, SHB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của SHB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, SHB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép SHB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

(b) Rủi ro tín dụng

SHB chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi SHB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi SHB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà SHB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của SHB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra SHB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

SHB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

SHB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của SHB có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

SHB đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được NHNNVN chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

Các tài sản tài chính “Đã quá hạn nhưng chưa phải trích lập dự phòng (“TLDP)” chủ yếu bao gồm các khoản cho vay khách hàng được SHB phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản phải thu quá hạn theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 nhưng không phải trích lập dự phòng.

Các tài sản tài chính “Quá hạn và đã được TLDP đầy đủ” bao gồm các khoản cho vay khách hàng được SHB phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản phải thu quá hạn theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 phải trích lập dự phòng và đã được SHB trích lập dự phòng đầy đủ.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của SHB, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	(Triệu VND)							
	Chưa quá hạn và chưa phải TLDP	Quá hạn từ 10 đến 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Đã quá hạn nhưng chưa phải TLDP	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Quá hạn và đã được TLDP	Tổng cộng
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	14.806.140	-	-	-	-	-	-	14.806.140
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - thuần	31.250.514	-	-	-	-	-	-	31.250.514
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	133.872	-	-	-	-	-	-	133.872
Cho vay khách hàng - thuần	291.526.345	3.219.199	62.924	187.511	456.160	6.746.917	6.746.917	302.199.056
Chứng khoán đầu tư - thuần	27.982.071	-	-	-	-	629.066	629.066	28.611.137
Tài sản tài chính khác - thuần	28.822.638	-	-	-	-	207.685	207.685	29.030.323
	394.521.580	3.219.199	62.924	187.511	456.160	7.583.668	7.583.668	406.031.042

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	(Triệu VND)							
	Chưa quá hạn và chưa phải TLDP	Quá hạn từ 10 đến 90 ngày	Đã quá hạn nhưng chưa phải TLDP	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Quá hạn và đã được TLDP	Tổng cộng
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	10.163.244	-	-	-	-	-	-	10.163.244
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - thuần	33.708.490	-	-	-	-	-	-	33.708.490
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	172.946	-	-	-	-	-	-	172.946
Cho vay khách hàng - thuần	251.505.860	3.499.147	664.650	91.402	1.018.664	5.251.484	262.031.207	
Chứng khoán đầu tư - thuần	21.374.790	-	-	-	-	201.066	21.575.856	
Tài sản tài chính khác - thuần	30.185.988	-	-	-	-	682.177	30.868.165	
	347.111.318	3.499.147	664.650	91.402	1.018.664	6.134.727	358.519.908	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Chi tiết về các tài sản đảm bảo SHB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 Triệu VND	31/12/2019 Triệu VND
Bất động sản	316.125.120	275.018.822
Động sản	57.340.972	59.105.271
Giấy tờ có giá	52.904.021	51.609.368
Các tài sản đảm bảo khác	404.157.771	347.660.102
	830.527.884	733.393.563

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình SHB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của SHB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của SHB. SHB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của SHB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Quá hạn			Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm		
								Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	-	1.619.927	-	-	-	-	-	1.619.927
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	14.806.140	-	-	-	-	-	14.806.140
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - góp	-	-	29.797.688	1.452.150	-	676	-	-	31.250.514
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	3.889	-	-	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh	-	-	11.197	85.494	37.181	-	-	-	133.872
Cho vay khách hàng - góp	5.598.785	6.695.243	16.014.685	38.406.477	72.535.680	86.650.662	79.735.778	305.637.310	
Chứng khoán đầu tư - góp	817.000	-	61.454	301.846	6.886.789	6.703.887	14.747.623	29.518.599	
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	165.891	165.891	
Tài sản cố định	-	-	1.609.069	9	6.761	71.114	3.179.110	4.866.063	
Tài sản Có khác - góp	187.500	-	16.434.762	5.762.442	6.938.161	49.121	5.526	29.377.512	
	6.603.285	6.695.243	80.358.811	46.008.418	86.404.572	93.475.460	97.833.928	417.379.717	
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	77.008	532.704	-	-	-	609.712
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	21.651.933	7.908.904	7.937.931	1.313.027	150.595	38.962.390	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	77.538.326	56.581.589	124.789.892	44.670.250	1.672	303.581.729	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	6.800	47.626	633.974	2.285.591	538.976	3.512.967	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	979.709	2.073.117	7.057.337	9.096.548	11.827.368	31.034.079	
Các khoản nợ khác	-	-	10.942.496	-	-	-	-	10.942.496	
	6.603.285	6.695.243	(30.760.453)	(20.679.826)	(54.547.266)	36.110.044	85.315.317	28.736.344	
Mức chênh lệch thanh khoản thuần									

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.754.801	-	-	-	-	1.754.801
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	10.163.244	-	-	-	-	10.163.244
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	32.388.970	1.280.412	39.108	-	-	33.708.490
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	3.889	-	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh	-	-	(7.433)	31.687	148.692	-	-	172.946
Cho vay khách hàng - gộp	4.907.705	4.923.937	18.085.112	27.031.555	58.917.358	81.072.401	70.223.608	265.161.676
Chứng khoán đầu tư - gộp	350.000	-	1.611.452	2.000.000	1.004.168	8.776.120	8.597.297	22.339.037
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	165.891	165.891
Tài sản cố định	-	-	1.608.500	245	10.061	224.901	2.973.799	4.817.506
Tài sản Có khác - gộp	892.013	-	21.411.675	3.426.254	5.461.849	181.979	6.572	31.380.342
	6.149.718	4.923.937	87.020.210	33.770.153	65.581.236	90.255.401	81.967.167	369.667.822
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	192.367	532.704	-	-	725.071
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	27.848.514	12.307.983	7.824.579	537.674	104.999	48.623.749
Tiền gửi của khách hàng	-	-	66.076.449	40.263.915	108.518.654	44.374.626	3.102	259.236.746
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	9.143	52.466	134.943	1.664.879	648.256	2.509.687
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.653.000	2.900.000	6.040.414	9.614.780	6.524.570	26.732.764
Các khoản nợ khác	-	-	8.918.858	-	-	-	-	8.918.858
	-	-	104.505.964	55.716.731	123.051.294	56.191.959	7.280.927	346.746.875
Mức chênh lệch thanh khoản thuận	6.149.718	4.923.937	(17.485.754)	(21.946.578)	(57.470.058)	34.063.442	74.686.240	22.920.947

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(d) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của SHB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng. SHB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phân quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của SHB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kế toán năm cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.619.927	-	-	-	-	-	-	1.619.927
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	14.806.140	-	-	-	-	-	14.806.140
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - góp	-	-	29.797.688	1.452.150	-	-	676	-	31.250.514
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	3.889	-	-	-	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	133.872	-	-	-	-	-	-	133.872
Cho vay khách hàng - góp	12.294.028	-	86.277.333	170.313.950	6.903.269	5.617.107	21.422.030	2.809.593	305.637.310
Chứng khoán đầu tư - góp	817.000	4.308.363	1.608.288	1.792.779	7.179.285	2.207.499	2.147.478	9.457.907	29.518.599
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	165.891	-	-	-	-	-	-	165.891
Tài sản cố định	-	4.866.063	-	-	-	-	-	-	4.866.063
Tài sản Có khác - góp	187.500	14.312.688	2.279.092	5.750.106	5.181.919	1.666.207	-	-	29.377.512
	13.298.528	25.410.693	134.768.541	179.308.985	19.264.473	9.490.813	23.570.184	12.267.500	417.379.717
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-	609.712	-	-	-	-	-	609.712
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	21.648.960	9.451.968	5.453.693	2.287.680	1.177.710	2.379	38.962.390
Tiền gửi của khách hàng	-	-	77.538.326	56.581.589	76.531.534	48.258.358	44.670.250	1.672	303.581.729
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	462.401	1.160.296	87.870	358.237	1.443.300	863	3.512.967
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.624.478	5.736.844	8.046.733	6.520.964	7.105.060	1.000.000	31.034.079
Các khoản nợ khác	-	10.942.496	-	-	-	-	-	-	10.942.496
	-	10.942.496	102.883.877	72.930.697	90.119.830	57.425.239	53.336.320	1.004.914	388.643.373
Mức chênh lệch cam với lãi suất	13.298.528	14.468.197	31.884.664	106.378.288	(70.855.357)	(47.934.426)	(29.766.136)	11.262.586	28.736.344

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.754.801	-	-	-	-	-	-	1.754.801
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	10.163.244	-	-	-	-	-	10.163.244
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	32.390.106	1.279.276	39.108	-	-	-	33.708.490
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	3.889	-	-	-	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	172.946	-	-	-	-	-	-	172.946
Cho vay khách hàng - gộp	9.831.642	-	80.035.698	137.632.941	5.417.962	2.178.000	28.452.283	1.613.150	265.161.676
Chứng khoán đầu tư - gộp	350.000	4.565.438	1.550.000	2.238.007	-	1.801.055	4.297.214	7.537.323	22.339.037
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	165.891	-	-	-	-	-	-	165.891
Tài sản cố định	-	4.817.506	-	-	-	-	-	-	4.817.506
Tài sản Có khác - gộp	892.013	20.281.049	784.619	3.608.781	4.297.002	1.516.878	-	-	31.380.342
	11.073.655	31.761.520	124.923.667	144.759.005	9.754.072	5.495.933	32.749.497	9.150.473	369.667.822
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-	725.071	-	-	-	-	-	725.071
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	27.946.567	12.556.939	6.391.184	1.724.033	2.114	2.912	48.623.749
Tiền gửi của khách hàng	-	-	66.033.170	40.267.012	60.262.214	48.291.641	44.379.607	3.102	259.236.746
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	463.299	-	1.345.045	-	660.327	41.016	2.509.687
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.265.122	4.241.713	3.237.683	6.151.489	9.836.757	1.000.000	26.732.764
Các khoản nợ khác	-	8.918.858	-	-	-	-	-	-	8.918.858
	-	8.918.858	97.433.229	57.065.664	71.236.126	56.167.163	54.878.805	1.047.030	346.746.875
Mức chênh lệch cam với lãi suất	11.073.655	22.842.662	27.490.438	87.693.341	(61.482.054)	(50.671.230)	(22.129.308)	8.103.443	22.920.947

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. SHB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của SHB cũng là Đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của SHB chủ yếu bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của SHB bằng ngoại tệ khác ngoài Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. SHB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SHB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	1.108.583	464.163	31.448	15.733	1.619.927
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	8.959.080	5.691.656	568	154.836	14.806.140
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - góp	20.063.028	10.873.979	178.840	134.667	31.250.514
Chứng khoán kinh doanh - góp	3.889	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	3.738.766	(3.586.655)	1.420	(19.659)	133.872
Cho vay khách hàng - góp	291.709.358	9.870.061	1.890.270	2.167.621	305.637.310
Chứng khoán đầu tư - góp	29.518.599	-	-	-	29.518.599
Góp vốn, đầu tư dài hạn	165.891	-	-	-	165.891
Tài sản cố định	4.852.757	8.586	-	4.720	4.866.063
Tài sản Có khác - góp	15.515.371	13.799.264	319	62.558	29.377.512
	375.635.322	37.121.054	2.102.865	2.520.476	417.379.717
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	609.712	-	-	-	609.712
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17.169.886	21.547.490	5	245.009	38.962.390
Tiền gửi của khách hàng	291.385.675	11.342.445	219.361	634.248	303.581.729
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.160.297	462.400	1.890.270	-	3.512.967
Phát hành giấy tờ có giá	31.034.079	-	-	-	31.034.079
Các khoản nợ khác	6.726.718	4.146.962	15.903	52.913	10.942.496
	348.086.367	37.499.297	2.125.539	932.170	388.643.373
Trạng thái tiền tệ nội bảng	27.548.955	(378.243)	(22.674)	1.588.306	28.736.344

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

42. Các khoản mục bất thường

Trong năm 2020, nền kinh tế và xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và đang có chiều hướng lan sang các tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ và miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Thông tư 01.

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Thị Liên

Trưởng phòng kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát

Ngô Thị Vân

Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ngô Thu Hà

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lê

Tổng Giám đốc





+ SHB - Báo cáo thường niên 2020

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3942 3388 | Fax: (024) 3941 0944

Website: shb.com.vn | Email: shbank@shb.com.vn

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC

